

BÁCH KHOA

SỐ 87

NGÀY 15 . 8 . 1960

KHẢO-LUẬN

HOÀNG-MINH-TUYNH	Phi-Châu độc-lập.
THIỆN-SINH	Những trang sử phần thư.
PHẠM-HOÀNG	Lạc-quan thông-minh.
NGUYỄN-VĂN-HẦU	Nguyễn-Quang- Diêu (II).
NGUYỄN BẠT-TUY	Nghề chài lưới trong ngôn-ngữ.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Mustapha Kémal (II).
NGỌC-SƯƠNG	Một mầm non.
ĐOÀN-THÊM	Thơ có thể và thơ tự-do.
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Tồ-chức tế bào.
CÔ-LIÊU	Những phương thuốc trường-sinh.

VĂN-NGHỆ – SINH-HOẠT

TRẦN-VĂN-KHÊ	Lá thư hải-ngoại.
HUY-LỰC	Tiếng hát đòi sim.
BÙU-KẾ	Thằng khờ.
TRẦN-HỒNG-HƯNG	Họa thơ Bùi- Khánh-Đản.
ĐOÀN-THÊM	Trời mưa mãi.
DOÃN-DÂN	Ba mẹ.
T. MAI	Sài-gòn ngày xưa. (Thuật theo Ô. Vương- Hồng-Sèn)

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh

— Rượu Tàu

— Rượu Tàu

"Eau de Vie cu" 40° và 50°

"Lào-Mạnh-Tửu"

"Tch-Tho-Tửu"

SI-RÔ "Verigoud" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm

Distarome

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. »**

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :**

HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :**

CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ

(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG



PHÒNG

UỐN

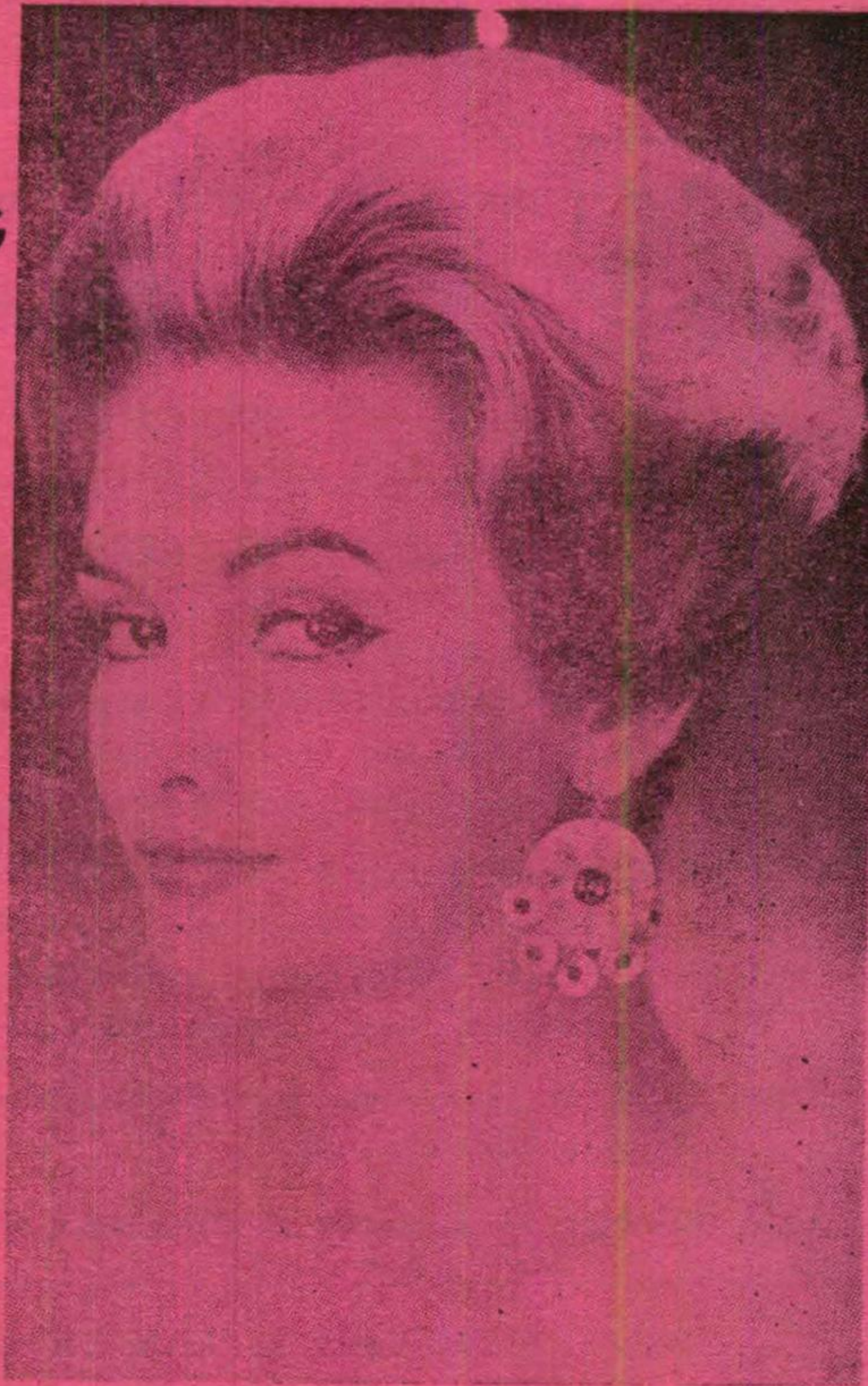
TÓC



SỬA

SẮC

ĐẸP




BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON



DU - NGOẠN HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

TỔ - CHỨC

NHỮNG CUỘC DU - NGOẠN CUỐI TUẦN
ĐI HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

1) Du-ngoạn 2 ngày ở HUẾ

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở HUẾ trở về chiều Chúa - Nhật : 16g50

Giá tính chung **3.000\$** mỗi người

2) Du - ngoạn 3 ngày ở HUẾ và ĐÀ - NẴNG

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở ĐÀ - NẴNG trở về chiều Thứ Hai : 13g45

Giá tính chung **3.400\$** mỗi người

kể cả tiền vé phi - cơ khứ - hồi, ăn ở, du - ngoạn
có hướng - dẫn - viên.

Mỗi cuộc du - ngoạn cần số người dự ít lắm : 5 người

XIN HỎI CHI-TIẾT và LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MAY VIÊN ẤN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

PHI-TRƯỜNG TÂN SƠN NHÚT

Phi trường Tân Sơn Nhứt vào thời đại phản lực là một nguồn lợi tối quan trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều khiển của kỹ sư và kỹ-thuật gia Việt-Nam, Phi trường Tân Sơn Nhứt nỗ lực kiến thiết để góp phần độc lập kinh tế.

Dài đến 3.000 thước, sân bay sẽ tiếp rước và tiễn đưa những phản-lực-ca hạng nặng nối liền Saigon với các đô thị lớn trên hoàn-cầu.

Phương tiện giao thông và chuyên chở này cũng như các kỹ nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ gìn dụng cụ.



HANG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v...

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

**SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thành-Tôn
Tél. : 22.142**

**CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621**

**TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng.
Tél. : 25.172**

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon

Toutes Opérations de Banque et de Change.

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,*



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BÁCH-KHOA

Số 87 — Ngày 15-8-1960

Trang

HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Phi-Châu độc lập</i>	3
THIỆN-SINH	<i>Những trang sử phần thư</i>	13
PHẠM-HOÀNG	<i>Lạc quan thông minh</i>	17
NGUYỄN-VĂN-HẦU	<i>Nguyễn-Quang-Diêu (II)</i>	18
NGUYỄN BẠT-TỤY	<i>Nghề chài lưới trong ngôn-ngữ</i>	25
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Mustapha Kemal (II)</i>	30
NGỌC-SƯƠNG	<i>Một mầm non</i>	39
ĐOÀN-THÊM	<i>Thơ có thể và thơ tự-do</i>	44
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	<i>Tổ chức tế-bào</i>	55
TRẦN-VĂN-KHÊ	<i>Là thư hải ngoại</i>	61
CÔ-LIÊU	<i>Những phương thuốc trường sinh</i>	69
HUY-LỰC	<i>Tiếng hát đôi sim (thơ)</i>	73
T. MAI	<i>Saigon ngày xưa</i> (Thuật theo câu chuyện của Ô. Vương-Hồng-Sên).	75
TRẦN-HỒNG-HÙNG	<i>Họa thơ B.K. Đản</i>	80
BỬU-KẾ	<i>Thằng Khờ (truyện ngắn)</i>	81
ĐOÀN-THÊM	<i>Trời mưa mãi (thơ)</i>	86
DOÃN-DÂN	<i>Ba Me (truyện ngắn)</i>	87

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	: Những khó khăn trong địa hạt kinh tế tại Phi-Châu.
ĐOÀN-THÊM	: Lại nói chuyện về thơ có thể và thơ tự-do (II).
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	: Thông thương và chiến tranh giữa người Hòa-Lan với xứ ta.
BÙI-LƯƠNG	: Giải-thích : Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ.
THUẦN-PHONG	: Chuyện biển trong ca-dao.
H. Đ.	: Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.
NGUYỄN-VĂN-HẦU	: Nguyễn-Hữu-Cảnh.
TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ	: Đôi nhận-xét về âm-điệu Vọng-cổ.
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	: Sinh vật.
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	: Vấn đề PHẬT trẻ em trong phương pháp giáo dục hiện tại.
TRẦN-VĂN-KHÊ	: Lối đàn và ca Huế. Lối đàn tài tử. Các lối Nhạc Triều-đình.
BÙU-KẾ	: Bên ngoài và bên trong (truyện ngắn)
VŨ-HẠNH	: Vàng Hời (truyện ngắn).
XUÂN-TÙNG	: Trận banh đầu (truyện ngắn)
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	: Mưa (truyện dịch)
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	: Xóm mới (truyện ngắn)
PHAN-DU	: Hoàng « liên-sinh ». (truyện ngắn)

Đính Chính.

Trong B.K. số này, nơi trang 3, bài Phi-châu độc-lập của Ô. Hoàng-Minh-Tuynh, phần tên bài, ấn công có sắp lộn chữ Phân-liệt thành Hân-liệt. Mong bạn đọc sửa giùm và chúng tôi xin cáo lỗi cùng bạn đọc và tác-giả.

PHI-CHÂU ĐỘC-LẬP

*DÂN-CHỦ HAY ĐỘC-TÀI ?
HÂN-LIỆT HAY LIÊN-HOÀNH ?
PHỒN-VINH HAY KIẾT-QUÊ ?*

Đó là những số-hạng của phương-trình Phi-Châu

HOÀNG-MINH-TUYNH

GIỮ A năm 1960, toàn thể thế giới đều chú mục hướng về Phi-Châu. Sau Ghana, Guinée, xứ Cameroun vừa được độc lập, tiếp theo là bốn xứ Mali, Sénégal, Soudan và Congo Bỉ. Xứ Nigéria sẽ tới lượt nay mai, đồng thời có nhiều xứ khác đang rảo bước trên đường dẫn đưa tới một ghế ngồi tại Liên-hiệp-Quốc, tới chỗ tổ chức đại diện ngoại-giao biệt-lập, tới vinh dự, tới trách nhiệm, có khi tới cán cân quân-bình lực lượng giữa hai khối Đông, Tây, thường khi tới những khó khăn kinh tế, những rối loạn nội bộ, những bất trắc của ngày mai vô định. Chưa bao giờ lịch-sử thế-giới được chứng kiến một trạng huống khuynh phúc lớn lao trong một thời gian ngắn ngủi đến thế. Có những nhà chính trị Phi-Châu đưa mắt nhìn

cái phong trào đột khởi mãnh liệt đó, không khỏi lo âu tự hỏi Lịch sử rồi sẽ đưa họ tới đâu. Trong khi nhiều đề quốc cổ xưa tan vỡ ra từng mảnh thì giữa khoảng đất Phi-Châu mới mẻ, chân chất, bỗng phát hiện ra một lỗ hổng mà hầu hết các cường quốc trong thế giới đều xum-xoe muốn lấp lại cho đầy, tranh giành ảnh hưởng một cách khá kịch liệt. Người ta động viên mọi thứ lực lượng để tham gia, lớn có, nhỏ có, tinh thần có, vật chất có. Hồi giáo khởi sự tấn công chớp nhoáng thì vương phủ Vatican muốn phản công chặn lại ; Liên - Xô định len lỏi qua những kẽ hở, thì Hiệp-Chúng-Quốc liên kết với Anh-cát-Lợi dụng công mua chuộc phái thượng lưu, giữa lúc Bỉ cố tâm đào luyện giới trí thức, Pháp cam kết đổi chính sách

thực dân thành cảm-tình huynh đệ, Ai-Cập, Ấn-Độ, Trung-Hoa mỗi nước gắng sức thi hành nhiều thủ đoạn cao để duy-trì hay tổ-chức sự hiện diện, dĩ chí Nhật bản, hai nước Đức, Do-Thái cũng sửa soạn tìm khoảng đất để tự đặt lấy con cờ của mình vào chỗ thích hợp.

Các nhà lãnh đạo da đen, tuy vẫn hằng mơ ước một thể liên hoành Phi-châu, mà vẫn cứ đối lập nhau hoài, trong những cuộc phân tranh hết sức đáng cay, có khi vì lý tưởng, có khi vì quyền lợi cá nhân. Tiếng nói của họ văng lên đầy giọng khô độc, liệu đã cho phép ta ước đoán gì về vận hội của Phi-châu tự chủ chưa? Liệu cái đại lục mới mẻ vừa nhô lên khỏi tình-trạng vô trách nhiệm sẽ lâm cảnh đầm máu hay sẽ hưởng cảnh hòa lạc, sẽ theo chế độ độc tài hay sẽ thi hành chính sách dân chủ, sẽ đạt tới nền thịnh vượng vinh quang hay sẽ sa vào nơi lâm than nô lệ? Dưới đây, chúng tôi thử xét nhìn và phân tích sự việc để tìm lời giải đáp.

*
* *

Các nhà lãnh đạo các quốc gia trẻ trung Phi-châu, khi thấu hồi độc lập xong, đều bị đặt trước hai trách vụ chủ yếu. Trách vụ thứ nhất là trách vụ chính trị : làm sao tạo lập ra được những quốc gia thuần nhất và vững mạnh tại những lãnh địa tiếp giáp với nhau bằng những đường ranh giới hết sức mập mờ, phiền phức, trong đó các lực lượng đối lập nhau thường trực, và lúc nào cũng sẵn sàng mở cuộc giao tranh để tàn hại lẫn nhau ;

lại phải tổ chức các mối quan hệ giữa các quốc gia mới, chuẩn bị các cuộc hợp tác và đoàn kết dân tộc. Trách vụ thứ hai là trách vụ thuộc phạm vi kinh tế : làm sao khai thác các tài nguyên trong xứ đã sẵn có, mặc dù thiếu nhân công chuyên-nghiệp và tư bản cần-thiết, để tiến hành công cuộc mở mang.

Chúng ta ở xa, thường khi lấy làm ngạc nhiên về những phương-pháp các nhà lãnh đạo ấy năng dùng để hướng dẫn xứ sở họ về mặt chính trị hay về mặt kinh tế, cũng vội-vàng phản nản hay trách móc họ đã dùng những thủ đoạn của độc-tài hay của cộng-sản để canh tân xứ sở. Khi chúng ta nhận định rõ những nông nổi khó khăn, ủy khúc của họ và những chướng ngại họ vấp phải, chúng ta mới có thể hiểu rõ — và hiểu rõ không có nghĩa là tán thành — vì sao họ phải dùng tới những phương pháp mà chính họ cũng coi là những phương pháp « vụn vặt đê đĩ », không dùng mới phải dùng vậy mà thôi.

*
* *

Trước hết, các quốc - gia trẻ trung Phi-châu vấp phải các vấn đề nan giải về mặt chính-trị. Trách vụ của họ thật khó khăn vì phải tìm cách nào cho các phần tử mâu thuẫn có thể sống chung được với nhau, rồi liên hiệp lại thành một quốc-gia thuần nhất. Phương tiện của họ rất thiếu thốn : họ không có tập tục, cổ phong, phái thượng - lưu trí-thức thì quá ít ỏi, dân chúng thì đa số còn rời rạc, bơ - thờ, chưa có tinh-thần cố kết. Giải pháp họ phải

đi tới là giải pháp dân-chủ « chỉ huy ». Công cuộc họ cần phải thi hành ngay tức khắc là công cuộc tập hợp dân-chúng dưới sự điều khiển của một cá nhân hay một đoàn-thể.

Việc làm cho các phần-tử mâu thuẫn sống chung với nhau

Phi-châu, tuy về hình thể là một lục địa « nhất đại khối », mà kỳ thật là một bản cò chia ra hàng trăm, ngàn ô nhỏ tương phản, tương khắc với nhau. Trong lòng mỗi quốc - gia, sự tương phản, tương khắc càng sâu sắc, sự cô-kết càng trở nên mong manh hơn nữa.

— Mỗi quốc - gia đều có những thành thị hiện-đại-hóa và những trung-tâm kỹ - nghệ phiến-toái bảo trước thế kỷ XXI, ở bên những làng mạc-rừng rú không chút dấu vết của nền văn-minh cơ giới, nhân dân còn sống như thời Trung-cổ, với trình độ tiếp giao giữa hai thái-cực thật khó thông-cảm.

— Sự đối lập giữa đồng cỏ và rừng già càng không kém phần quan trọng. Trong những khu vực đồng cỏ miền Bắc, hoàn cảnh thuận-lợi của nông-nghiệp và phương-tiện giao-thông giữa các trung tâm đã khiến cho công cuộc mở mang được tương-đối dễ dàng và có tổ chức hơn. Các đế quốc lớn như Mali, Bénin, Bornou đều nằm trong khu vực đó. Dân chúng nơi rừng già và miền duyên hải, trái lại, còn ở trong tình trạng sơ khai, trong khi các quốc gia trẻ trung Phi - châu

thành lập trên hạ-tầng cơ-sở do chính quốc cũ để lại, phần nhiều lại tập trung vào miền duyên-hải và các thương-khẩu — Do đây, phát sinh ra tình trạng đối lập giữa dân chúng miền Bắc tiên bộ, đối với dân chúng miền Nam còn thô lậu, nhiều khi tình trạng đối lập đi tới chỗ đối kháng, khinh miệt quá đáng với người đồng chủng.

— Mỗi quốc gia thừa nhận biên cảnh của các thuộc địa cũ, thường không quan tâm gì lắm đến những yếu tố tự nhiên về nòi giống, về xã hội, và các đường ranh giới phân chia các lãnh thổ tùy thuộc một cách hết sức ngẫu nhiên vào những công cuộc thám hiểm của các nhà thực dân thuở xưa, vào sự tranh giành ảnh hưởng của các đế quốc có thuộc địa, hoặc vào kết quả của những việc thương nghị, đàm phán giữa các nước Âu-châu ngày trước. Mỗi quốc gia bao gồm nhiều đoàn thể dân chúng dị-biệt ít khi chịu sống chung với nhau. (Người ta mới điều tra làm biểu thống kê, thì thấy nguyên Hắc-Phi có tới trên một ngàn rưỡi đoàn thể dân chúng dị-biệt) Tỷ dụ ta thấy có những đặc-trưng của dân Ashantis ở xứ Ghana còn coi vua là Thần-nhân, Asantchene bên những sắc-thái của dân Bokongos ở Congo-Bỉ tính việc tái lập nền đế chính tại Congo-hạ, đặc-trưng và sắc-thái mâu thuẫn với nhau, gây nên những cuộc phân tranh nhiều khi ác-liệt. Vấn-đề còn thấy phức-tạp hơn nữa trong những lãnh địa có một thiểu số da trắng luôn luôn sợ bị người da đen

tràn ngập. Đó là trường-hợp các lãnh địa người Anh về phía Đông Phi.

— Các dân-tộc trong cùng một quốc-gia nhiều khi không hiểu được nhau, vì mỗi tộc đoàn nói riêng một thứ tiếng. Nguyên những miền Tây Phi-châu thuộc Pháp trước đây có không dưới 126 thứ tiếng, không kể còn nhiều thổ ngữ chỉ được chừng vài ngàn người dùng. Không có tiếng nào có một văn-tự khả dĩ làm hậu thuẫn được cho một nền văn-hiến kim thời.

Phương-tiện khiếm-khuyết

Dù ngánh nhìn về quá khứ hay tính số trong hiện tại, các nhà lãnh đạo Phi-châu cảm thấy rất khó khăn trong việc tìm kiếm ra những phần tử tích cực, hoạt bát.

— Trước họ, chưa từng bao giờ có quốc-gia theo đúng nghĩa, tại Phi-châu. Các đế quốc như Ghana, Mali, Bénin chỉ là những đoàn người kết hợp một cách hết sức lỏng-lẻo dưới quyền bảo-hộ của một thủ lãnh, tựa như kiểu « Clientèle » thời cổ La-mã. Ngày nay muốn gây một nội dung để cõ kết dân chúng trong những miền chật thành từng khúc trên bản đồ đó, các nhà lãnh đạo đều phải khổ công tạo lập hết mọi sự, bắt đầu từ con số không.

— Tổ-chức cựu truyền của các xã-hội bản xứ cũng không giúp gì được cho họ hơn, bởi nó phân tán quá. Đơn-vị cơ bản là « gia tộc ». Các gia tộc kết hợp lại với nhau thành « thị tộc » (căn cứ vào huyết thống) hoặc

thành thôn xã (căn cứ vào liên hệ đất đai). Tình liên-đới do đây chỉ thấy hiển hiện trong một phạm-vi hết sức nhỏ hẹp, và khó vươn tới phạm-vi một xã-hội rộng lớn hơn. Hình thức quyền uy ở đó phần nhiều chỉ là một cái thẳng, ngăn chặn con người sáng tạo và phát huy đầy đủ năng-lực. Phụ-nữ còn bị ràng buộc vào một tình trạng thấp kém. Phần đông dân chúng còn bị gác ra ngoài « việc công » và thuộc dưới quyền các bậc « tiên chi ». Trong mỗi gia tộc, quyền tối cao thuộc vị cao niên nhất trong chi, hệ của ông cao tổ, còn trong hương lý, thì thuộc vào một thứ « hội đồng kỳ mục ». Chính vì vậy mà hạng thanh-niên nhiều động lực không sao thi hành được sáng kiến gì, nếu cứ đứng nguyên trong nền-nếp, gia-phong của cựu-truyền.

— Hạng thượng lưu trí-thức rất hiếm, nên họ thiếu người phụ-trách gương máy điều-khiển then chốt của quốc-gia; các cán-bộ hành-chính và chuyên-viên thường là những người từ chính quốc sang, khi độc-lập tới Phi-Châu thì họ ra đi và không hẹn ngày trở lại. Trách nhiệm và quyền hành do đây, đều tập trung vào trong tay một số ít người ngày càng bị ngập đầu và công việc bê bối.

— Tâm lý của quần chúng có khuynh hướng tăng cường quyền hành cho các nhà lãnh đạo. Người Phi-châu quan niệm về người lãnh đạo của họ gần giống chúng ta. Một khi họ đã tin cậy ai thì tin cậy hoàn toàn, không muốn chừa lại một phần nào

cho người thứ hai. Một là tin, hai là không tin mà thôi.

Vừa thiếu cô phong, vừa phải cấp tốc canh-cải các cơ-câu xã-hội với một số quá ít thượng lưu trí thức, lại vừa phải đối-phó với một tâm lý quần chúng còn quá đơn sơ, các sự kiện đó lý giải cho chúng ta vì đâu các quốc gia Phi-Châu không thể không thi hành một chế-độ chính trị khác thường như ta nhận thấy hiện nay.

Thử áp dụng một giải pháp :

« dân-chủ chỉ-huy »

Mầm-mông dân chủ do các chính quốc cũ gieo trên lục địa Phi-Châu đã đưa các nhà lãnh đạo miền ấy tới chỗ phải chấp nhận một hình thức chính trị phỏng theo định chế của các nước giám hộ thuở trước. Tuy nhiên, hình thức ấy vẫn còn vương mắc tính chất lý thuyết khá sâu đậm và che giấu một chế-độ độc-đoán ngày càng trở nên chuyên-chề và thường do một cá nhân hay một đảng độc nhất nắm giữ trọn vẹn mọi quyền-bính trong tay. Xứ Côte-d'Ivoire thì do ông Houphouët-Boigny và đảng Tập-đoàn Dân-chủ Phi-Châu, xứ Ghana thì do ông Nkrumah và đảng Dân-ước, xứ Guinée thì do ông Sékou Touré và đảng Dân-chủ nước Guinée.

— Tình thế khó khăn trong giai-đoạn kiến thiết quốc-gia đòi hỏi một chính-quyền trung-ương mạnh mẽ. Người Phi-châu không quen ý thức một chính - quyền tập - thể, nên họ thường tập trung chính-quyền ấy trên

đầu một người. Uy-tín của vị nguyên thủ thường xuất-phát từ bản-thân của vị ấy nhiều hơn là do từ một cuộc công-cử hay do từ những thể-thức bầu-bán dân-chủ nào. Nhân dân và chính vị nguyên thủ ấy nhiều khi cũng chưa thật thâm-nhập những nguyên-tắc căn-bản được coi là nền-tảng của một chế-độ dân-chủ. Có nhiều liên hệ tình - cảm hay quyền-thuộc ràng buộc nhân dân với người lãnh đạo. Những giây liên hệ ấy tăng cường nếu người lãnh đạo đã có công tham gia hoặc cầm đầu phong trào giải phóng dân-tộc ; nhiều khi vị lãnh đạo lại kiêm luôn chức đạo-mục, hay đạo-trưởng một giáo phái và còn giữ nhiều sắc-thái của tôn-giao ấy trong khi hành-sử chính quyền.

— Đối với một quốc - gia quá ư phân tán, nhiều người nghĩ rằng muốn gây mỗi thống nhất, cần phải giữ quyền bính cho chặt và lỏng xã-hội vào một khuôn từ đầu tới cuối. Do đây, nảy sinh chế độ độc đảng. Sự đòi lập được các nước Tây-phương coi là yếu-tổ chủ-yếu của dân chủ, thì lại bị các nhà thượng lưu trí thức Châu-Phi coi là hoàn toàn bất hảo và không thể gì thực hiện được. Họ coi đòi-lập là nguồn-gốc của mọi rối loạn, chỉ có hiệu-năng phá-hoại. Trong khi kiến quốc, họ cho rằng cần phải giáo-dục quần chúng mãnh liệt để cho toàn thể quốc - dân cùng bắt tay vào việc và huy động nhân - công để tiến tới vượt mức. Để đạt những mục - tiêu đó, phương tiện duy nhất đòi với họ là chế-độ độc đảng.

DÂN SỐ PHI-CHÂU

Dân số Phi-Châu rải rác, lại phân chia không được đồng đều. Chúng tôi sắp đặt ở dưới đây các quốc-gia theo thứ tự tầm-mức quan-trọng về dân số.

	Dân số (hàng ngàn)	Diện-tích (bằng km ²)	Mật độ (trong km ²)
Nigéria	32.433	878.447	37
Congo (Bỉ)	13.124	2.344.932	6
Tanganyika	8.760	937.061	9
Liên-Hiệp Rhodésias-Nyass	7.880	1.262.986	6
Kenya	6.254	582.646	11
Mozambique	6.170	783.030	8
Liên-Hiệp Mali	6.010	1.301.182	5
Ouganda	5.680	243.410	23
Ghana	4.763	237.873	20
Ruanda-Urundi	4.568	54.172	84
Angola	4.355	1.246.700	3
Haute Volta	3.460	274.122	12
Cameroun	3.187	432.050	7
Côte-d'Ivoire	3.088	322.463	8
Tchad	2.580	1.283.000	2
Guinée	2.498	245.867	10
Niger	2.450	1.188.794	2
Sierra Leone	2.120	72.326	29
Dahomey	1.715	115.762	15
Cameroun (Anh)	1.562	88.270	18
Libéria	1.250	111.370	11
Phi-Châu (Trung)	1.140	626.000	2
Togo	1.093	57.000	19
Congo (Pháp)	762	349.000	4
Guinée (Bồ-Đào-Nha)	554	36.125	15
Gabon	408	265.000	2
Gambie	290	10.369	28
Guinée (Tây-Ban-Nha)	212	28.051	8

— Thường đảng của người Phi-Châu nào cũng có đảng-kỳ riêng, dấu-hiệu riêng và cách chào riêng. Về tổ-chức cảnh bị và tổ-chức thanh-niên họ chủ tâm muốn cho bao phủ một bầu không khí bí mật, theo sở thích của dân chúng Phi-Châu còn ưa chuộng, say mê điều huyền-hoặc, dị đoan, nhiều khi coi cuộc đời phải khúc-mắc một chút mới có nghĩa lý và giá trị.

Nếu chế-độ dân-chủ Phi-Châu còn chưa đứng nhiều sắc thái không được chính thống dân-chủ, thì đó không phải là tự họ muốn bắt chước tổ-chức của người cộng-sản, mà chính thật là bởi họ có ý muốn áp dụng dân-chủ vào hoàn cảnh đặc biệt của xứ sở họ. Tuy nhiên, chủ-trương của họ không phải là không chứa đựng nhiều mối hiểm nguy. Một mặt, vì mọi sự đều đặt trên vai một người, tương lai của xứ sở họ hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng của người độc nhất ấy. Mặt khác, đảng rồi ra có chịu biến đổi vai trò « quốc sư » để lần lần buông thả quốc dân theo đà tiền triển, và chỉ còn thủ vai đại biểu chân chính cho những nguyện vọng của dân-chúng mà thôi chăng ?

Một công - cuộc cấp - bách : thực-hiện đại đoàn kết Phi-Châu.

Vấn-đề không phải chỉ có bấy nhiêu. Bởi hết mọi việc tiến hành đều thực tế khởi sự từ con số không, chúng ta tự hỏi Phi-Châu có nên tạo lập ra

hàng ba mươi chủ nghĩa quốc-gia đòi lập, hàng ba mươi đơn-vị chính-trị, với ba mươi chính-phủ, ba mươi quân đội ba mươi chế-độ kinh-tế không ? Có rất nhiều lý-do khiến các nhà lãnh-đạo Phi-châu phải nghĩ đến việc thực hiện đại đoàn kết cho lục địa Phi-châu và có nhiều vấn-đề chỉ có thể giải quyết trên cương vị một thể đại đoàn kết đó thôi.

— Trước hết về mặt diện tích. Phi-châu tuy là một đại lục mệnh mông, song dân cư rất thưa thớt. Có nhiều vị tuy mang danh là nguyên thủ một quốc-gia mà kỳ thật chỉ là nguyên thủ một dân số đông bằng dân số một tỉnh trung bình ở Việt-Nam. Trừ Nigéria 32 triệu dân, và Congo B1 13 triệu dân, không có quốc-gia Phi-châu nào có nổi một dân số 10 triệu. Gambia gồm 10.000 km², dân số 290.000 và Gabon chừng 400.000. Chúng ta không hiểu với hoàn cảnh ấy, các nước Phi-châu làm cách nào để có thể chịu đựng được sức nặng của một tổ-chức chính-trị và kinh-tế hoàn bị.

— Ngoài ra, các biên-cảnh tuy kết-tập được nhiều tộc-đoàn phức-tạp lại thành một quốc-gia, nhưng lại đồng thời phân chia một tộc đoàn ra cho nhiều lãnh-địa khác nhau. Đó chính là nguồn gốc của những cuộc phân tranh liên miên không dứt. Trước ngày độc-lập, yêu sách về lãnh thổ đã thấy xuất hiện, gây ra xích mích giữa Ghana và Côte-d'Ivoire, giữa Togo và Ghana, giữa Rhodésie và Congo B1. Cameroun và Nigéria cũng

TÌNH-TRẠNG HỌC-VẤN

Chúng tôi tóm lược dưới đây tình-trạng học-vấn tại các quốc-gia chính Phi-Châu. Ở đề-mục Tiểu-học, chúng tôi ghi thêm % số nhi đồng theo học các trường Tiểu-học so với toàn dân.

	(theo học)	Tiểu-học (số học-sinh)	Trung-học và Chuyên-khoa (số học-sinh)	Đại-học (số sinh-viên)
Congo (Bỉ)	85%	1.725.000	5.570	284
Rhodésies và Nyassaland	80%	920.000	38.000	161
Ghana	80%	611.000	22.000	2.100
Congo (Pháp)	72%	79.000	3.250	108
Gabon	67%	39.800	1.150	103
Cameroun	64%	294.000	10.000	904
Kenya	60%	550.000	15.000	900
Ouganda	50%	435.000	32.000	
Togo	44%	70.600	2.000	288
Nigéria	40%	1.950.000	64.000	5.200
Mozambique	38%	325.000	10.700	
Dahomey	29%	74.400	2.800	387
Trung-Phi	28%	45.800	1.500	35
Côte-d'Ivoire	27,5%	125.700	5.100	1.131
Tanganyika	26%	350.000	44.000	
Sierra Leone	20%	62.000	7.500	148
Gambie	17%	6.000	900	100
Mali	15%	122.500	8.900	983
Angola	12%	75.000	11.000	4
Guinée	11,5%	42.500	2.850	387
Tchad	8,6%	32.610	700	35
Haute Volta	7,8%	38.100	1 750	106

muốn kéo về mình miền Cameroun đặt dưới quyền giám hộ của nước Anh. Tất cả những vấn-đề trên chỉ có thể giải quyết bằng một cuộc đoàn-kết rộng rãi giữa các người Phi cũng thỏa thuận với nhau để tìm một giải pháp chung.

— Sau hết, để tránh những phi phạm vô ích, cuộc đại đoàn kết lại càng thấy là điều cần thiết. Mỗi quốc gia không cần phải thực hiện cho riêng mình một hạ tầng cơ sở đầy đủ và một nền kinh tế tự túc, tự trị. Như dự án xây đập Ingra, tại Congo Bè, nếu thi hành, có thể gây ra mối cạnh tranh với đập Konilou, thuộc Congo Pháp. Hai bên bất hòa chỉ tổ gây thiệt hại và phí phạm cho nhau.

Các nhà lãnh đạo Phi-châu cũng biết như vậy, nên trong cuộc hội nghị nào họ cũng nêu lên sự cần thiết ấy để tìm phương giải quyết. Song trên thực tế, họ chưa đi tới kết quả nào gọi là đáng kể.

Cuộc liên kết giữa Ghana và Guinée vấp phải nhiều khó khăn chưa vượt qua được. Libéria được mời tham dự, tỏ vẻ dè dặt hết sức. Trong số bốn nước đã thỏa thuận để tổ chức Liên hiệp Mali, hai nước đã rút chỉ còn lại có Sénégal và Soudan. Cũng có nhiều dự định tổ chức khác ít tham vọng hơn, như «Hội nghị Hòa hiếu» kết tập các quốc-gia cùng đi tới một cuộc tiền-hành hành-chính, kinh-tế và xã-hội chung. Giữa Côte-d'Ivoire, Volta-thượng, Niger và Dahomey, hoặc tổ chức «Liên hiệp Xích đạo» kết tập

các quốc-gia vốn ở trong Đông Phi thuộc Pháp.

Nhiều vị lãnh đạo muốn đi xa hơn và hy vọng tìm ra một căn bản cho thể liên-hoành của toàn thể Phi-Châu. Đó là trường hợp đặc biệt của nhà lãnh đạo Nkrumak, rất có uy tín vì thâu hồi độc lập cho xứ sở từ năm 1957. Ông này đã có công lớn đối với các nước Phi-châu buổi đã đặt nổi một nền tảng cộng-đồng khá vững chắc cho các dân-tộc tự-do da đen, với sự nâng đỡ của ông Sékou-Touré và Tổng-Thống Tubman (Libéria); ông Nkrumak cũng đã chiêu đãi và giúp đỡ các lãnh-tụ của nhiều đảng-phái đòi lập Phi-châu với hy vọng các vị này sẽ ủng hộ ông trong mưu đồ lập thành đế quốc sau này.

Sở dĩ thể đoàn-kết Phi-châu chưa phát triển rộng lớn được, đó là vì đã gặp rất nhiều trở ngại. Công cuộc thực-dân của người Tây-phương trước đây không biến Phi-châu thành những quốc-gia thực sự, mà thành những lãnh-địa có tư thái rất khác biệt. Lãnh-địa thuộc quyền giám hộ của cường quốc nào thì cũng mang nặng ản tích của cường quốc ấy, với tập quán, văn-tự, cách thức sinh-hoạt riêng. Các lãnh-địa trở nên các quốc-gia mới, do đây, rất khó thông-cảm với nhau, nước thì sống theo cách Pháp, cách Ý, nước thì sống theo lời Anh, lời Bồ. Sự bất quân phân về tài nguyên cũng đóng một vai trò không kém quan-trọng; một nước may mắn có được tài nguyên sung túc khiến cho sự phát-triển kinh-

tẻ được mau lẹ, dễ dàng, thường ít khi chịu liên kết với một nước khác nghèo hơn, vì sợ phải chia xẻ mất một phần quốc sản. Song trở ngại trên hết nằm trong vấn đề giao dịch giữa người với nhau. Félix Houphouët-Boigny, khi nghĩ tới Sékou Touré và Nkrumah, đã nhắc lại câu tục ngữ Phi châu : « Hai con sấu đực không thể chung sống ở một lạch sông » Các nhà lãnh đạo trẻ trung, người nào cũng đầy tham vọng và chẳng ai chịu nhường cho ai ngự trên ngôi bá chủ. Cho nên chúng ta dự đoán : một cuộc liên kết có hạn định giữa một số quốc gia Phi-châu tuy gặp nhiều trở ngại, song có thể ngày kia thực hiện được, chứ như việc tạo thế liên hoành (theo hệ thống ngang) hay hợp tung (theo hệ thống dọc) (1) cho toàn-bộ Phi-châu tiền tới chỗ lập thành một khối

thống nhất thì, quả thật là một chuyện quá xa vời, nó chỉ có thể xuất hiện ngày nào có một lãnh-tụ trời vượt hẳn trên các lãnh-tụ khác và khuất phục được họ trong một cuộc chiến thắng rõ ràng — Cho đến nay, chúng ta nhận thấy chưa có mặt nào ở Phi-châu có đủ tư-cách và điều-kiện để đóng nổi vai trò đó cả.

HOÀNG-MINH-TUYNH

KỶ TÔI : Những khó-khăn trong địa-hạt kinh-tế tại Phi-châu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

- *Số đặc biệt của Tạp chí Réalités về Phi-châu tháng sáu 1960.*
- *Tạp chí Etudes sàu tháng đầu năm 1960*
- *La Documentation Française, tháng bảy 1960.*

(1) Chúng tôi muốn nhắc tới chính sách « liên-hoành » của Trương-Nghĩ và chính sách « hợp-tung » của Tô-Tần thời Chiến-quốc.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT KHUYẾN KHÍCH VÀ TƯỚNG THƯỞNG

- ✱ Có nhiều người cảm đầu khi thấy người dưới quyền có điều sơ-khoáng, bất cần thì vội trách vấn ngay và khi họ hoàn tất nhiệm-vụ một cách sững-măn thì lại không biết khen lao, tưởng lệ. Người cảm đầu nghĩ rằng người dưới hoàn tất nhiệm-vụ chỉ là một cách làm xong phần việc nằm trong bốn phận của họ mà thôi. Song hoàn tất nhiệm-vụ không phải chuyện dễ và phàm là người, ai cũng thấy cần được người trên tán thành công việc của mình, cho mình có cảm giác đi đúng đường lối và cứ thế tiến lên (L. M. Courtois).
- ✱ Không gì làm suy giảm nhuệ khí của một người bằng cảm-giác thấy người trên dửng dưng với họ trong sự vui, cảnh buồn của công việc.

PHẦN THƯ

THIỆN-SINH

Tần-Thủy-Hoàng đã để lại trong lịch-sử Trung - Quốc hai hành vi bạo tàn nhất là việc chôn Nho và đốt sách mà đến nay, dân-tộc Trung-Hoa cũng như dân-tộc các nước đều không thể quên được. Cái kho tàng dựng nên bằng trí óc ấy của người Tàu nói riêng, nhân-loại nói chung, đã là cái mối cho ngọn lửa tham-vọng của khối óc cuồng sôi hay hơn nữa, một chính-sách độc-tài.

Lịch-sử Việt-Nam, tuy không có những thảm - trạng tàn - khốc trên, nhưng cũng đã diễn ra những cảnh *phần thư* làm cái gia-tài văn-học của nước Việt kém đi phần phong-phú.

Cuộc Bắc-thuộc ngàn năm đã làm mất những văn - chương thư - tịch của thời thượng-cổ. Kể từ nhà Lý trở đi, nhất là triều nhà Trần, nền văn-học nhờ sự thâm-thái của tam - giáo (Nho Thích, Lão) đã có vẻ phồn - thịnh, sách vở trước thuật khác nhiều, nhưng sự tàn hủy cũng bắt đầu manh-mà.

Vào thế-kỷ thứ XIII, ba lần quân Mông-Cổ sang đánh phá Thăng-Long, năm 1.257, 1.285, 1.287, *nhiều thư-viện bị đốt*. Trong số những thư-tịch bị thiêu hủy ấy, sách vở trứ-tác về Phật-học chiếm phần lớn. Nhưng sau đó, nhờ cuộc giao hảo tạm bợ giữa hai nước, vua Trần thỉnh cầu vua nhà Nguyên xin lại bộ kinh Tam-Tạng để bồi vào chỗ mất mát. Nguyên-thành-Tôn bằng lòng gửi tặng ngay. (1)

Đến hồi nhà Trần suy nhược, chúa Chiêm-Thành là Chế Bồng-Nga ba lần đem quân xâm nhập Thăng-Long, năm 1.371, 1.377, và 1.378, *các thư-viện ở Kinh-đô lại bị tàn phá*.

Sử cho biết : Tháng 3 năm 1371, Chế Bồng-Nga chỉ huy một đội chiến thuyền lọt vào cửa Đại-An, rồi từ đó tiến lên Thủ-đô Thăng-Long như đi chơi. Quân Chăm tấn công vào thủ-đô bắt đàn bà con gái, cướp châu ngọc, *đốt hết giấy má, thư-viện* rồi mới rút về. (2)

NHỮNG TRANG SỬ PHẦN THU

Lịch-sử kéo dài đến lúc nước ta bị thuộc đô-hộ nhà Minh, trong thời gian 20 năm (1407-1427), dưới chính-sách tàn sát văn-hóa ít thấy ở lịch-sử thế-giới, các sách vở của nước ta kể từ nhà Trần về trước đều bị quan nhà Minh ra lệnh đốt hoặc thu lấy

đem về Kim-Lăng (Nam-Kinh). Văn-phẩm của 55 thế-kỷ (906-1407) từ khởi độc-lập chẳng sót được mấy nổi. Theo sách Lịch-Triều Hiến - Chương Văn-Tịch-Chí của Phan-huy-Chú thì những sách vở ấy gồm những quyển :

Hình thư của vua Thái-Tôn nhà Lý	3	quyển
Quốc triều thôn lễ của vua Thái-Tôn nhà Trần	10	—
Hình luật của Trần-Thái-Tôn	1	—
Thường lễ . . . niên-hiệu Kiến-Trung	10	—
Khóa-hư-tập (3)	1	—
Ngự thi	1	—
Di hậu lục của Trần-Thánh-Tôn	2	—
Cơ - cửu - lục	1	—
Thi tập	1	—
Trung-hưng thực lục Trần-Nhân-Tông	2	—
Thi tập	1	—
Thủy vân tùy bút Trần-Anh-Tôn	2	—
Thi tập Trần-Minh-Tôn	1	—
Trần triều đại điển Trần-Dụ-Tôn	2	—
Bảo-hòa-diện dư bút Trần-Nghệ-Tôn	8	—
Thi tập	1	—
Bình gia yếu lược Trần-Hưng-Đạo	1	bộ
Vạn-kiếp bí truyền Trần-Hưng-Đạo	1	—
Tư thư thuyết ước Chu-văn-Trình	1	—
Tiền-ân-thi	1	tập
Sầm-lâu-tập Uy-văn-Vương Trần-quốc-Toại	1	quyển
Lạc-đạo-tập Chiêu-Minh-Vương Trần-quang-Khải	1	—
Băng-hồ ngọc-hác-tập Trần-nguyên-Đán	1	—
Giới-hiến thi-tập Nguyễn-Trung-Ngạn	1	—
Giáp-thạch-tập Phạm-Sư-Mạnh	1	—
Cúc đường di-thảo Trần-Nguyên-Đào	2	—
Thảo-nhàn hiệu-tân Hồ-Tôn-Thốc	1	—
Việt-Nam thế-chí (4)	1	bộ
Việt-sử cương-mục	1	—
Đại-Việt sử-ký Lê-văn-Hưu	30	quyển
Nhị-kê thi tập Nguyễn-phi-Khanh	1	—
Phi-sa-tập Hàn-Thuyên	1	—
Việt-diện U-linh-tập Lý-tể-Xuyên	1	—

Với thư-mục trên, chúng ta thấy rằng nền văn-học nước nhà đã bị một lỗ thủng khá lớn. Nhưng may ra nhờ vài nhà văn-học ái-quốc như Nguyễn-Trãi, Lý-tử-Tân, Phan-phù-Tiên, sau khi đuổi xong giặc Minh, nhận thấy mối thiệt hại cho kho tàng văn-học sau này, liền bắt tay vào việc sưu tầm tra cứu. Công việc sưu tập được kéo dài mãi cho đến thời Hậu-Lê, có Lương-Như-Hộc Dương-Đức-Nhan, Hoàng-Sân-Phu, Hoàng-Đức-Lương bồi-hỗ vào kho tàng với những quyển: Cổ-kim thi-gia tinh tuyển, Quần-hiến phú tập, Trích-diễm thi-tập. Đến đời Lê-Thái-Tôn, sự bảo tồn sách cổ càng được chú ý hơn.

Công lao vun quén ngôi nhà văn-học rất là lao tâm khổ trí ấy kịp đến năm 1516 thì xảy ra việc Trần-Cao quấy nhiễu ở Đông-Đô, giết Lê Tương-Dực để, phá phách cung điện, đốt cháy sách vở cùng bản đồ tiêu tán mất nhiều.

Năm 1527, sau khi soán ngôi nhà Lê xong, Mạc-Đãng-Dung có thu thập ít nhiều sách cũ. Nhưng từ Nguyễn-Kim phò nhà Lê Trung-Hưng, kéo quân về đánh lấy lại Kinh-đô (1592) thì các kho sách đều lại bị đốt cháy.⁽¹⁾

Triều Lê, vào tháng giêng năm Vĩnh-Khánh thứ 4 (1732) vua Lê-Duy-Phương ban lệnh: « Ai có sách cũ vận văn, tản văn

cùng văn-chương cử-ngiệp, dầu rách nát, đem nộp đều tùy theo nhiều ít mà trả tiền » (1)

Đổi-dào nhất là trong thế-kỷ XVIII, nhờ công sưu-tầm nghiên-cứu các cổ-thư và trước thuật của nhà bác-học Lê-Quý-Đôn mà đời sau có được biết đôi chút về văn chương của những thời đại trước.

Năm 1788, nhà Thanh mượn danh nghĩa phủ Lê, kéo quân sang chiếm Bắc-Hà, các kho tàng thư viện ở Kinh-thành lại bị quân Tàu thiếu hủy cướp phá.

Bởi vậy, sau khi đuổi quân Thanh chạy về Tàu, vua Quang-Trung liền lập ra SÙNG-CHÍNH THƠ-VIỆN ở Vĩnh-Kinh tại núi Nam-Hoa để chỉnh-đốn lại việc dịch-thuật, trứ tác cũng như thu nhật Công việc này, Quang-Trung giao cho các cổ thư. Nguyễn-Thiếp, một danh sĩ ở ẩn, ngồi chức viện trưởng trong một tờ chiếu (6) đề ngày 20 tháng 8 Quang-Trung năm thứ 4 (1791).

Thế rồi đến lúc Gia-Long thống nhất sơn hà, trải qua cơn tao loạn, đất nước trở lại yên bình, các văn-nhân thi-sĩ đua nhau sáng tác (Nguyễn-Du, Phạm-Quý-Thích, Phạm-Đình-Hổ, Phan-Huy-Chú v.v...) gây nên cái cảnh văn-học rất là rục-rờ phồn thịnh. Các triều Nguyễn về sau, song song với

✱ Không thể nào tả hết được cảm xúc của một người đối với niềm tin cậy của kẻ mà người ấy mến phục. Hoài nghi trước một người làm việc dưới quyền còn trẻ tuổi, là một cách đóng khép người ấy lại. Hoài nghi sức chỗi dậy của một người đã không may phạm lỗi, là một cách làm mất người ấy chắc chắn nhất.

cái đà văn-học tiến triển, tác-phẩm dồi dào, những cuộc nội loạn cùng kế hoạch xâm lược của vài nước Âu-châu (Bồ-Đào-Nha, Y-Pha-Nho, Pháp-Lang-Sa) với súng đồng đạn lửa đã nhóm lên thiêu hủy dần đi cái gia-sản mấy ngàn năm văn-hiến của nước Việt.

Ay là chưa nói đến cái dã tâm của người Pháp trong tám mươi năm đô hộ, dùng chính-sách ngu dân mà tàn hủy hoặc thu lấy sách vở đem tàng trữ trong các thư-viện lớn mà đa số người trí thức Việt không hề được mó tay đến. Rồi những năm binh cách vừa qua, *một vài thư-viện và rất nhiều tư sách tư gia đã làm ngòi châm cho ngọn lửa chiến-tranh thiêu rụi.*

Nhiều nhà viết khảo cứu thường hay phàn nàn về tình-trạng văn-liệu quá ư nghèo nàn của nước ta so với các nước Âu-Mỹ. Điều ấy cũng dễ hiểu. Nếu ngược dòng thời-gian, lật lại những trang sử Phần Thư

trong sử Việt, chúng ta không thể không thấy cái di hại lớn lao cho nền văn-hóa được mệnh danh là bốn nghìn năm văn hiến. Phương chi, chưa nói đến sự chống đối về mặt học-thuật và tư-tưởng giữa hai giai tầng vua chúa và sĩ phu, các đời vua cũng không ngần ngại gì viết nên những trang Phần thư tàn hại, mục đích cũng cổ vương quyền. Do đó mà kho tàng văn-học nước nhà rất đối chênh-lệch đối với những bảo-tàng-viện vĩ đại của các nước khác vậy.

THIỆN-SINH

-
- (1) Theo Đại-Việt văn-học lịch-sử của Nguyễn-Sĩ-Đạo.
 - (2) Theo Cuộc Nam-tiến của Dân-tộc Việt-Nam của Ngọc-Dương.
 - (3) Nhiều sách nói của Trần-Thái-Tôn.
 - (4) của Hồ-Tôn-Thốc (V.N.V.H.S.Y. của Dương-Quảng-Hâm).
 - (5) V.N.S.L. Trần-Trọng-Kim.
 - (6) Theo La-Sơn phu-tử của Hoàng-Xuân-Hân.

-
- ✧ Biết bao nhiêu nghị lực đã tan vỡ chỉ vì trong giờ quyết định, những nghị lực ấy đã không gặp được sự tương lệ chính đáng, lời khuyến khích thông-minh, hoặc tình hữu ái đem lại can đảm.
 - ✧ Theo một định luật về tâm-lý, cách thế hay nhất khiến người ta làm lại một công việc hay, tốt là nhắc cho người ta nhớ lại cảm giác sáng khoái một khi làm xong nhiệm-vụ. Đối với nhiều phần tử, sự sáng khoái trong lương-tâm cần được tăng cường bằng mỗi thích thú thấy được người ta hiểu biết và tán thưởng mình.
 - ✧ Mỗi người đều có trong bản thân những giá trị tích cực và xây dựng, mà kẻ cầm đầu phải biết khám phá phát triển ra. Mỗi người đều có nhu cầu khai thác tiềm lực và khả năng của họ. Không có gì khuyến-khích một người mạnh cho bằng cảm giác thấy được người trên giúp đỡ, khai thác những tài năng đặc biệt vẫn còn ần náu trong mình, chưa có dịp phát lộ ra. (L. M. Courtois).

Dòng tư-tưởng...

Lạc-quan thông-minh

Mặc-tử có nói : « Dưa ngọt thì cuống đắng, trong thiên hạ không có gì là đẹp toàn ». Lời lẽ của bậc triết-nhân thật chí lý, nhất là khi áp-dụng để xét tư-thái của mỗi cá-nhân. Có kẻ chân-thành mà yếu đuối, nhát sợ, không cao bản-lĩnh đề tự - cường, tự-chủ. Có kẻ nghiêm-minh mà hung-hãn, kiêu-căng, không đủ nhân-nại để nén linh, nén lòng. Có kẻ vung-về mà vẫn tưởng mình đầy-dẫy thiện-tâm, thiện-chí. Có kẻ độc-ác mà vẫn nghĩ mình hằng làm điều phải điều hay.

Trước những sai lầm, thiếu sót của người đời, chúng ta thường chia ra hai phái giữ, hai thái-độ khác nhau : phái thì thấy cuộc đời đen tối, tràn-ngập những đảo-điên, thất ý, ngộ-nhận dẫn tới tai-trong không tránh được ; phái thì thấy cuộc đời sáng tươi, chứa-chan những thật-tâm, sung-mãn, đắc - lợi đưa tới thành-công hầu như chắc - chắn. Phái dưới trách phái trên chủ-bại, chưa đánh đã chực đầu hàng ; phái trên chê phái dưới khờ-khạo, lạc-quan mù-quáng đến mức nguy-hiểm.

Trước hai thái-độ, ta thấy, chung-qui, thái-độ bi-quan khó lòng có thể thừa nhận, vì nó làm tê-liệt mọi sáng - kiến, mọi ý-chí quật - khởi chúng ta cần có để thoát ra ngoài ngõ bí đã không may lâm phải. Thái-độ lạc-quan, — nếu là một thứ lạc-quan thông-minh, nhận định được những sơ-khoảng, khuyết-điểm, song vẫn vui mừng vì thấy sự việc đáng lẽ phải đem lại những hậu-quả khốc-hại hơn mà vẫn giữ được nhiều phần khả thủ, — có thể coi là thái độ tích-cực, bổ ích hơn, bởi nó gây được động - lực cho chúng ta vượt khỏi chúng ta mà tiến tới không ngừng trên đường tranh-đấu ngày càng trở nên gay-go phức-tạp.

PHẠM-HOÀNG

THI CA VÀ CUỘC ĐỜI CỦA NHÀ CÁCH MẠNG NGUYỄN-QUANG-DIỀU

NGUYỄN-VĂN-HÀU

(Tiếp theo B.K. số 86)

SAU khi dẹp được lần hồi các nhóm tranh-đấu ở miền Nam, thực-dân bớt theo dõi các nhà cách-mạng, cụ Nguyễn-Quang-Diều vì vậy mà đỡ khổ lại trở về Vĩnh-Hòa nương-náu.

Phen này, tại đây có một Mạnh-Thường-Quân muốn thi-ân với cụ. Người ấy là Nguyễn-Công-Đồng, đương làm chức Hương-cả, có quen thân với nhiều quan-lại Pháp nên có thế lực khá. Ông Cả Đồng bàn với cụ nên mở trường dạy học; về phép-tắc và vấn-đề an-ninh của cụ, ông Cả hứa sẽ bảo-đảm cho. Cụ nghĩ cũng cần phải có chỗ nghỉ chân để nương-ngự qua ngày cho đỡ vất-vã, nên nhận. Thế là cụ được tạm yên.

Tuy yên, chỉ yên về vật-chất, chứ về tinh-thần thì thật ra khổ lắm. Vì như ta đã biết, cụ vốn tính-khí cương-trực, không

chịu luồn-lụy ai, gặp việc ngang-chướng thì làm ngay và nói thẳng; mà hoàn-cảnh bấy giờ thì có cho phép cụ như thế được không? Một chú bạch-đỉnh, một thằng con nít, muốn làm hại cụ giờ nào cũng được miễn nhọc chút xíu công đi báo quan là đủ, mà còn được thưởng nữa, lựa gì ai! Cho nên cụ lắm lúc phải cảm-lặng, cảm-lặng trong bức-dộc khó chịu. Bài *Thằng cảm ăn ớt* của cụ nói lên được cái bứt-rứt khó nín mà cụ đã phải chịu trong buổi này.

*Thăm bới cảm mà phải ớt cay,
Phận mình mình biết, phận mình hay!
Cam bề nóng mũi khôn lay lưôi,
Xiết nổi nồng gan lưỡng nhúc mòi!
Miệng thể kìm may đành phận vậy,
Lòng như lửa đốt ngỏ ai hay?
Bất bình đành đã kêu không tiếng,
Họa có cao xanh thẩn dạ này!*

Dạy học được ít lâu, cụ bị tình-nghĩ và trường học bị đóng cửa. Cụ hờn tủi vô ngần. Cái tủi cực và căm-hờn đó, cụ có diễn tả trong một thiên tự-tình viết theo thể song thất lục bát, xin chép lại đoạn đầu :

*Đương không nổi ùng ùng sóng gió,
Lũ sinh-đồ lớn nhỏ phân tan.
Trời Nam nghi-ngút tro than,
Làm cho Khổng, Mạnh, Tằng, Nhan u-sầu!
Góm thay kẻ tầm sâu vạch lá,
Khua đầu mối rầy Á mai Âu.
Rừng nho thăm-đạm màu thâu,
Thư-sinh ủ mặt, sĩ-nhu nhân mày!
Nghĩ nông-nổi càng cay đắng nhĩ,
Các trò đi! Thử nghĩ mà coi:
Chúng ta có tội-tình chi!
Vì đâu Thánh đạo lằng-di thể hoại?
Quyết ra sức cầm tay dạy mặt,
Dẫn đoàn em nẻo tắt văn-minh.
Đúc rèn bền tiết trung-trình,
Ngõ cho rõ mặt môn-sinh với người.
Ta muốn thế, trời sao chẳng thế?
Cơ-sự này nỡ để ngồi xem,
Đã rằng nghĩa-vụ con em,
Chớ nài mưa nắng ùng hiem tuyết sương*

* *

Nghĩ dạy học, cụ không có việc gì làm cho khuây, thường họp một vài bạn thân ngâm thơ, uống rượu. Trong các bạn thơ bấy giờ, cụ thích nhất là cụ Nguyễn-Chánh Sát. Cụ Chánh-Sát là nhà văn, từng viết sách, làm báo tại Sài-gòn. Quê cụ ở Tân-Châu, nên về đó và thường đi lại ngâm họa với cụ Diêu.

Người ta còn kể một câu chuyện ngâm họa sôi-nổi giữa Thầy Minh, nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng và cụ Nguyễn-Quang-Diêu. Chuyện khá vui nên xin phép được nhắc lại.

Nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng (1) tức cô Hai-Hồn — mà ở miền Nam nhiều người biết tiếng hay thơ — trước kia từng lưu-lạc nhiều nơi, có nhiều lớp chồng, nào Tây, nào Việt. Năm ấy nữ-sĩ đi tu và được sung vào phái-đoàn truyền-đạo, từ Kiêm-Biên xuống Tân-Châu.

Thầy Minh là một nho-sĩ ở Công-Lãnh, trước đã từng nghe danh nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng nhưng chưa biết mặt, lại vốn không thích mỗi đạo mà nữ-sĩ Kim-Phụng đang theo, nay tình cờ gặp nữ-sĩ đứng ra truyền-bá, có ý không bằng lòng; nên chắt-vấn rồi công-kích thẳng tay.

Sau một hồi biện-bác, cãi-cọ, Thầy Minh đưa ra một bài thơ tỏ ý châm-chọc và không muốn nữ-sĩ làm công-việc ấy nữa. Đây là bài xướng của Thầy Minh :

*Tai vẫn từng nghe, mắt chưa từng,
Bỗng dưng gặp-gỡ phi tình mừng,
Lòng mong tỏ thấu lời vàng đá,
Chuyện khéo gây nên tiếng sè-sừng (2).
Mở đạo phải toan đìn-dắt nẻo,
Rút dây nỡ để động-lay rừng!
Chừ thôi lơ-dờ đường lui tới,
Quày-quã lên yên bước ngập-ngừng.*

(1) Trong Sáng-Tạo số 23, tháng 8-1958, ông Thái-Bạch có bài nói về nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng.

(2) Sè-sừng : chống-báng, kinh-địch nhau.

« Chừ thôi lữ-đo đường lui tới » ! Nữ-sĩ tỏ ý căm-giận câu đó hơn hết. Cái gì đến phải không lui tới nữa được ? Nữ-sĩ liền họa lại bài của Thầy Minh. Bài họa chỏi ngược khiến Thầy Minh phải đỏ mặt :

*Kẻ đại người khôn gặp mới từng,
Dở buồn, dở giận, dở vui mừng,
Say-sưa nễ-bợm (1) khoe mình ốc,
Sẻ-sứt thi-ông đồ vận sừng !
Chát-chúa không phân loài điệu vị,
Mặt-mù nào tỏ đám mây rùng.
Cột trò nghĩ nổi cơn cười lạnh,
Lấp-liếng làng văn bước lại ngừng !*

Trời ! Kim-Phụng mỉa mình « đồ vận sừng » và chê văn chẳng suôn câu ? Phải, « Lấp-liếng làng văn bước lại ngừng » kia mà ! Thầy Minh lớn tiếng thống - trách Kim-Phụng.

Đang cơn cáu-tiết, hai đảng cãi nhau om-sòm thì cụ Diêu tới. Cụ hỏi ra rồi giảng hòa, và sau đó, họa trao nữ-sĩ một bài thơ khuyên theo con đường cách-mạng.

*Nghe nói mây mưa đã lắm từng,
Vì ai tình-ngộ khiến ta mừng.
Nào-nễ kiếp trước thân tô phẫn,
Hồi-hộp duyên sau xác đối sừng.
Đài kiến đời phen vui-lấp bụi,
Đường gai bao nữ mở thông rùng.
Con đường giải-phóng thênh-thênh đấy,
Gót ngọc khuyên ai bước chớ ngừng.*

Bài thơ ý tứ sâu-kín, nhưng không tiện giải. Nữ-sĩ xem và chịu cụ là người cao học và cao hạnh, đáng bậc đàn anh.

(1) Nễ : mây, người. Nễ bợm : người giao-quyết.



Tình-hình thế-giới ngày một biến đổi, nhất là Trung - Hoa từ năm 1928 trở đi, việc Bắc-phạt thành - công, Quốc dân - đảng lập thành chánh - phủ thống - nhất, khiến cụ Nguyễn-Quang-Diêu càng nuôi nhiều hy-vọng.

Cái xuân 1930, cụ được 50 tuổi, sức chưa yếu nhưng sắc-diện đã già đi theo cát bụi giang-hồ, tuy nhiên lòng cụ còn phấn-khởi lắm.

Từ biên-thùy, cụ lên về Cao-Lãnh, ngầm tổ-chức lại hệ-thống liên-lạc cũ và tuyên-truyền kêu gọi đồng-bào bằng bài *Xuân-cảm* sau :

*Bộc trước nhứt tình trù cự,
Đào phù vận hộ cánh tân (2)
Thấy xuân mà dở khóc dở cười,
Co tay tính năm mươi tuổi chầy.
Sực nhớ nỗi lòng dài năm vẫn,
Gớm-ghê thay ngày tháng chẳng chờ ta.
Trông đài gương râu tóc thêm già,
Mà trách phận không ra gì cả !
Còn nghĩ nỗi xuân này đã quá,
Rồi xuân kia giục-giã đến ngay.
Thôi đừng ngồi đấy khoanh tay,
Mau chỗi dậy nhảy bay kịp tiết.
Mình tị họ giống nòi Nam-Việt,
Đã mang danh đế-liệt toàn-cầu.
Khổ bần-thần trải bấy nhiều lần,
Giờ gặp hội lễ đầu ngời ngó,
Kìa chẳng thấy Trung-Hoa đầu đỏ,
Lắm xuê-xang áo đồ quần điều.
Non sông đường tranh vẽ gấm thêu,
Bao xiết thú trời Nghiêu đất Thuấn.*

(2) Pháo tre một tiếng trù cũ ; bùa đào muốn của rước mới. Chỉ lễ-thời đón xuân ngày xưa.

Nào đốt pháo kéo cờ chơi đủ mừng (1),
 Ngó lại mình mà đứng-dừng-dừng.
 Ôi ! ta đây cũng nước cũng dân,
 Sao người làm thương xuân mà ta thế ?
 Trách con tạo ở ăn rất tệ,
 Bày trò chi đặt-để chẳng công-bình.
 Kẻ trót nếm trà chén mãi ngông-nghênh,
 Người ba bữa áo không lành cơm chẳng đủ.
 Dù gì cũng rửa trề cho sạch cũ,
 Để phòng khi nước Cụ kịp thì (2).
 Bùa Canh-tân yếm-trần khắp Tam-kỳ,
 Pháo trừ-địch (3) ầm-ỹ vang tứ hướng.
 Người hăng-hái ta lẽ nào ngơ-ngẩn.
 Tình sao đây kéo trễ mất ngày giờ ?
 Rượu Đờ-tô ầu mượn chữa bệnh khờ,
 May chẳng (4) khỏi sống say chết mờ.
 Máy xuân trước đã đành làm-lỡ,
 Đến xuân này bỏ dở nữa sao ?
 Máy lời cung-hỷ đồng-bào.
 Mừng cho gặp hội (5) Phong-trào Duy-
 tán.
 Người đời dễ có mấy xuân !

Cũng trong cái xuân ấy, cụ Nguyễn-
 Quang-Diêu đến thăm cụ Phương-Sơn (6)
 — một nhà cách-mạng trong nhóm
 Đông-Kinh nghĩa-thực rất có khí-tiết, đã
 lánh mình vào Nam từ năm 1913, ngụ tại
 Đốc-Vàng-Thượng (Long-Xuyên) — Cụ
 Phương-Sơn mừng rỡ, bàn chuyện tâm-
 tình và hỏi thăm về cuộc sống của bạn
 trong mấy năm qua. Cụ Nguyễn-Quang-
 Diệu đọc cho cụ Phương-Sơn nghe bài
 thơ sau mà chính cụ đã làm trong một
 ngày xuân cô-độc với đôi kẻ môn-sinh :

Cày mòn tác lười mấy năm trời (7),
 Tuy chẳng giàu mà cũng đủ xơi.

Chồng thế, tháng ngày thôi giục tuổi,
 Đầy sân, đào ỷ gấm thêu chồi.
 Cây nên tiếng pháo đầu như đấy,
 Chén rượu cần thì ai với tôi ?
 Người khách cho hay xuân cũng khách,
 Thôi ta hi-hạ (8) các trò chơi.

Cụ Phương-Sơn có hoạ lại :

Đã từng vầng-vẫy bốn phương trời,
 Năm mới về đây nhậu lại xơi.
 Tuyết trắng hao mòn gần hết lạnh,
 Mai vàng rực-rỡ muốn đắm chồi.
 Gởi nhờ trời đất ai không khách.
 Mãi-miệt cầm thư thẹn cái tôi.
 Gặp lúc thái-bình mây gió tốt,
 Nén chơi ta rủ bạn ta chơi.

Trong bài, hai câu thực ám-chỉ người
 da trắng sắp bại-vong và sự cường-thịnh sẽ
 tới của giống da vàng ; hai câu kết tiên-
 đoán sẽ có cuộc đại-chiến ở Thái-Bình-
 Dương (9).

Rồi cụ lại trở về Vinh-Hoà tạm sống với
 các môn-sinh. Trong chuỗi ngày tàn niên.

(1) Chỉ sự thành-công của Quốc-dân-đảng Trung-Hoa và những cuộc vui chơi ăn mừng trong ngày xuân của dân chúng nước ấy.

(2) Hy-vọng sự mưu-cầu ngoại-viện thành-công của Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề.

(3) Có bản chép : trừ cụ.

(4) May chẳng cũng như may chăng, ý nói may mà được.

(5) Hội là cơ-hội chứ không phải hội Phong-trào...

(6) Xem Đông-Kinh nghĩa-thực của Nguyễn-Hiến-Lê để hiểu thêm về cụ Phương-Sơn.

(7) Bài này đầu đề là Dạy học đất khách cày xuân, chữ cày mòn tác lười chỉ sự gào thét trong giờ dạy trẻ.

(8) Có bản chép : cung hi.

(9) Giải theo Nguyễn-Hiến-Lê : Đông-Kinh nghĩa thực, trang 114.

cụ vẫn nặng mang hoài-bão và chứa-chan hy-vọng. Nhưng đáng tiếc, hoài-bão ấy, hy-vọng ấy mãi cho đến khi nhắm mắt, cụ vẫn chưa thực-hiện được !

..

Xét sự-nghiệp cách-mạng của Nguyễn-Quang-Diêu, ta phải nhận cụ là một người có chí khí lớn, có tiết-tháo cao. Suốt nửa đời, cụ đã đem thân hứa-quốc. Khi bị hành hạ trong cảnh lao-tù, lúc phải đối khổ trên đường bôn-tẩu, vậy mà, ý cụ không lay chuyển, đời cụ chẳng bợn - nhơ, cụ thực đáng liệt vào hạng các nhà cách-mạng đi tiên-phong trong Phong-trào Đông-du và Duy-tân ở miền Nam thời đó.

Xét sự-nghiệp văn-chương của cụ, ta càng kính mến cụ hơn. Hầu hết thơ văn còn lại của cụ, đầu đề dù tả cốc tử của hay vịnh trăng vịnh rượu, cụ đều ký-thác tâm-hồn ưu ái nước non, kêu gào canh tân phần-đấu hoặc nói lên cái bất-khoãn thối-mắc của người dân vọng quốc trước thời-cuộc. Chẳng hạn, trong lúc nghèo túng mà bệnh rượu cứ đeo-đai, cụ làm thơ từ-giã nó :

*Cái đầu van lay bác xé ra,
Đeo đuổi mà chi đũa chẳng nhà !
Chi lương làm cho điên đại chúng,
Nào hề phá được thâm sâu ta !
Người Nghi (1) còn đó an thân vậy,
Ông Vũ (2) ra đây biết sức mà !
Thối chẳng thiếu chi phường phú quý,
Cuối đầu van lay bác xé ra.*

Rượu đã bỏ nhưng thỉnh-thoảng cơn nghiện lại đến đòi hỏi, lắm lúc cụ muốn xiêu lòng, nên mượn rượu để làm thơ trả lời mình :

*Say say tỉnh tỉnh biết bao là,
Hội-ngộ, giờ ra nỡ bỏ ta ?
Độc chúng mưu ai bày đồ nhé !
Sầu ông sức tớ gỡ sao ra.
Đã khuyên Vũ-Lượng (?) khuấy lòng
khách,
Lại giúp Trường-Canh (3) nổi tiếng xa.
Nào lúc cầm thi thù-tặc đấy,
Say say tỉnh tỉnh biết bao là...*

Tuy trả lời vậy, cụ vẫn cương-quyết xa lánh rượu và làm thơ trách nó :

*Mồm-mép như mi thể mới già !
Lừa ai thì chớ, để lừa ta.
Trường-Phi sao đến tận thân-thế,
Trường-Trụ ai xui hồng nước nhà ?
Chẳng tồn phá hư nền đạo-đức,
Còn khoe giúp hăng khách thi-ca.
Xưa nay xô đổ bao nhiêu kẻ !
Mồm-mép như mi thể mới già !*

(1) Tác Vương-nghi, rất thích rượu. Có bài thơ tiễn hạn, trong có câu : « Khuyển quân cánh tận nhất bôi tửu » (khuyển anh uống cạn thêm một chén rượu nữa). Lại cũng có thể là Quách-Từ-Nghi. Sách Kim-Cổ Kỹ-Quan chép : Lý-Bạch mao trọng tội, bị trói giải tới trước quân môn. Quách-Từ-Nghi nhờ ơn cứu tử của Lý-Thái-Bạch ngày xưa, nên thân mở trói, mời ngồi lên rồi sụp lạy và đem rượu ngon ra đãi. Nội đêm ấy, Từ-Nghi làm sớ tâu vua xin tha cho Lý-Bạch, nhờ thế mà Bạch được khỏi tội, an thân uống rượu.

(2) Mạnh tử : « Vũ ố chỉ tửu nhi hiếu thiện ngôn » (Cổng Vũ ghét rượu ngon mà ưa lời lành).

(3) Trường-Canh tức Lý-Bạch, một thi-hào Trung-quốc, nổi tiếng mê rượu và giỏi thơ. Đang cơn say, có lệnh vua triệu, vẫn xuềnh-xoàng ngăm :

*Tam bát thông đại đạo,
Nhất đàn hợp tự-nhiên.
Đản đặc tiêu trung thú,
Vật vị tính giá truyền.
(Ba chén thông đạo lớn,
Một đàn hợp tự-nhiên.
Chỉ thích thù say rượu,
Ai tính đặng nên truyền.*

Gặp bạn học cũ, mừng nhau, cụ cũng không quên nhắc nhở bạn lo đền nợ nước :

Họ-hàng un-đúc cửa nho-tông,
Cách hằng bao lâu tác đã ông.
Còn mắt lạ tai tin tộc-lại,
Lạnh nòng bả miệng nổi bình-bồng,
Nếp gà (1) mượn nổi câu thề cũ,
Nồi giồng khuyển đến mối nợ chung.
Tâm-sự chi chi tuôn róc thể,
Mấy khi bình-thủy đựng tương-phùng (2).

Đến chuyện làm rầy đưa hấu bị chuột phá hại, cụ đào hang bắt chúng mà cũng làm thơ ngụ-ý bóng gió nói việc nước non :

Tài gì không mật dám to gan,
Cổ sức tìm cho thấy mật chàng.
Nhẹ gót truy-tầm theo tận ổ,
Nhanh tay tàn-sát dọ tìm hang.
Quét thanh lữ giặc loài vô-dụng,
Cứu khổ dân nghèo nổi khùng-oan.
Hỡi lữ độc-trùng đừng lấp-lừng,
Tài gì không mật dám to gan (3).

Rồi đang đau, đi tắm, bị cá nóc khoét, cụ cũng ngâm vịnh và xa gần châm-biểu bọn ô-trọc tham quan bòn hút máu thịt đồng-bào đang cơn tai-nạn :

(1) Thời Hán có Trương-Ngươn-Bá và Phạm Cự-Khanh là hai bạn thân, khi rời nhau có hẹn ngày hội-ngộ. Tới hạn-kỳ, mẹ Ngươn-Bá sắm sẵn cơm nếp thịt gà để đãi, nhưng còn ngờ Cự-Khanh không tới. Ngươn-Bá thưa : Cự-Khanh là tín sĩ, không thể sai lời. Hôm ấy quả thực Cự-Khanh tới, cùng nhau say vui một tiệc rồi đi. Do đó cũng có câu : « Bằng hữu viết kẻ thử chí tin ».

(2) Bài này có rất nhiều bạn của cụ Diêu họa vận, như Thầy Tư-Kiến, Thầy Mười-Dư... nhưng xin lược bớt.

(3) Giồng chuột không có mật, chỉ có gan.

Độc-địa thay cho lữ nóc bầu (4),
Cẩn ai thì chớ, cẩn thành đau !
Bụng to nỡ chẳng dung già trẻ,
Răng bén đành không kể trước sau.
Ngứa miệng phá tan chài lưới chúng,
Đói lòng khoét lũng giếng nòi nhau
Nhờ hơi máu thịt no-nê vậy,
Cỏ thuở chày sắn già nát đầu !

Còn biết bao bài thơ khác, hoặc tình cảm, hoặc trào-lộng, hoặc tả người, đều có những ngụ-gởi tương-tự, không thể dẫn hết.

Lời thơ cụ tuy không trau-luyện óng-chuốt lắm, nhưng được cái mạnh-mẽ và thành-thực tự-nhiên, nhiều khi dễ-dàng như lời thường nói chuyện. Nền bảo câu « văn tức người » là đúng thì ở Nguyễn-Quang-Diêu, văn thơ đã biểu-lộ tính-khí lẫn tâm-hồn cụ một cách trung-thực vậy.

Mùa xuân năm 1936, cụ vẫn khỏe-mạnh và vẫn sống ở chỗ biên - thủy xa vợi trước giờ, vẫn dăm dăm nhìn về quê cũ và vẫn hy-vọng một ngày tương - bưng vui nhộn trong cảnh Tổ - quốc vinh-quang ; nhưng ngày ấy không đến kịp với cụ; giữa mùa hè năm đó (15-5 âm lịch) cụ mang bệnh thương hàn mà qua đời. Cụ đã để lại cho những người thân, các đồng-chí và các môn-sinh một cái tang chung thống thiết.

Vì tình thế cụ mất trong im lặng. Người ta đã làm câu đối, thơ văn khóc cụ thật nhiều, nay chỉ xin tuyển lấy một bài, tuy không hay như những bài khác, nhưng đã nói lên được những gì về thời - cuộc và niên-tuế cụ lúc đó :

(4) Loại cá miệng nhỏ, bụng to, da nhám, thịt rất ngon, thích đắp vào da thịt người ta.

*Tìm đâu mà thấy cổ-nhân ta ?
 Từ-Ngọc (1) côi trần đã lánh xa.
 Nhớ trước Canh-thìn năm xuất-thế,
 Tính nay Bính-tí tuổi quy-hà (2).
 Quốc-dân không khóc ta thương khóc,
 Thời thế tiểu-ma bác hóa ma.
 Tâm-sự đầu đuôi bao xiết kể,
 Thương cho đất khách gởi xương già !*

Và một đôi câu đối của các đồng-chí điều
 cụ :

*Hồ-hải từng quen Âu Á Mỹ :
 Dạ-đài còn tạc Hiếu Trung Cang. (3)*

Thi-ca cụ đương-thời có hàng nghìn bài, nào Hán, nào nôm, lúc diễn theo thể lục bát hay song thất lục bát, khi viết bằng thể ca-trù hoặc Đường-luật thất-ngôn, nhưng hiện nay bị thất lạc nhiều, nếu chịu khó sưu-tập kỹ thì may lắm còn độ trăm bài thơ nôm và vài chục bài thơ chữ Hán mà thôi.

NGUYỄN-VĂN-HÀU

(1) Xin nhắc lại : Từ-Ngọc là tên hiệu của cụ Nguyễn-Quang-Điều.

(2) Quy-hà : về cõi xa-xăm, ý nói chết.

(3) Cang là cang-trực, một đức-dộ của con người ngay thẳng, không phải trung-can là gan trung-nghĩa.

- ★ Công nhân rất khó thừa-nhận việc người ta chối bỏ, không hay hoặc thậm giá quá thấp năng-lực của họ. Và nếu họ bị áp bức, họ sẽ phản ứng chống lại tổ-chức, cùng tự coi là nạn nhân của tổ-chức ấy. Phương thế hay hơn hết đối với họ là đem tới cho họ cơ hội được phát triển tài năng, sáng kiến, trí lự, bằng sự đua tranh. Nếu cần, giao cho họ một công việc có trách nhiệm để họ tự xóa bỏ được cảm-giác phải luôn luôn thừa-thuận phục-tòng một cách bất-công hoặc phi-lý.
- ★ Người cầm đầu cần tránh cái tật hay cần nhân, khi thấy người ta cố gắng thì thở ra một cách khó khăn, tuồng như hờn dỗi, và chỉ hăm hờ, nóng nảy mỗi khi được dịp trách mắng thiên hạ.
- ★ Khi bạn quan sát tỉ mỉ, những kẻ không hề khen lao, chỉ chục trách mắng và chẳng bằng lòng ai, bạn sẽ thấy những kẻ ấy chính lại là những kẻ chẳng ai bằng lòng (La Bruyère).

Núi lớn, Cây cao

Khổng Tử, khi gần chết, có lời than rằng « : Thái sơn kỳ đời hồ, Lương mộc kỳ hoại hồ, Núi lớn đồ mất ư ? Cây cao nát mất ư ?, Chắc vì « vạn thế sư biểu » không có ý ví mình với Thái-sơn, Lương mộc, song người đời nhân lời than trên, thường gọi bực đạo đức làm gương mẫu cho đời là : Thái-sơn, Lương-mộc.

NGHỀ CHÀI LƯỚI

TRONG NGÔN-NGỮ

NGUYỄN BẠT-TỤY

TỪ nhiều năm nay, bó mình trong bốn bức tường, giữa những chồng sách bễ-bộn, tôi ra sức thu-góp tài-liệu cho một cuốn « điển-tiếng » mà mỗi năm mỗi thấy ngày thành-tựu còn xa. Trước hết, vì càng tìm-tòi càng thấy tất-cả những gì mình soạn-thảo còn thiếu-sót, mặc dầu tài-liệu đã dồi-dào hơn ở các tự-diện khác nhiều. Rồi ngay trong số những tài-liệu ấy, có nhiều cái mà mình chưa lấy làm vừa-ý cho lắm, vì về những ý-niệm trừu-tượng thì sách-vở giúp mình đã đành, nhưng về những sự-vật cụ-thể hơn, còn biết bao nhiêu cái chỉ có tại nghe mà chưa được mắt thấy. Vẫn biết tôi không bỏ qua một dịp nào để xem tận mắt những vật mình đề-cập trong « điển-tiếng », nhưng số những dịp ấy so với số những vật trong thiên-nhiên chênh-lệch làm sao ! Dầu một nhà soạn tự-diện không bắt-buộc phải biết hết mọi vật mà mình đề-cập, ít ra người ấy

cũng phải có một số kiến-thức tối-thiểu về những vật thông-thường : tôi đã cố tự tạo ra một dịp để chuyên-chú vào việc quan-sát, và dịp này đã đến, khi tôi quyết-định đi từng miền để nghiên-cứu các giọng-nói, các giọng miền, như tôi vẫn thường gọi. Nhân đi tìm-hiểu các giống-miền, tôi sẽ quan-sát các vật-miền, và hướng đi của tôi là men biển thì những vật-miền tiêu-biểu nhất tự-nhiên là những gì dính-dáng đến nghề chài-lưới.

Thật ra thì các tiếng về nghề này có địa-vị rất quan-trọng trong sự sưu-tầm tài liệu cho một quyển « điển-tiếng » đầy-đủ, vì ngoài tên các đồ-nghe, các tự-diện ghi-chép được rất ít tên cá, mà thường ghi một lối mập-mờ, như vài thí dụ lấy trong quyển Việt-nam tự-diện Khai-trí tiến-đức có thể cho thấy : *Mập* : loài cá bễ lớn và dữ ; *Nhám* : thứ cá bễ. » Đó là vì phần đông những nhà soạn tự-diện, trong số đó có tôi,

nói chuyện trên trời dưới đất ra vẻ thành-thạo lắm, nhưng ở nhiều trường-hợp không biết trời đất ra sao. Một đằng khác, chỉ chú-trọng về mặt ngôn-ngữ, tôi sẽ không đi sâu vào những chi-tiết xã-hội, kinh-tế, khi đề-cập những tên đồ-nghe, hay sinh-vật khi bàn về những tên cá. Và tôi đã chọn Vũng-Tàu và Phan-Thiết làm hai chặng đầu trong cuộc đi quan-sát này.

*
* *

Vũng-Tàu là một nơi nghỉ-mát hơn là một nơi chài-lưới. Vậy mà năm nay, ngay trong vụ hè, khách-du ra vắng hơn mọi năm, và qua đến đầu tháng sáu, khi những trận mưa chiều bắt đầu đem đến bãi biển một bầu trời u-ám, như muốn xua-đuổi người khách cuối cùng về những miền tươi - sáng hơn, tôi có cảm-tưởng như biển cả muốn quay lại với những đứa con yêu-dấu, hằng sống trong lòng nó từ trẻ đến già, hết đời nọ qua đời kia : những dân chài-lưới. Nhưng tôi đã lầm, vì có mưa thì có gió : gió thổi vào Bãi Sau, gió thổi vào Bãi Trước, gió đưa cát lên mặt hè xi-măng, lên mặt đường tráng nhựa, và mỗi buổi chiều, các quán nước ở rặng thông hay dưới dãy bàng u-buồn ngồi ngắm những đồng cát, những dãy cồn tí-hon, tụ trên mặt đường như muốn thay thế những bản "Stop !" mà nhủ thầm các chiếc xe du lịch : « Về đi thôi ! Mùa đẹp qua rồi ! »

Mùa đẹp qua tức là mùa xấu tới, mà xấu không riêng gì cho khách-du, còn cho dân sống về nghề đi biển. Một người ở trong nghề lâu năm phân-nân với câu : « Ngày nào cũng *thời*. Không làm ăn gì được nữa ! » Tôi thì tôi phải nói : « Ngày nào cũng *gió* » hay « Ngày nào *gió* cũng *thời* », nhưng ở đây trăm miệng như một, tiếng *thời* không

cần đến tiếng chủ và đã hàm ý « *gió* » rồi. Chính vì « *thời* » mà ông ta phải ở nhà và tôi được biết thêm nhiều điều về cái nghề bạc béo của ông, cũng như nhiều người kiếm ăn về biển theo nhiều cách.

Chiều chiều, khi nước ròng, đàn-bà trẻ con, với những giỏ nhỏ, cặm-cui ở ven biển, lật từng hòn đá để kiếm ốc kiếm sò. Ốc có nhiều thứ : *ốc-gai*, ít thấy, có gai dài đâm tua-tua ở vỏ ra, trông rất đẹp; *ốc-giác*, thứ ốc rất lớn, nhiều khi chỉ ăn một con cũng đủ chán ; *ốc leng*, (1) thứ ốc nhỏ bằng đầu ngón tay, vỏ dài và nhọn đuôi ; *ốc-mỡ*, thứ ốc to bằng hạt mít, vỏ có đường gân vòng vòng, ăn rất béo ; *ốc-ruốc*, thứ ốc rất nhỏ, — nhỏ như con ruốc, — vỏ giẹp có đủ màu và đủ kiểu vân, mà người ta ưa xâu thành chuỗi bán cho người đi chơi biển ; *ốc-vôi*, thứ ốc lớn bằng bàn tay, vỏ sần-sùi.

Sò-hến (2) cũng có vài loại đáng chú-ý, ngoài những giống đã quen-biết, như *hàu*, *trai*, *hến* : ở những chỗ cát to hột, người ta bắt được những con *chem-chép* có vỏ vàng ; ở dưới đá, có những con *còm-cọp*, lớn hơn con sò mà vỏ nhẵn hơn, tuy có sọc hơi nổi lên ; ở chỗ cát thường có giống *ngheu*, lớn hơn *còm-cọp*, vỏ nhẵn mà trắng hay vàng, giống *phi*, vỏ nhỏ mà dài, hơi sần và xám. Con *ngheu* này lại nhắc cho ta con *ngao*,

1) Cũng có thể là *len*, vì giọng Nam lẫn âm-nờu với âm-màng-cửa. Tôi theo đúng cách phát-âm mà ghi, sau này sẽ bổ-cứu, khi ra quá Bình-định mà gặp lại tiếng ấy.

2) Tôi đề-nghị cùng các nhà khảo-cứu về sinh vật-học nên tìm một tiếng chỉ chung loài sò hến, vì dùng tiếng ghép này mà định-nghĩa cho « *trai*, *hàu* » thì còn được, chớ trùng vào tiếng « *sò*, *hến* » thì luộm thuộm lắm. Tiếng ấy có thể là tiếng *thận* trong chữ nho. Tôi còn được thấy nói có con *trùng* - *trục* cùng thuộc loại này : bạn nào biết nó ra sao xin mách giùm.

nên do sự lẫn nghĩa, thay vì nói « hát ngao », ta còn nói « hát nghêu-ngao ». Về sò thì ai cũng biết giống *sò-huyết* có nước đỏ như máu, nhưng cũng nên kể thêm loại *sò-lông*, lớn hơn *sò-huyết*, vỏ có lông, và là sản-phẩm của miền Ba-Ngòi Ngoài ra, ở vài chỗ khác tôi được biết thêm con *dôm*, thứ trai nhỏ, vỏ hơi dài, màu xám viền xanh. Con *chang-chang*, lớn bằng ngón tay cái, vỏ trắng, đen hay nhiều màu.

Thêm vào các loại ốc và sò-hến, tôi thấy cũng nên nói về cua, tôm. Về cua, ngoài vài thứ mà các bà nội-t trợ thuộc lòng và liên-quan đến thể chất hơn là đến giống-loại (*cua bầy*, *cua đế*, *cua gạch*, *cua nước*, *cua thịt*), hay tên vài giống cua đồng, như con *ram*, thứ còng nhỏ, *cua-ra*, thứ cua lớn gần như cua biển, càng có lông, cứ có con nước mới ló ra, có thể kể thêm : con *cua-đá*, một thứ cua nhỏ hay ở đá nên thường có màu đóng trên mai ; con *ghe*, một giống cua càng nhỏ mà thật dài, mai lốm-đốm trắng. Giống *ghe* này, mặc dầu không có tên-tuổi trong quyển VNTĐ KTTĐ, cũng có được hai loại : *ghe-đá*, thứ *ghe* nhỏ, vỏ vàng, hay ở ngoài khơi, và *ghe-nhàng*, thứ *ghe* lớn ở gần bờ, vỏ xanh khi còn sống mà vàng ra khi bị luộc chín. Ngoài ra ở đây không thấy giống *sam*, con đực con cái thường chổng lên nhau mà đi, hay giống *cáy*, ở Bắc ta vẫn được thường - thức cái vị bùi-bùi của trứng nó. Nhưng giống *còng*, thì không thiếu, nhất là *còng-gió* rất nhỏ mà chạy cũng rất nhanh, nhanh đến nỗi trên bãi cát, khi có nhiều hang *còng* cùng một chỗ, ta không còn thấy rõ nó « chun vô » hang nào nữa : có lẽ loại này cùng là một với con *còng-còng* ngoài Bắc.

Về tôm, ngoài những giống quen thuộc ở ngoài Bắc, như : *tôm-càng*, có càng dài ;

tôm-he, không lớn lắm và thường phơi khô mà bán từng xâu ; *tôm-hùm*, thứ tôm rất lớn, đầu có gai và râu dài, vỏ đỏ mà có bông ; *tôm-rồng*, thứ tôm lớn, đuôi dài, ta cũng kể thêm được : *tôm-bạc*, thứ tôm nhỏ mà trắng ; *tôm-rắn*, thứ tôm không lớn lắm, mình có rắn ; *tôm-rảo*, thứ tôm mình dài, da nâu-nâu, thường dễ làm mắt ; *tôm-sú*, thứ tôm lớn ; *tôm-vồ*, thứ tôm mình giẹp, đầu to bạnh ra, lưng xám vàng, hay đập đầu xuống nên có tên ấy.

Bây giờ ta đã có thể chính-thức nói về nghề chài-lưới, sau khi đã bỏ qua những người câu cá, lúc nào và ở đâu cũng gặp được. Nhưng trước hết, tưởng nên nói qua về cái lưới và cái chài. Không quang-cảnh nào thể-hiện được đức-tính cần-cù của nghề chài-lưới bằng cảnh người *đương* lưới hay vá lưới. Ở Vũng-Tàu lưới làm bằng nhợ ni-lông nhiều nên màu-sắc của nó cũng đặc-biệt : cả một khối ni-lông phớt xanh lờng-bờng trên đó nổi bật màu của gai ở cái *triêng-đôi*, là sợi dây cái ở phía trên, có mắc một sợi dây khác đeo *phao*, hay của cái *triêng-chì*, là sợi dây cái ở phía dưới, cứ một quãng lại kẹp một miếng chì lớn hay nhỏ, tùy loại lưới. Phao ở nhiều nơi hay làm bằng gỗ vông, nhưng ở đây làm bằng gỗ *lốp-bốp*, một thứ cây nhỏ ở rừng, cao chừng hai mét, thân lớn bằng bắp tay. Còn *triêng-đôi* gọi ra một nhận-xét về nguồn-tiếng : cũng như tiếng *giường* ở Bắc *triêng* gốc ở tiếng *cang*, cũng đọc là *cương* và *đôi* chính là *đầu*, như một người đương lưới nhận-xét với tôi : « Lẽ ra phải nói *triêng-đầu* mới đúng, vì nó ở phía trên đầu, nhưng chúng tôi gọi quen đi rồi. » Biến-đổi /*đôw*/ > /*đôy*/ rất có-thể có, vì chỉ là sự di-chuyển diêm-phát của âm-

bán cuối từ vị-trí cuối màng-cúa đến vị-trí giữa-cúa mà thôi. (1)

Những dụng-cụ đương lưới rất giản-dị : một con dao nhỏ thật bén để cắt nhợ, một cái cõ để làm mực-thước khi đương và một cái ghim để gậy nhợ. Cái cõ là một mảnh tre dài chừng 7 phân, dày 3 phân, rộng tùy kích-thước của mặt lưới. Tiếng mặt này, lần đầu nghe thấy nó, đã làm tôi ngỡ-ngờ trong giây-phút, vì ở Bắc quen gọi là *mặt lưới*. Nhưng người đương lưới vội giải-thích : « Theo chúng tôi, *mặt* chỉ những lỗ trong lưới, còn *mắt* chỉ những gút mà chúng tôi thắt lại, nên mỗi mặt có bốn mắt ở bốn góc. » Bắc cũng có lý, mà Nam cũng không phải là sai : làm sao thống-nhất tiếng-dùng để tránh sự hiểu lầm đây ? Nhưng đến cái ghim thì tên-gọi quả-tình hơi quá-dáng. Ta hãy tưởng-tượng một mảnh tre mỏng, đeo gút lấy một đầu cho nhọn, giữa khoét rỗng mà thừa lại một cái trục để quấn nhợ theo chiều dọc : hình-dáng có cũng như một cái thoi giúp mình mà một đầu không nhọn, và công-dụng của nó là luồn nhợ qua mặt lưới, đồng-thời nhả nhợ ra dần dần. Nó không nhỏ như cái « ghim » mà cũng không « ghim » được gì hết : nó chỉ là một cái « thoi-đương » cùng loại với cái « thoi-đệt » ở khung-cửi, nếu muốn định cho nó một tên đúng. Tiếng *đương* này, tuy vẫn quen dùng như *đan* có-thể được biệt-nghĩa để chỉ trường-hợp « *đan* mà phải thắt gút », và ta sẽ nói *đương lưới*, *đan rổ*. Như vậy, dĩ-nhiên là không có lưới « *đan* », nhưng rất có-thể có thứ rổ « *đương* », một khi ta nhận thấy những gút ở rổ.

1) Xem những tiếng chuyên-môn này ở *Ngôn-ngữ-học Việt-Nam*, nhất là *Học-âm-lời Việt-Nam* (Quyển I : *Học âm lời tỉnh-phát*) của tác-giả, sẽ do Viện Đại-học Huế ấn-hành

Tuy vậy, với một cái tên hơi vụng, đồ-nghề này thật là một cái gì cực-kỳ linh-động. Một người đương khéo có-thể sử-dụng nó mau đến nỗi, dầu chăm-chú theo-dõi, ta cũng không nhận ra là nó đã luồn vào mặt nào, nó đã thắt cái mắt ra sao. Chỉ trong ít ngày, nó sẽ biến mớ ni-lông xanh trong thành một xép (hay tấm) lưới thuộc vào loại này hay loại khác, tùy cỡ mặt lớn nhỏ. Ta có-thể kể vài loại chính :

— cái *lưới-một*, có mặt lớn bằng một ngón tay, thường thuộc loại *lưới-rùng*, hai đầu có ngáng tre để kéo, dùng để đánh cá ở chỗ nông và chia ra làm hai thứ : *lưới-rùng bộ*, rộng 2 mét, dài chừng 60 mét, để đánh cá ở bờ, do người đi bộ mà giăng ra hay kéo vào : *lưới-rùng-ghe*, để đánh cá ngoài xa, đem ra bằng ghe, kéo vào bằng người, rộng 5 mét, dài chừng 300 mét. Đánh lưới-rùng bộ thường cần đến 4 người khi lưới còn ở ngoài xa thì hai người kéo ngáng là đủ ; khi lưới đã vào bờ thì phải hai người kéo triềng-đôi, hai người kéo triềng-chì. Một mẻ lưới như thế thường không được là bao, có khi không được gì, nếu không phải là một khúc củi mục hay vài con cá nóc.

— Cái *lưới-hai*, có mặt to bằng hai ngón tay, để bắt cá nhỏ, rộng 3 mét, dài chừng 40 mét, không có ngáng vì để thả chìm sát đáy nước, nhưng hai đầu có ống-vọi bằng tre để biết chừng mà coi.

— Cái *lưới-năm*, có mặt to bằng 5 ngón tay, để bắt cá lớn, rộng 6 mét, dài chừng 40 mét, không có ống-vọi ở hai đầu như lưới-hai.

— Cái *lưới-bảy*, có mặt to bằng 7 ngón tay, để bắt cá lớn, rộng 6 mét, dài chừng 40 mét, khác hẳn các loại trên vì triềng dưới không chì, triềng trên không

có phao mắc liền vào, mà chỉ đeo vào ba ống phao tre, mỗi cái dài một mét, thành ra trên thì thả lơ-lửng cách mặt nước 1 mét, dưới thì buông hồng (= Không sát) đáy biển. Loại lưới này thường giăng về đêm nên hai đầu có hai ống-vọi-đen.

Đã nói đến lưới thì phải nói đến chài. Cái chài khác cái lưới ở cách sử-dụng cũng như ở cách cấu tạo. Lưới thì giăng, chài thì vãi, và không cảnh-tượng nào đẹp bằng cảnh một dân chài đứng ở mũi ghe tung chài dưới ánh hoàng-hôn : những nét rõ-ràng của thân-hình vạm-vỡ con người, nổi bật trên nền trời, tương-phản với dáng mập-mờ của tấm chài vung ra, loà-xoà một lát rồi lặng chìm dưới mặt nước. Đương chài không như đương lưới. Thay vì những hàng đều nhau, chài có những hàng-con, là những hàng mà số mắt càng xuống dưới càng nhiều ra : có lẽ vì hàng nọ sanh ra hàng kia nên gọi là « hàng-con », nhưng có một điều lạ là không thấy dùng tiếng « hàng-cái ». Muốn đương một tấm chài thường, người ta bắt-đầu ở trên, từ hàng con một, thường có 50 mắt, xuống hàng-con hai 100 mắt, hàng-con ba 150 mắt, rồi cứ tăng theo tỉ-lệ ấy mà đến hàng-con mười-hai là hết tĩa : tiếng tĩa này, trong nghề chài-lưới, phải hiểu là « đương thêm mắt cho rộng ra ». Ở dưới cùng tấm chài là một hàng túi cho cá chui vào mà bắt : khi tấm chài vãi ra, chìm dần xuống, nếu một số cá khôn - ngoan biết tìm đường sống mà lặn theo chài để thoát ra ngoài, đa số ưa ngoi lên, bơi quanh-quần, rồi rút cục chun vào túi cả. Một người bạn-chài thường lặn xuống để coi chừng, và người ta hỏi nhau : « Cá lên đến hàng-con mấy rồi ? » Còn về các loại chài thì không có nhiều như các loại lưới : tôi còn nhớ,

trong một số Bách-khoa, một bạn đã phân biệt hai thứ chài-kéo và chài-rò, vậy tưởng không cần nhắc lại ở đây cho dài-dòng.

Cuối cùng là một đồ-dùng của nghề chài-lưới không kém quan-trọng : cái ghe. Các loại ghe hay bè ở Việt-Nam đã từng được tả tỉ-mỉ trong một số bài nghiên-cứu của các nhà chuyên - môn về hàng - hải, nên tôi xin được miễn lạm - bàn. Riêng trong phạm - vi ngôn - ngữ, tôi đề ý thấy, ngoài loại ghe-buồm, ghe-máy, một số ghe-chèo có be bằng gỗ mà đáy bằng nan : cái đáy ấy người ta gọi là mé, nên thêm vào nghĩa Bắc « thúng, rò đã rách nát mà mất cặp », tiếng mé sẽ phải có thêm nghĩa Nam : « đáy bằng nan của ghe-nan ». Hơn nữa, có lẽ tiếng ghe-nan này, chỉ « chiếc ghe có be bằng gỗ và đáy bằng mé », còn nên phân - biệt với thuyền - nan, chỉ « chiếc thuyền bằng nan cả », chưa kể rằng đã đến lúc ta nên biệt-nghĩa cho chính tiếng thuyền, gốc Hán, và tiếng ghe, gốc khác, tới nay vẫn chỉ chung một vật.

Người ta vẫn nói : « Đi một ngày đàng, học một sàng khôn », nhưng ra Vũng - tàu lần này khá lâu, có thì-giờ học-hỏi, tôi thật-tình lấy làm thú-vị về một cái « khôn » nho-nhỏ đã làm tan được một mối thắc - mắc trong óc tôi ở những lần ra trước, chỉ có lo đi dạo và tắm biển : tại sao ở đầu mỗi chiếc ghe đậu ở bến lại có lăm cờ đen thế kia ? Và lại cờ gì mà có lẽ là những mảnh quần cũ cắt ra, làm mất cả vẻ mỹ-quan của thắng-cảnh thiên nhiên này ? Tại ra đó là những cờ cắm vào ống-vọi, và hình như nó là một đặc-diểm của những chiếc ghe Vũng-Tàu. Những bạn đã từng ra ngoài ấy có thấy như tôi chẳng ?

NGUYỄN BẠT-TỤY

(còn tiếp một kỳ)



MUSTAPHA KÉMAL

MỘT NHÀ CÁCH-MẠNG
SÁNG-SUỐT, CƯƠNG-QUYẾT
BIẾT NẮM LẤY CƠ-HỘI

(Tiếp theo Bách-Khoa số 86)

THÁNG 10 năm 1922, Anh, Pháp, Ý muốn ký một hiệp ước mới với Thổ. Mời cả phe triều-đình và phe Cách - mạng Thổ tới Lausanne. Tại sao họ lại vụng về như vậy được nhỉ ? Lại thêm một cơ hội tốt cho Mustapha Kémal nắm trọn quyền hành, vì dân chúng nổi lên phản đối kịch liệt đề nghị của đồng minh. Mustapha Kémal đợi cho Quốc-hội phản uất đến cực điểm, mới bình tĩnh lên diễn đàn, đề nghị.

Chỉ còn một cách là Quốc-hội ban hành một luật tách biệt Vương-vị của Thổ-Nhĩ-Kỳ và Vương-vị của Hồi-giáo, hủy bỏ Vương-vị Thổ đi và đuổi Méc-hémet VI ra khỏi cõi.

Ta nên nhớ rằng Vương-vị của Hồi-giáo là một chức do nhà sáng lập ra Hồi-

giáo, tức Mahomet, truyền lại cho con cháu để trị vì các tín - đồ Hồi. Mới đầu chức đó gồm cả giáo quyền (quyền về tôn giáo) và về thế quyền (quyền trong đời tục). Sau thế quyền tách ra giao cho Vương-vị của mỗi nước.

Dân tộc Thổ, trước khi theo Hồi-giáo của Á-Rập, đã có vua, nhưng vua thời đó chỉ có thế quyền thôi ; từ khi theo Hồi-giáo, thì nhà Vua kiêm luôn cả giáo quyền nữa. Như vậy Vua Méc-hémet VI vừa là một hoàng đế vừa là một giáo hoàng. Mustapha biết rằng dân chúng chỉ khinh Méc-hémet VI ở địa vị cầm thế quyền, chớ chưa dám dấy động đến tôn giáo, nên ông đề nghị tách hai quyền đó ra để có thể trục xuất nhà vua được.

Quốc-hội mới nghe đề nghị đó, kinh hoàng, không dám đi xa quá như vậy. Ông phải giảng giải cho họ hiểu rồi dùng uy quyền bức họ, họ mới dám ký đạo luật cách mạng đó. Họ sợ mất lòng dân, mà không ngờ dân chúng lại mang ơn họ, kéo nhau lại Quốc-hội đề hoan hô.

Méhémet vội vàng thu nhặt châu báu trong cung, lên xuống tàu Anh trốn qua châu Âu. Khi xuống tàu rồi, đức Chí-tôn xét lại đồ đạc, thấy thiếu một chiếc va li, mắng chửi thậm tệ một tên thái giám. Người ta phải tìm khắp nơi cho ngài. Tìm được rồi, ngài mở ra coi, soát lại thấy đủ cả, thở ra một cái, khoan khoái. Hú hồn, tất cả những châu báu và bộ đồ pha cà-phê bằng vàng của ngài ở trong va li đó.

*
* *

Ngày mùng một tháng 11 năm 1922, Méhémet VI bị truất ngôi rồi, Quốc-hội Thổ lên cầm quyền. Mustapha Kémal lập một đảng dân chủ, lấy tên là Quốc-dân đảng và ông hô hào các nhà ái-quốc, các nghệ sĩ, các nhà bác học góp ý kiến đề lập chương trình hành động của đảng. Ông gửi thư hỏi ý kiến của những người được dân chúng ngưỡng mộ và tôn trọng tất cả các ý kiến đó. Đảng lập rồi, ông được bầu làm chủ tịch, rồi sau được bầu làm Tổng-thống nước Cộng-hoà Thổ.

Cũng cuối năm đó ông phái Ismet Pacha — vị anh hùng ở Ineunü — Cầm đầu một phái đoàn qua Lausanne họp hội nghị với các cường quốc châu Âu. Mới đầu Anh, Pháp, Ý muốn ăn hiếp Thổ, đưa ra những đề nghị Thổ không thể nhận được. Ismet Pacha giả điếc, làm thinh. Hội nghị bàn

cãi hai tháng không có kết quả, phải gián đoạn hai tháng nữa, tới đầu tháng tư năm 1923, họp lại, bàn cãi thêm bốn tháng nữa rút cục phải nhượng bộ Thổ: quân đội chiếm đóng phải rút về hết; miền ở chung quanh eo biển Dardanelles không còn quân đội nước nào lại đóng nữa, Thổ thu lại hết đất đai mà không phải bồi thường quân sự cho một nước nào cả.

Hiệp ước Lausanne là một thành công lớn trên đường ngoại giao của Thổ: Sau đại chiến thứ nhất, ngoài Thổ ra không một nước chiến bại nào mà lại giành được cái quyền thương thuyết với kẻ chiến thắng như vậy.

Thành công đó làm cho thế giới ngạc nhiên, và các quốc gia ở Cận Đông và Trung Đông bưng tỉnh. Ấn-Độ, Ba-Tư, A-Phú-Hân, các nước châu Phi, cả Trung-Hoa nữa đánh điện mừng Mustapha Kémal và ca tụng ông. Các nước nhược tiểu bị áp bức hướng cả về vị anh hùng Thổ đó, coi ông như một người anh cả có thể giúp đỡ bênh vực mình được, người ta kết thân với ông, yêu cầu ông cầm đầu một phong trào, chỉ huy một thánh chiến để cho Hồi-giáo chống lại công-giáo, phương Đông chống lại phương Tây. Tóm lại Thổ lúc đó đóng cái vai của Nhật sau khi thắng Nga năm 1905. Nhưng Mustapha Kémal chưa tính xa như vậy, còn lo canh tân, kiến thiết quốc gia cho mạnh mẽ. Tuân tự và cương quyết, ông thực hành trong sáu năm nhiều cuộc cách mạng nữa, làm cho Thổ từ một nước hủ lậu nhất thế giới biến thành một nước tân tiến, gần theo kịp các cường quốc Âu-Châu.

*
* *

Ở trên ta đã thấy ông thực hành được hai cuộc cách mạng tách vương quyền và

giáo quyền và thành lập chính thể Cộng-Hòa. Thành lập chính thể Cộng-Hòa tức thị là hủy bỏ vương quyền; (Sultanat) bây giờ 1924 ông lại hủy bỏ luôn cả giáo quyền (califat) nữa.

Méhémet VI đã bị truất ngôi, thì mất luôn cả giáo quyền. Quốc-hội đề cử một người trong hoàng tộc là Abdul Medjid làm calife mà giữ giáo quyền. Giải quyết như vậy chỉ là tạm bợ vì Mustapha Kémal hiểu rõ rằng bất kỳ ở nước nào, bao giờ cũng có một số người thông minh hoạt vô tình hoạt cố ý lợi dụng tôn giáo để làm chính-trị, lợi dụng lòng mê tín của quốc dân để mưu quyền lợi cho riêng mình hoặc đảng của mình. Cho nên ông nhất định truất luôn cả cái chức giáo chủ. Ta phải khen ở điểm này : ông đã làm Tổng-thống Thổ rất có thể giảng giải cho Quốc hội để Quốc-hội trao luôn giáo quyền cho ông, như vậy chắc Quốc-hội không từ chối mà quyền hành của ông tăng lên gấp đôi. Chính một số dân biểu đã đề nghị với ông như vậy, nhưng ông không chịu vì như thế trái với nguyên tắc tách thể quyền với giáo quyền mà ông đã long trọng tuyên bố hai năm trước. Ông cũng biết rằng phế ngôi giáo chủ đi thì quốc dân sẽ phản đối (dân Thổ rất ngoan đạo) mà quân đội cũng có thể phản đối nữa. Nhưng ông cương quyết giữ vững lập trường, giảng cho quốc dân hiểu rằng ông vẫn trọng tín ngưỡng của mọi người, chỉ bỏ giáo quyền đi thôi, vì quyền đó là di tích của thời cò, thời mà dân tộc Á-Rập bị dân tộc Thổ đánh bại, muốn lợi dụng tôn giáo để ngấm ngấm ảnh hưởng đến tâm hồn dân Thổ rồi đến chính trị của người Thổ. Quốc-hội hiểu ông và tháng 3 năm 1924, biểu quyết một đạo luật bãi bỏ giáo quyền, dẹp Bộ Tôn giáo, dẹp các toà án tôn giáo, và dẹp luôn cả các trường học thuộc về giáo-hội mà trong

đó ngoài thánh kinh Koran ra, người ta không dạy học sinh một môn nào khác nữa. Thế là các dân tộc khác theo đạo Hồi-hồi, nhất là dân tộc Á-Rập không còn cơ hội để xen vào chính trị của Thổ được nữa.

*
* *

Sau đạo luật đó, Thổ thành một nước Cộng-hoà dân chủ không có quốc giáo, và tôn giáo nào cũng ngang hàng nhau. Nhưng Thổ vẫn chưa có thể mạnh được, vì không thân thích, gồm quá nhiều dân tộc hỗn tạp, khó đoàn kết với nhau được. Đế quốc Thổ xưa kia gồm cả người Âu, người Á, lẫn người Phi, tính ra có đến hơn chục giống : Á-Rập, Ai-Cập, Ba-Tur, Ma-Rốc, Nga, Hi-Lạp, Lỗ .. Bây giờ Thổ đã mất hết thuộc địa, giang sơn thu vào trong một khu chữ nhật từ Arménie qua biển Egée, từ Hắc-hải xuống Syrie và bờ biển ngó ra đảo Chypre (coi bản đồ trang...), nhưng trong khu đó cũng vẫn còn đủ các giống người, mà trừ Thổ ra, thì đông nhất là Á-Rập và Hi-Lạp.

Đối với người Hi-Lạp ông đã có cách giải quyết : trong hiệp ước Lausanne đã có một khoản buộc hai triệu người Hi-Lạp lập nghiệp trên đất Thổ phải trở về xứ sở của họ mà họ chưa từng được thấy ; ngược lại, những người Thổ lập nghiệp ở Hi-Lạp cũng phải trở về Thổ. Chính sách đó có vẻ tàn bạo quá, làm cho dân chúng — cả Hi lẫn Thổ — ta oán rất nhiều ; nhưng đứng về *phương diện quốc gia* mà xét, thì ta phải nhận rằng hễ muốn cho Thổ mau thành một nước mạnh mẽ, thống nhất, thì không thể làm khác được.

Còn đối với các người phương Đông như Á-Rập, Ba-Tur, Ai - Cập, Syrie... tức

những người cùng một tôn giáo với Thổ lại đa số đồng hoá với Thổ, có kẻ nắm những địa vị quan trọng trong chính quyền, trên thương trường của Thổ thì Mustapha Kémal không thể dùng chính sách trên được. Ông nghĩ ra một giải pháp : Buộc dân Thổ và những người ngoại quốc nhập tịch Thổ phải bỏ cái nón phê (fez) để phân biệt với các người phương đông. Ở trên đất Thổ mà có quốc tịch khác. Chắc độc giả đã một đôi lần trông thấy chiếc nón đó ở Sài-gòn : nó làm bằng len hay nhung màu đỏ hoặc trắng, hình nón cụt, dưới rộng trên hẹp. Hầu hết các dân tộc Cận-đông đều dùng nó thế kỷ 18, thành một thứ quốc túy của họ, nay nhất đán bảo họ bỏ thì làm sao họ chịu nghe ? Nhất là khi bảo họ phải đội cái nón tây có lưỡi trái, có vàng che trán của các tín đồ đạo Da-Tô thì họ lại càng phản uất : « Tín đồ Da-Tô đội thứ nón có lưỡi trái đó vì họ tội lỗi, giả dối, không dám cho Thượng-Đế ngó thấy mặt họ ; chứ bọn tôi, chính trực quang minh, tội lỗi gì mà phải đội ? »

Ông cố giảng giải, dẫn dụ cho hiểu rằng các dân tộc văn minh ở Âu, Mỹ, theo đạo Da-Tô hay không đều đội thứ nón đó, nó có lợi che nắng, người Thổ nên bắt chước họ tỏ rằng mình cũng văn minh như họ. Nhưng không, nhất định dân chúng không chịu nghe. Ông phải dùng bạo lực, mới đầu buộc các công chức bỏ nón phê (tháng chín năm 1929) rồi một tháng sau cấm tất cả dân chúng đội nón đó. Ông lại độc tài đến nỗi sai cảnh sát đánh đập, nhốt khám những kẻ nào trái lệnh. Thật là quá tàn nhẫn, cần gì mà phải gấp như vậy ? Và lại muốn phân biệt người Thổ với các giống người khác thì thiếu gì cách mà phải chà đạp tâm lý của

dân chúng, những kẻ cùng với ông hy sinh tánh mạng tài sản cho Tổ-quốc ? Loạn nổi lên ở mười hai tỉnh, một số cảnh sát bị dân chúng giết. Các linh - mục Hồi - hồi ngấm tưới dầu vào lửa. Mustapha lại càng giận, ra lệnh chém, bắn hàng ngàn người. Dân chúng bị đàn áp quá, phải miễn cưỡng theo, sau này Mustapha mới thấy ảnh hưởng tai hại của chính sách độc tài đến tàn nhẫn đó.

*
* *

Trừ cái cách đó ra, những cái cách khác tuy cùng mạnh bạo mà có lợi cho dân Thổ.

Năm 1926 Quốc Hội biểu quyết một đạo luật bắt buộc quốc dân phải dùng tây lịch, « và ngày kể ngày 31 tháng 12 năm 1341 của cựu lịch sẽ là ngày mừng một tháng giêng năm 1926 ». Thế là kỷ nguyên Hồi giáo (bắt đầu từ năm 622 tức năm Mahomet ở thành Mecque trốn sang thành Médine) đã dùng trên một ngàn ba trăm năm bị bãi bỏ. Nhưng cũng nóng nảy quá, Mustapha ra hạn trong bốn ngày là lệnh phải thi hành liền.

Cũng trong năm đó, Quốc-hội cho thi hành những bộ luật mới. Sau khi những tòa án tôn giáo đã bãi bỏ năm 1924, Mustapha Kémal cho lập một cơ quan tư pháp tạm thời và yêu cầu các luật gia soạn ngay những bộ luật mới. Chỉ trong hai năm công việc hoàn thành, khắp thế giới không có nước nào tiến nhanh như vậy. Mà tiến rất vững : các cường quốc châu Âu đều nhận rằng pháp điển Thổ hoàn hảo có tính cách dân chủ và hợp với nhu cầu của Thổ là nâng cao địa vị phụ nữ. Được vậy là nhờ các luật gia Thổ đã sáng suốt biết chăm chuốt bộ dân luật của Thụy sĩ, bộ hình-luật của Ý và bộ thương luật của Đức, tức những bộ luật có tiếng ở thế giới. Ta cứ xét

nội một điều này đủ rõ : hơn cả hình luật của Pháp, Anh thời cổ, hình luật Thổ có những mục về sự cải hóa tâm hồn tội nhân : trong khi bị giam, họ được dạy dỗ mà những kẻ mới phạm tội lần đầu, dù lại tội nặng, cũng được giam riêng, không sống lẫn lộn với những kẻ đã tái phạm nhiều lần.

Đầu năm 1929, Quốc hội ban hành hai đạo luật nữa để cách mạng văn tự Thổ. Trước kia người Thổ dùng chữ Á-Rập và chữ số Thổ. Lối chữ đó vừa bất tiện, vừa khó học thành thử 90 phần 100 dân chúng mù chữ. Mustapha Kémal quyết định hủy bỏ hết, mà dùng chữ la-tinh và những "síp" quốc tế, tức những "síp" mà ta gọi là "síp" Á-Rập. Ông giao cho một nhóm nhà ngôn-ngữ học nghiên cứu việc la-tinh hóa tiếng Thổ; khi những tự mẫu và văn Thổ đã định rồi, ông cho đúc những tự mẫu bằng vàng rồi gắn lên một tấm bảng, và để nêu gương cho quốc dân, ông bắt đầu học liền. Lối viết mới hoàn toàn theo sát cách nói, cho nên rất dễ học, và khi đã dịch thân học thuộc, ông ra lệnh cho toàn quốc dùng.

Dân chúng rất hoan nghênh lối chữ mới: người ta gỡ cái bảng đề tên sở, tên tiệm, bôi bỏ chữ Á-Rập mà thay những chữ mới; ở góc đường, đầu chợ chỗ nào cũng dựng những tấm bảng ghi tự mẫu mới, nhà thờ, cung điện biến thành trường học, toàn dân thành những học sinh chăm chỉ. Chính Mustapha Kémal cũng mang theo một bảng đen, một hộp phấn đi khắp xứ, từ tỉnh này qua tỉnh khác, có khi len lỏi cả ở thôn quê, như một anh Sơn Đông bán cao đơn hoàn tán, để giảng giải những ích lợi của lối viết mới, và chỉ cho dân cách học, cách viết chỉ một năm sau, số người mù chữ giảm xuống quá nửa. Chữ quốc ngữ của ta chắc không

khó gì hơn chữ mới của Thổ, lại được dạy ở trong nước hơn nửa thế-kỷ nay rồi, mà hiện nay số người mù chữ còn là bao nhiêu? Có chắc gì bằng Thổ năm 1930 không?

Đã có văn tự riêng của mình, tất nhiên dân tộc Thổ không chịu đọc thánh kinh Co-ran trong nguyên văn bằng tiếng Á-rập nữa. Mustapha Kémal cho dịch kinh đó ra tiếng Thổ, in theo lối chữ mới, để cho người dân nào cũng đọc được mà cái việc giảng thánh kinh không còn là cái đặc quyền của một nhóm nhà tu hành. Công đó của ông có thể so sánh với công của Martin Luther được.

Ngoài ra, còn những cải cách lớn lao về mọi phương diện. Ông bãi bỏ hệ thống đo lường cũ : nó bất tiện, rắc-rối thay đổi tùy miền và bắt phải áp dụng mét hệ thống như các nước châu Âu. Ta thử tưởng tượng sự thay đổi đó xáo lộn đời sống Thổ ra sao : mỗi người dân phải học lại cách cân, cách đo, cách đếm, từ những kế ước đến những tờ hôn thú, tờ chúc thư đều phải thảo theo lối mới hết. Cứ nghĩ rằng người Pháp áp dụng mét hệ ở nước ta đã non một trăm năm rồi mà hiện nay những dân quê miền Trung và miền Nam vẫn đo ruộng theo tục riêng, ở Trung một mẫu là năm ngàn thước vuông ở Nam mỗi mẫu mười công tám điền, khoảng mười ngàn thước vuông ; mà tại các tiệm thuốc Bắc, người ta vẫn còn dùng cân ta, thì mới thấy được những cải cách của Mustapha Kémal cấp tiến đến bậc nào.

Không biết nước ta hiện nay đã có đạo luật nào che chở thanh niên chưa, chứ ở Thổ ba chục năm trước, đã có đạo luật đó, lại có " tuần lễ của thanh niên ". Trong tuần lễ đó, mỗi công chức được thay thế một cách hữu danh vô thực bằng tên một

thanh niên, nghĩa là công chức đó vẫn làm việc, nhưng mang tên một thanh niên trong khu, trong xóm, và ký tên của thanh niên đó. Chính sách đó có thể làm cho ta mỉm cười, nhưng ta nên hiểu thâm ý của Mustapha là tập cho người Thổ tôn trọng thanh niên và cho thanh niên thấy cái nhiệm-vụ lớn lao của họ sau này. Ta chỉ chê ông tỏ ra vì độc tài một cách khả ố, treo cổ một ký giả chỉ vì ký giả đó hỏi một cách mỉa mai rằng « Ông có ý lập một nội các Thanh-niên để điều-khiển Quốc-gia đây không ? » Không chấp nhận được một lời nói đùa mà xử-tử người thì thật hẹp hòi tàn bạo vào hàng Kiệt Trụ rồi.

Nhưng đối với Phụ-nữ thì chính sách của ông sáng suốt và rộng-rãi. Ở đầu bài này, tôi đã tả tình trạng của họ, tình trạng của một bọn nô-lệ nhân cư trong các khuê phòng, các hậu cung, suốt ngày buồn chán cho thân phận của mình. Mustapha Kémal muốn giải-phóng họ, để họ dự phần kiến-thiết Quốc-gia. Sự thực thì ngay từ khi toàn dân Thổ nổi dậy để chống Anh, Pháp, Ý sau đại chiến thứ nhất, họ đã tự giải-phóng mà bỏ khuê phòng ra chiến địa để tiếp tay cha, chồng, anh, em. Nhưng đó chỉ là một sự bùng-bột trong một thời do hoàn-cảnh thúc đẩy. Khi dân Thổ đã giành lại được non sông, họ lại trở về chốn phòng khuê, sống cuộc đời cũ. Mustapha Kémal chống lại hủ tục đó, giữa Quốc-hội tuyên-bố:

« Tương lai của Quốc - gia cần những người mới có tinh-thần mới, mà chính Phụ-nữ ngày nay phải đào tạo cho ta những người đó. Trong lịch-sử của ta, về đời tư cũng như đời công, đàn-bà không bao giờ tỏ ra thua kém đàn ông.

Thế thì tại sao bây giờ họ còn choàng một cái khăn voan che kín mặt, tại sao họ lại quay mặt đi khi thấy một người đàn ông ? Cái đó không xứng với một dân-tộc văn-minh. Tôi xin hỏi các đồng-chí, phụ-nữ của chúng ta có phải là con người có lý-trí như ta không ? Thế thì họ ngại-ngùng gì mà không để cho người ta trông thấy mặt, ngại ngại gì mà không nhìn thẳng thế-giới ? Một Dân-tộc ham tấn bộ không thể không biết tới phân nửa quần - chúng được dân-tộc Thổ đã thể nhất định thành một quốc gia mạnh. Thì vợ chúng ta, con gái chúng ta phải giúp chúng ta phụng sự tổ-quốc, chỉ huy vận mạng của tổ-quốc, sự an toàn và danh dự của tân quốc-gia Thổ sẽ giao phó cho họ ! Quốc-hội biểu quyết đạo luật và từ đó phụ nữ Thổ cởi bỏ được cái ách của hủ tục trong mấy thế kỷ.

*
* *

Thổ vốn là một xứ nông nghiệp cũng như nước ta. Khi mới cầm quyền, Mustapha Kémal đã nghĩ ngay đến sự phát triển canh nông, đào kinh, đắp đập để dẫn thủy nhập điền, mua máy cày, máy đập, cải thiện cách trồng trọt, lập hợp tác xã nông nghiệp làm cho diện tích cày cấy trong 13 năm, từ 1925 đến 1938 tăng lên gần gấp bốn.

Phương tiện giao thông được phát triển và cải thiện : trong 9 năm, từ 1930 đến 1939, tổng số độ dài của các đường cái tăng lên gấp đôi, từ 8.000 tới 15.000 cây số ; lại thêm, mỗi năm trung bình xây cất được 200 cây số đường xe lửa.

Nhờ đó mà kỹ nghệ tiến cũng rất mau, nhất là trong công việc chế tạo đường, xi măng và sợi vải.

Đáng phục nhất là Thổ năm 1923 sau 11 năm chiến tranh gần như kiệt quệ, dân số chỉ

còn có mười triệu người, quốc khố rỗng không vậy mà không cần vay vốn của ngoại quốc, không thêm nhờ sự viện trợ của quốc-gia nào, tự mình thực hiện được chương trình kinh tế đó, Quả thực là một phép màu.

Các cường quốc châu Âu ve vãn Thổ, các nhà kinh tế gia chuyên môn đều nhận rằng ngoài cách mượn vốn, không còn giải pháp nào khác, Mustapha Kémal nhất định không chịu. Ông nhắc đi nhắc lại rằng « muốn mất độc-lập thì không gì bằng tiêu tiền của kẻ khác ». Ông đã thấy những tai hại của chính-sách vay tiền của các triều đại Thổ. Ông đã thấy sự nhục-nhã của một Quốc-gia để cho Quốc-gia khác kiểm-soát cả nền tài chính của mình. Không, hể ông còn sống ngày nào thì chính-phủ Thổ không khi nào tự tròng cổ vào thòng lọng như vậy. Phải tự túc. Có bao nhiêu chỉ tiêu bấy nhiêu, nếu có phải chịu khổ hàng chục năm thì cũng rán mà chịu.

Nhưng ta đừng nên hiểu lầm rằng ông thù-oán các cường-quốc phương Tây. Không. Ông cương-quyết không cho họ xen vào nội-bộ của Thổ bằng cách này hay cách khác, thế thôi. Ngoài ra ông vẫn làm hòa-hảo với mọi dân-tộc. Ngay như với Hi-lạp kẻ thù của Thổ mà ông cũng không ghét. Năm 1922, sau khi đã thắng Hi ông không đòi Hi một số bồi thường nào hết. Anh, Pháp, Ý trong trường-hợp đó, tất đã cắt xén của Hi, đòi quyền-lợi này, quyền-lợi khác, và bắt Hi ký giấy nợ rồi ! Mustapha Kémal sáng-suốt hơn. Một chính khách Âu hỏi ông sao lại đại vậy ? Ông đáp :

« Giữa tình hòa-hảo với nhau, rồi buôn bán với nhau, chẳng có lợi hơn là bắt người ta bồi thường, rồi sau này lại gây xích-mích với nhau nữa ư ? ». Nội một điểm đó cũng đáng cho ta khen là ông có cái nhãn quan thiên-lý, không phải hạng Lloyd George và Clémenceau bì kịp. Ông ký những hiệp-ước thân-thiện với Anh, Pháp, Nga, Ý, Áo, và với các nước ở Trung Đông, chủ ý là để được yên ổn kiến-thiết lại xứ-sở.

Không những vậy, ông còn biết hợp-tác với các nước văn-minh trong các công cuộc nhân đạo. Ngày lễ Giáng-sinh năm 1931, một tin-tức của đài phát-thanh Angora làm thế-giới ngạc-nhiên: chính-phủ Thổ đã gia nhập hiệp-ước Genève về việc kiểm soát nha phiến ở khắp thế-giới và đã đề-nghị một chương-trình kiểm-soát tại Thổ, có vạn quốc tiếp-sức. Ta nên nhớ rằng lúc đó khắp thế-giới mới chỉ có chín nước: Gia-Nã-Đại, Ấn Độ, Nicaragua, Ba-Tur, Pérou, Soudan, Thụy Điển, Huê-kỳ, chịu ký tên vào hiệp-ước Genève. Vậy Thổ đã đi trước bốn cường-quốc châu Âu tức Anh, Pháp, Đức, Ý. Hơn nữa, chính Thổ là nước trước kia buôn lậu nha phiến nhiều nhất. Sau cùng, năm 1953, khi vạn quốc họp lại ở Genève để quyết-định, thì có 28 phiếu thuận, 27 phiếu nghịch. Như vậy nhờ lá phiếu của Thổ mà công việc bài trừ nha phiến mới thừa hành được. Tôi không biết rõ lần đó Pháp có bỏ phiếu thuận không, nhưng tôi còn nhớ rõ rằng năm 1948 hay 1949, khi quân-đội Pháp tái xâm nước ta, thì nha phiến vẫn được bán công khai ở Sài-gòn : Nói gì tới các thời từ 1932 đến 1945 thuế nha phiến là một nguồn lợi lớn của chính-phủ thực dân

mà những cuốn như *Tàn đèn dầu lạc* của Nguyễn-Tuân bán chạy hơn *Mười điều tâm niệm* của Hoàng-Đạo.

* *

Mustapha Kémal thực-hiện được những cải cách lớn lao đó nhờ lòng chân thành yêu nước, óc sáng suốt và chí cương-quyết. Bẩm tính ông là độc tài. Mới đầu ông còn biết tham khảo ý-kiến của người khác chẳng hạn khi muốn lập Quốc-dân-Đảng, ông viết thư nhờ các nhân-sĩ, các người có danh vọng lập chương-trình cho đảng. Nhưng từ khi ông nắm được toàn-quyền, Vừa làm chủ tịch Quốc dân đảng, vừa làm Tổng-Thống nước cộng-hòa Thổ, thì ông cũng như đa số chính khách khác, say quyền mà quyết tâm diệt phe đối lập, thành thử chính thể dân chủ của Thổ hữu danh mà vô thực. Chỉ những người của đảng mới được bầu vào Quốc-hội, nói là bầu chứ kỳ thực là do ông chỉ định trước. Rồi Quốc-hội lại bầu Tổng-Thống thì Tổng-Thống tất phải là ông chứ còn ai vào đó? "Thế là vòng tròn đã khép, khép kín... Ông nắm quyền hành bằng cả hai đầu: đầu dưới, vì đích thân ông lựa ứng cử viên vào Quốc-hội, đầu trên, vì ông có quyền rất lớn của Tổng-Thống." (1)

Ngày mùng 8 tháng 8 năm 1926, giữa Quốc-hội ông mãn nguyện tuyên bố: "Tôi đã chinh phục được quân đội, tôi đã chinh phục được quyền hành; tôi đã chinh phục được xứ sở." Rồi ông la lên. "Tôi có quyền chinh phục dân tộc tôi chứ." Tất nhiên là ông có quyền đó rồi! Điều đáng hỏi là: ông có chinh phục nổi hay không? Chinh

phục được quyền hành là một việc mà chinh phục lòng dân là một việc khác. Ông sống cô độc ở trên cao, không dung sự đối lập với ông, không nghe tiếng than của dân mà bịt miệng họ (vụ cấm dùng nón phê) thì làm sao chinh phục lòng dân được? Chỉ bảy năm sau khi ông lên cầm quyền, ông đã thấy cái tai hại của chính sách độc tài đó, vì đầu năm 1930 ông cảm thấy rằng mình hoạt động trong bãi sa mạc. Trước kia, nhờ quần chúng ủng hộ mà ông mạnh, bây giờ quần chúng xa ông, không chống đối lại, nhưng cứ lảng xa ông; ông như con cá ra khỏi nước.

Biết vậy và hơi lo, thỉnh thoảng ông đi kinh lý khắp trong nước và chưa xót nhận ra rằng mọi việc không được tốt đẹp như trong các bản phúc-trình của các bộ-trưởng. Nhà nông thì mang nợ vì thất mùa. Thuế thì không thu được đủ. Dân chúng chán-nản, và giữa họ với đảng có một cái hố rất sâu. Ông đồ quạu: "Tại sao người ta lại bịt mắt tôi như vậy? Chắc có kẻ phá-hoại!" Nhưng ai đâu mà dám phá ông? Chính ông đã tự phá ông! Ông bịt miệng người ta, hễ ai hỏi có một ý gì trái ý ông là treo cổ, là đem bắn thì ai còn dám mở mắt cho ông nữa?

Bực mình ông đâm ra mù-quáng. Cá thì phải cầu nước. Đáng lẽ cá phải đi kiếm nước, mà ông lại bắt nước phải về với cá. Cũng do cái tật quá tự-ái, quá độc-tài, Ông ra lệnh tạo tức thì một phe đối lập. Trong lịch-sử nhân-loại chưa bao giờ có cái chuyện ngược đời đó: ký sắc lệnh tạo phe đối lập, nghĩa là bắt buộc thiên hạ phải chỉ-trích ông, chỉ-trích kịch-liệt không tiếc lời, không nề nang, và kẻ nào lật đổ ông thì cứ việc tuyên-truyền mà kiếm cách

(1) Bénédict — Méchin trong Mustapha Kémal trong 356, (Albin Michel)

lật đồ. Chán nghe người ta « vâng vâng dạ dạ » rồi, bây giờ ông muốn nghe những lời mạt-sát. Ông than thở: « Một đời sống mà không gặp sự phản đối gì thì vô vị quá đi ! » À thì ra suốt đời ông, ông chỉ muốn tìm cái vị của đời, trước kia tìm nó trong sự hoan-hô của quần-chúng, bây giờ chán hoan-hô rồi, tìm nó trong sự chống đối của quần-chúng !

Tin ở lời tuyên-bố của ông, các đảng phái mọc ra, chỉ-trích ông và chính-phủ kịch-liệt, làm cho các nhân-viên công-an, các công chức xanh mặt và hoang-mang. Mustapha Kémal ra lệnh cho công-an không được đàn áp, lại thăng tay trị kẻ nào đàn áp nữa. Thế là loạn khắp nước. Người ta đập phá các tòa-báo, các trụ-sở, công-sở. Một vị thống-đốc phải xin từ chức: vô phương làm việc trong sự hỗn-loạn này.

Kết-quả ra sao, chắc độc-giả đã đoán được. Trị dân đâu phải là một trò chơi ; mà muốn được lòng dân đâu phải là cứ việc cho dân muốn làm gì thì làm.

Mustapha Kémal thất bại một lần nữa và rút cuộc ông lại trở về chính sách độc tài, hai đội quân Kurde được phái đi khủng bố nhân dân, hàng ngàn người bị xử tử hay bị đầy. Đó là một vết dơ lớn trong đời ông, một vết dơ làm cho có người gọi ông là « tên sát nhân ».

Ông mất ngày 10 tháng 11 năm 1938, sau khi trao lại quyền cho Ismet Inönü, (1) người bạn trung thành của ông. Sử chép : « Toàn dân đề tang ông. » Điều đó có thể tin được.

Sàigon ngày 20-2-1960

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

Tài liệu rút ở :

Mustapha Kémal của Sherrill

(Ploa-1934)

Mustapha Kémal của Bendist-Méchin

Albin Michel 1958

(1) Mustapha Kémal chết được một năm thì đại chiến thứ nhì nổ. Thổ ký hiệp ước thân thiện với Đức, nhưng vẫn trung lập cho tới 1944, rồi thấy cơ nguy của Đức, tuyệt giao với Đức theo phe Đồng-Minh. (1945) Tổng Thống Ismet Inönü dùng chính sách dân chủ hơn Mustapha Kémal.

Lời ước

Người xưa coi lời ước là điều rất trọng và lịch sử còn để lại nhiều tích thủ-tín rất cảm động. Tuy nhiên, việc giữ ước quá câu chấp, người xưa thường cũng không công nhận, và hàng lấy tích « bảo trụ » (giữ cột) làm tượng trưng rắn đời : Có người Vĩ-sinh ước định với một người con gái, sẽ gặp nhau ở dưới mái cầu nọ. Đến giờ hẹn, người con gái không tới. Vĩ-sinh chờ mãi, nước lên tới mình, anh ta đành cứ ôm lấy cầu mà chịu chết ngộp.

MỘT MÀM NON

NGỌC-SƯƠNG

MỘT người bạn đi Bình-Định về có cho tôi xem một số tác phẩm sưu tập được của các thi gia cổ kim ở sông Côn núi Tượng. Trong đó có những bài thơ của một thiếu phụ biệt hiệu là Tuyết-Nga làm cho tôi chú ý hơn cả, một phần vì tác giả là người đồng giới, một phần nữa vì thơ có nhiều hương vị đáng yêu.

Tuyết-Nga, theo lời người bạn, tuổi mới chừng ba tám, mà văn - chương thật có căn bản vững vàng. Thơ nàng thường làm theo thể tứ - ngôn và lục - bát. Lời thơ nhẹ, tứ thơ nồng.

Đây một bài thơ làm theo Tứ-Ngôn :

SÔNG CÔN GIẶT SỢI

Nước trời mênh-mang...

Hanh-hanh nắng vàng

Em ngồi giặt sợi

Trên dòng Côn-Giang. (1)

Sông loáng màu ngân,

Sợi ngời ánh tuyết.

Tay em mãi-miết,

Phân tình cổ-nhân.

Gió thổi tình vương

Mây triền non Hương (2)

Bay vào tay sợi

Kết niềm yêu-đương,

Kết niềm nhớ thương

Dệt thành biếc gấm

Tặng đời văn-chương.

Thể tứ - ngôn là một thể cổ nhất và sản xuất từ đời nhà Châu bên Trung-Quốc, nghĩa là có đã trên ngàn năm trước kỷ-nguyên Thiên-Chúa. Những thi nhân trong Kinh Thi đều làm theo tứ - ngôn-thể.

(1), (2) Tên sông và núi ở Bình-Khê (Bình-Định).

Thể này đến đời Tam-Quốc thì cực thịnh. Mấy cha con Tào-Mạnh-Đức là những ngôi sao sáng nhất. Nhưng từ đời Tấn trở về sau, bị thơ ngũ - ngôn và thất - ngôn lấn át, các thi-gia ít hay dùng thể tứ - ngôn.

Ở nước ta cũng có thể tứ - ngôn, nhưng cách-điệu không giống thể tứ - ngôn của Trung-Quốc. Thể tứ - ngôn của ta tục gọi là thể Vè, văn liền, câu nào cũng có vần, nhiều khi dùng cả vần vai hoặc vần lưng và vần chẵn một lượt, hơi văn lại đi lên. Ví dụ :

Con cò con cò
Con cò ngất-ngưỡng,
Đương ăn bờ ruộng
Cát cánh bay cao
Trông thấy con ngao
Nằm trên bãi cát
Hiu hiu gió mát
Mở toạc đôi mắt.
Cò mừng gặp mối
Bèn đậu xuống mỏ
Ngao liền kẹp mỏ
Cò dầy không ra.
Cò vái trời già :
— nay nắng mai nắng.
Nằm trên cát trắng
Ngao sẽ chết khô,
Rồi ta tha-hồ
Phân thây nuốt sống —
Ngao nằm nghĩ bụng :
— Nay mưa mai mưa,
Thần cò xác-xơ
Vài ngày chết rục.
Tha cò xuống vực,

Mới ưng lòng cho —
Đương dăng đương cò
Gặp ông câu cá
Miệng cười há há,
Tay bắt cả đôi
Về nấu một nồi
Đem ra đánh chén

(Cò Ngao của Q.T.)

Còn thể tứ - ngôn của Tàu thì luôn luôn bỏ vần chẵn, và trừ câu đầu ra, vần chỉ gieo ở câu chẵn. Hơi văn chừng-chặc và đi ngang, đọc lên nghe có vẻ nghiêm-trang chứ không nhí nhảnh như thể tứ-ngôn của ta.

Từ khi các thể thơ Trung-Hoa du-nhập vào làng thơ Quốc-âm, nghĩa là từ đời nhà Trần cho đến thời Pháp - thuộc, thể tứ-ngôn Tàu không thấy các thi-nhân ta dùng đến. Mãi đến lúc phong-trào Thơ Mới nổi lên cho đến nay, thỉnh-thoảng mới có đôi bài tứ-ngôn xuất-hiện, song đều bị các thể thơ khác làm lu-mờ.

Thể tứ - ngôn ấy có đặc điểm là gọn-gàng và nhẹ-nhàng, rất thích hợp với tâm hồn của phụ-nữ chúng ta. Tuyết - Nga đã biết lợi dụng để tả chút tình trong sáng và dịu dàng.

Đây xin giới thiệu một bài nữa :

TRĂNG VÀNG

Trăng vàng long lanh
Ngủ trong hồ xanh.
Nhẹ-nhàng với nước
Gửi vào tay anh
Cho đêm thêm mộng,
Cho xuân thêm tình.

Anh nằm trăng lại,
Mong cầm trăng mãi
Trong niềm yêu đương,
Trong đời văn-chương
Cho thơ thêm trái,
Cho lòng thêm hương.
Nước bỗng rời tay,
Trăng liền theo nước,
Trăng liền theo mây!
Nhìn mây nhìn nước
Nhớ thương vơi đầy!
Bùi ngùi trăng nước,
Cổ sương xuân gầy!
Ơi! lòng cổ sương,
Đừng sầu đừng thương.
Dù trong mây nước
Trăng vàng còn gương,
Trăng vàng còn rạng
Trong niềm yêu thương,
Trong đời văn-chương...

Thật là thanh-tao mà cũng thật là cao nhãi
Văn lục - bát của Tuyết - Nga cũng
thanh-nhã lắm, nhiều câu rất điêu-luyện.
Như :

NỬA ĐÊM MƯỜI SÁU

Nhớ em muôn dặm về thăm,
Nửa đêm mười sáu tháng năm, tạnh trời.
Dưới trăng trải chiếu cùng ngồi,
Cõi niềm thương nhớ giải lời thiệt hơn.
Ngập-ngừng lệ nhỏ đời cơn,
Thiệt-tha tiếng vạc chập-chờn bóng cau...
Canh gà bỗng giục xa nhau :
Dặm sương mờ-mịt gió lau lạnh-lùng!
Lòng thêm chua xót nỗi lòng,

Trông theo nước mắt ròng-ròng... anh ơi!
Xa nhau lời chữ lấy lời,
Thân tâm nở để trời-bời ruột tơ...

NHỚ NGƯỜI RA ĐI

Tháng hai năm Tuất nơi này,
Ngày mười ba ấy là ngày biệt-ly.
Tiếng gà giục-dã ra đi.
Bước đường sương lạnh hàng mi lệ sầu.
Sụt-sùi dặm cát cồn lau..
Anh bình-minh phút trở màu hoàng-hôn!
Nhớ-thương mưa đập gió dồn..
Tháng ngày mặt nước sông Côn thảm-thờ!
Non Hương án bóng sương mờ,
Chiều chiều tựa cửa đợi chờ ai đây?!

Tình thật đáng thương, tài thuật đáng
miến! Những câu như :

— Ngập-ngừng lệ nhỏ đời cơn,
Thiệt-tha tiếng vạc chập-chờn bóng cau.

Như :

— Sụt-sùi dặm cát cồn lau,
Anh bình-minh phút trở màu hoàng-hôn
Thật đã vào được chỗ tình-diệu.

Tuyết-Nga sử-dụng thể song - thất lục-
bát cũng thông-thạo lắm. Xin trích dẫn một
bài :

TRẢ THƠ

Phong lòng nhờ bạn gởi lui,
Từ đây cam tiếng phụ người còn hơn.
Khúc cao-sơn cung đèn đã lỗi,
Gượng ôm cầm thêm rối đường tơ.
Trăm năm sắp lại cuộc cờ,
Lối xe ngựa trước tăng-lờ đi qua...
Bóng trăng tà vì hoa lệ-địu,

Sương khuya đầm nặng-trừu lòng hương
Không đành để bạc mái gương,
Thời trong giấc mộng canh trường gặp
nhau.

Dứt nhau ở ngoài đời để nhớ nhau ở
trong mộng ? Than nhưng không oán, buồn
nhưng không náo. Lối trang-nhã, ý thâm-
nhiệm. Có thể mạnh-dạn bảo là một áng văn
hay.

Đối với phần đông thanh-niên Nam cũng
như Nữ, các lối thơ tứ - ngôn, bát - ngôn,
lục-bát, song-thất... có phần dễ làm hơn
lối thơ Đường-luật. Nhưng đối với Tuyết-
Nga lối Đường-luật dường cũng là ngón
sở-trường. Đây, bằng chứng :

THĂM LẠI HƯƠNG-GIANG

Theo ngọn thu-phong tiễn nắng vàng,
Con đò trở lại bến Hương-Giang
Đành duyên bến-nước riêng đầm-thắm,
Mà nghĩa cây đa dăm phụ-phàng.
Sóng lặng Trường-Tiền trăng để nhớ,
Chuông hồi Thiên-Mụ gió đưa thương.
Ngập-ngiêng lối cũ vườn Thương-Bạc,
Bẻ nhánh hoa về ủ-ấp hương.

LÒNG KHUYA VÀNG

Tiếng đồng tan vỡ ngập âm-ba,
Phòng vắng xanh xao ngọn nến tà.
Xuân-mộng giữa-nghiêng thành cựa-mộng,
Phồn-hoa run-rủi lụy tài-hoa.
Sầu tuôn mắt mẹ dòng thơ mắt,
Tình đọng môi con giọt huyết ngà.
Trà ướp hương xưa duyên đã nguội,
Còn chằng đắng-đốt ngọt-ngào pha ?

Lối thơ thật chỉnh-dồn, tứ thơ thật đượm
đà. Giàu âm-nhạc, giàu hình ảnh. Phong-diệu
phảng-phất thơ đời Văn-Đường.

Bài Tuyết-cú sau đây từ ý cũng rất khả
ái :

Nhờn-nhờ tơ liễu dệt thiếu-quang,
Thành bức dương-xuân gợi tặng chàng.
Chớ trách oanh vàng kêu tình mộng,
Gửi hương còn đọng ngấn mai-trang.

Đó là những bài toàn thiên khả thủ.
Trong những bài khác có nhiều câu cũng
dễ thương. Như :

- Trong thơ gửi-gắm tình không
Tiếc mộng âm-thầm lệ có hương.
- Dịu-dàng cánh bướm hương đưa
mộng,
Mát-mẻ vườn thơ gấm trái hoa.
- Âm-ĩ hoa đèn canh nhớ bạn,
Nhịp-nhàng tao vông giấc ru con.
- Hương trà hòa ánh trăng trong,
Tản-hoan chén nhấp, đắng lòng
cổ-tri.
- Trăng vàng rơi bóng sông xanh,
Nhớ thương đứt ruột vẫn đành thờ-ơ.
- Dứt tình tình mãi vẫn vương
Con sông bóng xế dặm đường lau thưa
... vẫn, vẫn...

Xem qua những vần thơ trích dẫn, chúng
ta nhận thấy Tuyết-Nga có tâm-hồn và có
nhiều năng-khiếu. Nhưng vốn là một thiếu-
phụ ở nơi thôn quê hẻo-lánh, nàng chỉ
mượn văn-chương để gửi-gắm nỗi lòng
chớ không có ý xây dựng sự-nghiệp. Nàng
làm rồi để đó, trừ những người chí thân,

nhất thiết không đưa cho ai xem, vì nàng nghĩ :

*Lòng hoa sương gió đã nhiều
Lấy chi nhan-sắc mỹ-miêu mà khoe.*

Nhưng nàng quên rằng lòng hoa có nhiều gió sương, đời hoa lại càng thêm hương sắc.

Xét cho kỹ thì sự thật chỉ vì bên nàng không có bạn tri-âm nên nàng không muốn cho khách bàng-quan nghe biết nỗi-niềm tâm-sự, phải giấu-giếm tài-năng đó thôi.

Tôi nghĩ Tuyết-Nga là một mầm non đương độ nảy nở mà sống trong nơi không

thầy không bạn, thiếu sách-vở báo-chí — theo lời ông bạn của tôi cho biết — thì khả-năng của nàng đã không thể phát triển cho đến mức được, mà thi-tài của nàng e có thể bị tiêu-ma rất dễ-dàng. Vì hoa kia không người vun-quén, thì dù trở sắc sanh hương, có thanh chẳng nữa cũng khó chống với gió sương phủ phàng.

Cho nên tôi viết bài này mong làm gáo nước tưới cho hoa. Rất mong Tuyết-Nga, người bạn chưa quen biết ở nơi xa, hiểu thấu lòng kẻ tri-âm mà cố gắng lên vậy.

NGỌC-SƯƠNG

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

- 1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG* :
 - Đường miếng lọc
 - Đường cát trắng ngà
 - Đường cát trắng tinh
 - Đường cát trắng Hiệp-Hòa
- 2— *CÁC LOẠI RƯỢU* :
 - Rượu đốt 90°
 - Rượu thơm 90°
 - Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
- Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

VỀ THƠ CÓ THỂ² VÀ THƠ TỰ - DO

ĐOÀN-THÊM

TH I - V Æ N - S I kiêm họa - sĩ
Cồng, thi-sĩ kiêm nhạc-sĩ Lung
thường hay tranh luận về thơ, đôi khi
cả về các đường lối mới cũ của nghệ-
thuật nói chung.

Đã bao nhiêu năm rồi, mà chưa ai
chịu ai, lắm bạn bạn nào cũng lớn
tiếng đập bàn và đỏ mặt tía tai : có
lẽ im cả đi thì gọn chuyện hơn.

Khô một nỗi là mấy kẻ cùng say
cả, say... nghệ-thuật chộn lãn rượu.
Nên càng đụng chén và đụng chạm ý
kiến, càng thấy hừng mà bảo vệ lập-
trường trong một bầu không-khí nóng
bừng, có bạn tôi đóng vai chủ - nhân
mà lo lắng cho số phận đĩa chén của
mình.

Riêng về phần tôi, chỉ dám chứng
kiến, rót rượu và can ngăn, thỉnh

thoảng chêm một câu ba phải. Song
mỗi bạn thấy được « phải » một phần,
thì lại cãi hăng đáo đẽ, Đôi với tôi,
có thể mới vui và chưa chắc đã vô ích
cho loài người.

Cho nên tôi xin kính cần tóm tắt
câu chuyện dằng dai như chảo rách,
để suy ngẫm với hy-vọng mong manh
tìm ra lý lẽ gì có thể dung hòa những
quan-điểm trái ngược của hai bạn
cùng thân và cùng tin tưởng vững
như bàn thạch; và nếu không thể, liệu
có đường lối thứ ba nào để thoát khỏi
vòng lẩn quẩn chẳng ?

..

Trước hết, Cồng và Lung không
đồng ý với nhau về *thể thơ*. Cồng ưa
thơ tự do, câu ngắn câu dài tùy ý,

BÁCH KHOA LXXXVI

không vần điệu, không chằm, phẩy. Lung chủ trương giữ niêm luật và các thể có vần có nhịp.

Cộng bề như sau :

1/ Tâm-hồn biến chuyển luôn luôn theo tốc-độ khác nhau, tình-cảm lúc dào dạt lúc nhẹ nhàng, không thể cứ chứa đựng trong câu 7 chữ, 5 chữ, 8 chữ, hay trên 6 dưới 8 v. v.,...

2) Những cảm - giác ý - tứ của ta trong thực-tế không bao giờ lại tự xếp theo những về cân đối, những vần hợp nhau, nó liên miên nhiều khi như mây khói chớ có ngừng đâu, mà phân đoạn ngắt câu ?

Cho nên, vần, về, bằng, trắc, chằm, phẩy, đôi chiều, theo ngũ-ngôn, thất-ngôn, lục-bát, song-thất lục-bát, tứ-tuyệt hay thể gì chẳng nữa, cũng là gò bó, ép buộc, vướng víu, ngăn cản sự dãi tỏ tâm-trạng, và đưa tới một kỹ-thuật khắc khổ, nhất là giả-tạo.

3) Những khuôn khổ ấy chỉ có thể thịnh hành dưới những chánh-thể chuyên - chế, những chế - độ xã - hội phong-kiến với một nền giáo-đục đè nén con người, để ép sông, nghì, làm theo mực thước lễ lối vạch sẵn. Trái lại, ở thời tự-do, trong hoàn-cảnh tự-do, cần mở những chân trời rộng rãi cho nghệ-thuật nảy nở, nghệ-sĩ tiên tùy khả-năng và chí-hướng. Vì thế, từ cuối thế-kỷ thứ XIX, nhiều nhà thơ ở các nước Âu Mỹ đã rời bỏ các thể cũ, muốn viết theo cách nào cũng vẫn được công - chúng hoan nghênh. Những thi-sĩ như J. Prévert, J. Supervielle, J. Cocteau... đâu có phải là

hạng tầm - thường mà sáng tác một cách vô-ý-thức ?

4) Nghệ-thuật muốn sống lâu, cần hướng về tương - lai, hợp với tâm-hồn các tầng lớp thanh-niên. Nhưng người trẻ tuổi ở nước nào cũng vậy, không ưa những giọng điệu cũ, họ còn hay « nói lóng » (argot) là khác, để ngôn - ngữ mới lạ hơn, thế mà bắt họ nghe những giọng phú cổ, giọng thất-ngôn bát-cú... tất họ chán, vì có cảm - tưởng nghe những cụ già xưa kia ngâm vịnh. Và chẳng, ý mới, tình mới, thì phải diễn tả theo lời mới, kéo lỗi-thời.

5) Lời mới không có chừng, có hạn, có thể nào hết ; không phải là tạo ra thể mới, vì thể mới thì rồi cũng lại thành khuôn-mẫu, mà khuôn-mẫu thì rồi cũng sẽ thành chật hẹp. Cho nên, mới thì phải tự-do phóng-túng. Nói rằng phải theo điệu nhất định thì mới có nhạc, là sai. Nếu đòi hỏi rằng thơ như nhạc, thì phải mỗi bài một điệu khác hẳn các bài đã có, chớ không lẽ bài hát nào cũng chỉ đổi lời, còn thì vẫn theo điệu hành-vân, lưu-thủy, vọng-cổ, nam-ai ? Bài nào cũng theo điệu « Bernadine » hay « Le Pont de la Rivière Kwai » ?

• •

Trước những luận-điệu vững chắc như một thành-trì, Lung đã chống đỡ và phản công ra sao ?

Gò bó hay không gò bó ? — Nói rằng theo qui-luật thì gò bó gượng ép, khác nào vơ đũa cả nắm mà phủ

nhận bao nhiêu bài thơ câu thơ kiệt-tác từ xưa đến nay.

Nếu có những ông đồ lắm-cảm xếp chữ thành vần đúng niêm luật chẳng có sức gì hấp-dẫn, thì sao có thể quên tất cả các thi-bá Thịnh Đường, và những Nguyễn-Du, những Racine, những V. Hugo v.v... ?

« Gương nga chênh chếch dòm song
« Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân »
(Nguyễn-Du)

« Mấy giàn trước giậu hoa năm ngoái
« Một tiếng trên không ngỗng nước nào ? »
(Yên-Đồ)

Ép gượng ở đâu, thì xin vạch ra.
« Đập cồ-kình ra tìm lấy bóng
« Xếp tàn y lại để dành hơi »
(Tự-Đức)

Trừ phi là người gỗ người đá mới không thấy cảm động trước tiếng kêu đau thương vọt từ đáy lòng vua Tự-Đức khóc bà phi; cân đối thật đầy, nhưng ai thấy gượng ép? Trái lại câu nọ còn tăng sức mạnh của câu kia.

« Đã đến lúc mỗi đóa hoa rung động trên
cành
« và tỏa mùi thơm ngát như một lu trầm,
« Âm thanh và hương bay lượn trong gió
chiều
« Ôi điệu múa dịu sâu và cơn choáng
váng mê ly ! »

Voici venir les temps où vibrant sur
sa tige
Chaque fleur s'évapore ainsi qu'un
encensoir ;
Les sons et les parfums tournent dans
l'air du soir

Valse mélancolique et langoureux
vertige !

Công và Lung thuộc lòng như bài hát hay, những câu thơ trên của Beaudelaire đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Thật là đúng niêm-luật « alexandrin », điệu rất điệu hoà du dương, hai vế câu cuối cân đối nhau, vần trùng « choanh choách » : tuy vậy, từ một trăm năm nay, vẫn được nhận là hay, là thật hay.

Mà luật thơ đâu đã khó khăn rắc-rối bằng luật nhạc ? Tất cả luật thơ, bắt quá in ra mười mười lăm trang giấy ; học nhạc, từ những âm thanh cho đến cung điệu tiết tấu hoà hợp để có thể sáng tác nổi, hàng bao nhiêu bộ sách « Solfège, Harmonies, Fugue, Contre-point, Composition » ? Thế sao bao nhiêu thể-hệ nhạc-sĩ xử dụng mà làm được hàng ngàn hàng vạn bài hay ở gần khắp thế-giới ?

Thơ vựng thì đừng chê dụng-cụ xấu : đối với một thi-nhân hay nhạc-sĩ bậc giỏi, những qui-luật chẳng vướng víu, trong giờ phút sáng tác, họ chẳng bận tâm hay vỡ óc, họ vẫn theo cảm hứng mà diễn tả một cách dễ dàng; dĩ-nhiên phải học tập rèn luyện, nhưng quen đi thì chẳng phải tính toán « bằng trắc » so kẻ văn điệu.

Lung kể một câu đối đáp giữa Đặng-Trần-Thường và Ngô-Thời-Nhiệm :

— Ai công-hầu, ai khanh-tướng,
trong trần-ai ai dễ biết ai ?

— Thế chiến-quốc, thế xuân-thu,
gặp thời-thế thế thì phải thế.

Chắc Công đoán rằng phải gò bó : nhưng làm gì có thời-giờ bóp trán suy nghĩ, trước hình-cụ của Đặng-Trần-Thường, Ngô-Thời-Nhiệm phải ứng khẩu đối ngay may ra mới mong thoát nạn.

Thầy những người làm xiếc nhào múa trên không, chúng ta tự hỏi : sao khó khăn thế mà làm được ? Nhưng đối với họ, chỉ là việc hàng ngày, một trò chơi. Luyện cho quen thì chẳng gì khó, Công không chịu luyện tập mà muốn làm được việc khó ngay, mới kêu ca về những nề nếp lễ lòi phải theo.

Giả-tạo hay không giả-tạo ? — Giả tạo nghĩa là làm ra đặt ra một cách trái tự-nhiên, tự dối mình. Theo Công, thì nghệ-thuật phải là phản-ảnh của thiên-nhiên, thơ phải theo thật đúng dịp tâm-tình, trái thì không được.

Công đã nghĩ thật kỹ chưa ?

Sự thực, và nếu đòi lấy sự thực 100 % làm căn-bản nghệ-thuật, thì đã chẳng có và sẽ chẳng còn nghệ-thuật gì nữa.

Vì nghệ-thuật, là *sáng tạo*. Sáng tạo không phải là chép theo, là chụp ảnh thiên-nhiên ở ngoại-giới như những người nhóm « Thực-tế » (Réalistes) hay ở đáy lòng như nhóm « Siêu-thực » (Surréalistes) đã mơ tưởng. Sáng tạo, thì đâu có mô phỏng cũng phải biến hóa đi chẳng nhiều thì ít.

Thực-tế 100 %, không đẹp gì cho lắm. Nghệ-thuật có mục-dịch tìm ra

một vài ánh sắc khía cạnh đẹp trong thực-cảnh hỗn tạp.

Chúng ta cứ chỉ như thường, có chi đẹp ? Nghệ-sĩ phỏng theo những cách đi đứng của ta, biến đổi lựa chọn uồn nản để tìm ra những cử động nào mềm mại, uyển chuyển, có dịp khác hẳn những cách vung vẩy, chậm chạp, láu táu của ta, có như vậy mới thành những điệu múa cho ta vui thích.

Trong thực-tế, cũng rất ít khi có những tiếng hay. Nếu ta đem máy thu-thanh cho chạy ở giữa một quãng đường, thì rồi chỉ ghi nhận được những tiếng ầm ầm, ì ì, lạch cạch : cảnh tự-nhiên như thế đó. Cho nên nhạc-sĩ mới gạn lọc những âm thanh cho hòa hợp theo ý mình, làm thế nào để nghe thú hơn, và gọi buồn vui.

Vậy nếu theo đến cùng lý-luận của Công, thì tất cả sự mỹ-thuật-hóa kia, do người đời đặt ra, đều giả-tạo và đáng chê ?

Nếu trái lại, sự lựa chọn xếp đặt có kết-quả tìm ra sự đẹp hơn ở cảnh nhỡn-tiến, thì sao lại cấm ở vũ-bộ, ở ca-nhạc, ở bài thơ ?

Qui-luật chẳng qua rút ở kinh-nghiệm lâu đời, chọn lọc lấy những gì thuận giọng êm tai thì theo, vì thế thành ra văn điệu.

Nếu quả thực thế thơ là giả-tạo, thì sao khắp các dân-tộc văn-hiến Đông hay Tây, từ cổ đến nay, đã từng theo cả ? Tàu và ta có ngũ-ngôn,

lục-bát, song-thất lục bát, v.v.. thì họ có « quatrain », « sizain », « huitain », « dixain », alexandrin » v. v... mình có vần, có điệu, thì họ có « rimes », có « rythme » — Phải chăng con người đã khéo khám phá ra âm-luật để thỏa mãn một nhu cầu tự nhiên về nhạc tính trong thi ca ?

Cồng rất ghét những « bằng » với « trắc », nhưng hãy chịu khó đọc lại và đọc to :

« Buồn trông cửa bể chiều hôm »

« Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa »

Ta thử đổi bữa đi :

Buồn thấy cửa bể chiều vắng

Thuyền ai lướt qua cánh buồm xa xa

Nếu đọc cho một người thất học, một người chẳng biết bằng trắc vần điệu là gì hết, người đó cũng thấy chướng tai và nhận rằng câu của Cụ Nguyễn-Du vẫn dễ nghe hơn.

Cồng đã từng bẻ : quen đi, rồi cũng được tắt.

Có thể, vì ông xếp ga quen tiếng còi xe lửa chẳng thấy khó chịu như người khác, nhưng Lung ngờ rằng trong bao nhiêu triệu người chỉ có chừng dăm chục ông xếp ga, và tiếng còi xe lửa cũng vẫn không du-dương đối với đại-đa-sô.

Và lại, Cồng cũng nhận rằng : ở nguyên-văn của Nguyễn-Du, âm thanh vẫn dễ nghe. Nếu vậy, sao lại bảo đừng theo bằng trắc của lục-bát nữa?

Cồng đề nghị bỏ cả vần đi. Nhưng chính Cồng đã ưa và đã từng dịch

những câu thơ sau của Verlaine mà chưa một ai chê bai :

Những tiếng khóc dài	Les sanglots longs
Của vĩ-cầm	Des violons
Mùa thu	De l'automne
Ru lòng tôi	Bercent mon coeur
Bằng mỗi sầu	D'une langueur
Êm êm một điệu	Monotone

(Poèmes Saturniens)

Chắc Cồng cũng không dám phủ nhận : hay nhờ tình ý, nhưng hay nhất về nhạc điệu, nhờ những âm « o », những vần « ongs » và « eur » giao-hưởng với nhau.

Tình ý mới, giọng thơ phải mới? — Lung không phản đối Cồng về điểm này. Chúng ta hiện nay không thể nói giọng Nguyễn-Bình-Khiêm, cũng như J. Cocteau không thể nói giọng Ronsard ; chúng ta cần thông cảm với người đồng-thời, và dù có muốn khác đi, cũng rất khó, vì từ khi tập nói tập viết, ngôn-ngữ ở thế hệ ta đã khác xưa nhiều.

Nhưng Lung thấy cần phân biệt rõ ràng : giọng mới và thể thơ. Vẫn có thể dùng lục-bát, ngũ-ngôn, tứ-tuyệt... mà diễn tả những yêu đương, nhớ tiếc, sầu mộng theo lối các thi-nhân lãng-mạn của Pháp, như chúng ta thường làm từ 1930 đến giờ. Thơ huyền-ảo của Mallarmé (thế-kỷ thứ XIX) vẫn theo thể alexandrin 12 tiếng như thơ « nhớ nhà » của Du Bellay (thế kỷ thứ XVI).

Mới hay cũ, là tùy ở những chữ dùng, ở cách lựa chọn xếp đặt chữ để gọi những hình ảnh mới, màu sắc mới, ý tứ mới.

Mỗi bài phải một thể riêng biệt? — Thoạt nghe, tưởng Công có lý. Vì không lẽ bài hát vào cũng theo điệu Lưu-thủy, Hành-vân, như Công đã nói?

Nhưng Công cần phân biệt những dị-điểm giữa nhạc và thơ.

Nhạc chỉ có âm thanh hợp thành, nên mỗi bài phải một khác.

Thơ tuy cần có nhạc - điệu, song nhạc chỉ là một phần thơ: phần chính vẫn là chữ, nghĩa, tình ý. Mà nếu ý, tình, chữ nghĩa khác đi, mới mẻ, thì người đọc không bao giờ đặt câu hỏi: sao lại tứ-tuyệt, sao lại cứ ngũ-ngôn? Vì thể cho đến nay, vẫn có người viết và người đọc những bài thơ Đường-luật.

Cứ lý luận theo lời Công, thì chúng ta sẽ phải đòi hỏi: mỗi cô mỗi bà cần có một áo đặc-biệt cho thích hợp với thân-hình và nhan sắc riêng. Sự thực, chúng ta chỉ đòi hỏi một vẻ đẹp riêng, và nếu có vẻ đẹp riêng ấy rồi, chúng ta chẳng trách mỹ-nhân sao cứ mang áo kiểu chung mà người khác cũng đã mặc. Vì ở người đàn-bà, kiểu áo chỉ làm tôn vẻ đẹp, chứ không phải là nhan-sắc.

Nhưng ít ra Công cũng đòi hỏi kiểu mới? Không, vì vẫn chung cho cả một lớp người, Công muốn một kiểu cho

mỗi người, một thể cho mỗi bài thơ, như một điệu cho mỗi bài nhạc.

*
*
*

Cuộc tranh luận cứ như thế mà kéo dài, khiến cho tôi rất đổi phân vân. Nhưng tôi còn bồi rối, khi vượt qua vắn đề thể, Công chuyển sang vắn đề chất thơ và sự Đẹp.

Công trách Lung có quan-niệm hẹp hòi:

— Lung chỉ muốn vui buồn mơ mộng theo lời cũ, bằng những sự đẹp cũ, Lung tìm những sự đã rung động Lý-Bạch hay V. Hugo, thấy thú ở những cảm giác cũ, Lung nghĩ theo người xưa hay người rất thường đời nay, thi-liệu của Lung chỉ gồm những vật cũ rích: mây, gió, giăng, nước, núi, hoa v.v. Lung nhớ thương, thể thốt, chán người đời, thấy hiu quạnh, muốn yêu mãi mãi, Lung lẫn quẩn trong bảy cái thường tình, hỷ, nộ, ái, cù, ái, ố, dục. Người con gái đẹp, dưới nhỡn-quan Lung phải có nước da trắng, đôi mắt huyền, môi son, thân-hình đều đặn; đồ đẹp theo Lung phải vuông tròn, ngay ngắn, nhẵn nhụi; cảnh đẹp của Lung, là hồ thu, sương mờ, lá rụng, hoa chớm nở v.v..; tâm hồn người nghệ-sĩ và thơ chỉ được chứa đựng những sự quen thuộc, sự lành mạnh, những hy-sinh, những yêu đương, những trình bạch, những cao cả vợi vợi như Thái-sơn; Lung muốn thơ cũng «tiết hạnh khả phong». Lung không dám nói gì đến những nỗi thầm kín tuy có thực ở đáy lòng; Lung tự

LẠI NÓI CHUYỆN VỀ...

dối như *Tartuffe* xua tay bảo một thiếu-phụ : hãy giấu bộ ngực kia đi, tôi không thể nhìn (ah, *cache-moi ce sein que je ne saurais voir* !). Lung sợ thực tề, muốn nhắm mắt không dám trông thẳng vào những gì bị ngờ là vẫn đục nhấy nhựa, không dám nói những tiếng gì là tục tĩu, cũng như Lung không dám lội bùn vì ngại bẩn chân. Lung được nuôi dưỡng để tôn trọng những phép tắc luân-lý, những khuôn mẫu sinh nhai, những tin-tưởng mơ hồ cái Châu Thiện Mỹ «muôn thuở», Lung nghĩ theo đường lối của cha chú ở trong nhà, của ông thầy ở trường học, của ông tác-giả được trích vào những tập thi-văn giáo-khoa. Có bao giờ Lung dám phiêu lưu vào những ngõ ngách xa lạ ? quen được diu dặt, nên rất ngại lạc lăm, đứng dừng trước các ngã ba mà phân vân chớ chẳng dám liều rần bước. Thần người ta tảo-bạo, Lung cho là lập-dị, đọc thơ thiếu văn thiếu nhịp, thấy chương như mặc áo hồ cổ không đeo crà-vạt ; ngắm bức tranh thuộc loại lập-thể hoặc trừu-tượng, chỉ lắc đầu chê quái gở. Thói phục-tòng nề nếp cũ (*conformisme*) của Lung, và những tiêu chuẩn giá-trị được chính thức thừa nhận (*académisme*) là chương

ngại-vật cho thơ nói riêng và nghệ thuật nói chung.

Lung phải hiểu rằng : tất cả các sự vật trong thế gian, ở ngoại-giới hay nội-tâm đều có thể làm vật-liệu cho thi văn nghệ-thuật, từ đồng rác, đồng bùn đèn ngọn núi, ngôi sao, những thềm khát xác thịt đèn những tư-tưởng lạ lùng chưa từng thấy. Hơn nữa, có thể dùng tất cả các tiếng của con người hiện có, hoặc tạo ra nêu thiếu.

..

Lung đã trả lời về từng điểm :

Nguyên-liệu cho thơ và nghệ-thuật
Từ mấy ngàn năm nay, loài người xây dựng vẫn thường dùng một số nguyên-liệu, vôi, cát, gỗ, sắt, gạch, đá v.v... mà kiến thiết được biết bao nhiêu thứ nhà cửa, dinh thự, lăng miếu, thành trì... Sáng tạo tùy ở cách thức sử-dụng, xếp đặt theo những qui-mô kiểu-mẫu riêng-biệt để thực hiện công-trình kiến-trúc, hơn là ở nguyên liệu.

Trải bao thế kỷ, nhà thơ và các nghệ sĩ phương Đông, hay phương Tây, đã nói về gió, mây, cỏ cây, sông núi, về những tâm-tình chung của con người những ý-tưởng thông thường hay cao xa nhưng vẫn có thể được nhiều người hiểu thấu. Nói mãi mãi về yêu đương

Sinh ra trần không thì lại trở về trần không

Nhà Phật có lời nói : « *Bản lai vô nhất vật* », người ta mới sinh, chỉ mang tới có một khối thịt, chứ chẳng mang theo được vật gì khác. Như đề bổ túc lời nói đó, ông Job, trong Thánh-Kinh nói câu : « Tôi sinh ra trần trường ở thế gian, thì tôi lại trở về trần trường cùng Chúa ! »

đã ai chán đâu ? càng trẻ, càng mới, nhà thơ càng nói khoẻ về đề-tài đó. Nhưng thơ tình Bạch-cư-Dị khác thơ tình Baudelaire, thơ tình Nguyễn-Du không giống thơ tình của Paul Géraudy, hoa cỏ Watteau không như cỏ hoa Matisse : sáng tạo ở chỗ khám phá ra những khía cạnh ánh sắc mới và ở lối diễn tả mới mà gọi cảm dào dạt hãy nhẹ nhàng, rạo rức hay phảng phất, mạnh mẽ hay tẻ-nhị...

Tìm đẹp hay tìm kỳ-dị ? .— Đẹp của thơ hay nghệ-thuật cần được dễ thông-cảm, vì nếu chỉ riêng một mình thấy và trái ý đại-đa-số, rất e mình quá chủ-quan.

Vẫn biết sự ưa thích của mọi người, thì vô-cùng, chẳng ai giống ai hẳn, và Đẹp thì muôn hình vẻ. Song ít nhất cũng có một số đồng-điểm chung cho cả loài người hay một giống người xưa nay.

Một mỹ-nhân, rất không thể có mồm méo, răng sún, mắt chột, mắt đỏ như tổ ong bầu, nhưng thường có thân hình toàn vẹn, đều đặn, mềm mại... Rất nhiều người Đông Tây ngắm người đẹp trong tranh Rubens (thế-kỷ XVII) hay Boucher (thế-kỷ XVIII), vẫn thích như đối với các giai-nhân minh-tĩnh màn bạc hiện nay. Một ngôi nhà đẹp, tất không thể lụp xụp, xiêu vẹo, tối tăm, nhưng thường phải ngay ngắn, sáng sủa, tròn ra tròn, vuông ra vuông, mỗi phần cao rộng ngắn dài và màu sắc phải hợp với nhau và vứng với toàn-thể : các giới nghiên-cứu văn-hóa nghệ-thuật chỉ ghi để xác nhận, chớ không tự ý đặt ra để

ép buộc tuân theo : sao Công quá nghiêm khắc đối với « conformisme » và « académisme » ?

Giữa thiên-nhiên, ở rừng núi hay nơi hoang sơ thời thái-cổ, con người sống trong cảnh hỗn-tạp, chung quanh toàn những rậm rạp, xộc lệch, lộn xộn, méo mó, xù xì... mãi mới nhận xét mà tìm ra được các thứ hình tròn, vuông, thẳng, để chẻ ra đồ vật nhà cửa và tạo cho chúng-loại một hoàn-cảnh sinh-hoạt có thứ tự phân minh, để tới dần sự đẹp trong ngay thẳng, đều đặn, dịp dàng, cân đối. Những tính-cách đó theo đà tiến chung, lan rộng ra nhiều tầng lớp xã-hội và in sâu trong tâm-não con người, rồi phát hiện ra ở phạm-vi nghệ-thuật và thi-ca : đó là kết-quả bao đời tiến-hóa của nhân-loại.

Từ bỏ tròn, vuông, ngay, thẳng, cân đối... phải chẳng. Công muốn chúng ta trở lại hỗn-mang quái-dị ? Nghệ-thuật theo đường lối Công, sẽ tiến hay lùi ?

Tả hết nói hết, hay chọn lọc ? .— Theo Công, bất cứ gì cũng có thể là đề tài cho thơ và nghệ-thuật.

Nhưng ở ngoại-giới và tâm-hồn, bên cạnh những cái đẹp, có những cái xấu, hoặc nói ra có hại.

Trong một mảnh vườn, tuy có hoa, có lá tươi, có ánh sáng, còn có những con giun quằn quèo, con sâu bọ gớm ghiếc, những đồng rác rưởi ghê tởm v.v... Nếu vẽ, tất họa sĩ cũng chỉ ghi nhận những hình sắc gì gợi đẹp, còn những sự vật dơ bẩn thì họa làm

gì? Nếu muốn thu hết cả thực-tế vào bức vải, không chừa ra một chi-tiết gì, thì thà chụp ảnh. Nhưng dù nhiếp ảnh mà nếu muốn có mỹ-thuật, cũng chỉ lựa khía cạnh nào nổi một vài vẻ đẹp mà thôi.

Trong văn thơ, cũng không thể viết ra bất cứ gì. Đã là văn-chương, không thể nào thô kệch, thấp hèn, tục tĩu. Không ai có quyền nói bần, sao lại có thể viết bần được? Chúng ta cần thơ và nghệ-thuật để nâng cao chứ không phải để hạ thấp tâm-hồn. Chúng ta muốn được say sưa, an ủi, êm ru hay phần khởi chứ không muốn ghê tởm, hoang mang, (1). Chỉ có một số tâm hồn không lành mạnh ở phương Tây mới phủ nhận những sự dĩ-nhiên

(1) « Không cần phải chứng tỏ một rõ ràng một bài văn văn chỉ là thơ chừng nào kích động mạnh để nâng cao tâm-hồn (Il est inutile de démontrer qu'un poème n'est poème que dans la mesure où il excite intensément l'âme en l'élevant (E.Poe)

đó, và mọi cố viện ra nhân danh cớ do sáng-tác, chỉ là nguy hiểm để chống đỡ sự lập-dị hay sự sa-đọa tinh-thần trong những thời buổi khủng hoảng rối loạn.

..

Tôi rất dè dặt mỗi khi đứng trước những lập-trường cứng nhắc, vì bên tai tôi còn văng vẳng một câu của thi nhân than văn lâm ly cùng Tạo-hóa:

« Hỡi trời, mỗi con người chỉ trông
« thấy một khía cạnh sự vật mà thôi ;
— L'homme ne voit jamais qu'un seul
côté des choses ! » (V.Hugo — A Villequier).

Lung và Cồng thoát sao thường-lệ đó? Nên sau nhiều năm dự thính và suy ngẫm, tôi mới dám bày tỏ như sau, cùng hai bạn, vài nhận xét với ý niệm riêng:

Đ.T

(còn tiếp một kỳ)

GIẢI THƯỞNG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Từ nay Tự-Lực Văn-Đoàn lại tiếp tục tặng giải thưởng văn chương hàng năm — Trong ba năm đầu sẽ có:

Giải Thạch-Lam về Truyện ngắn năm 1961

Giải Khái-Hưng về Truyện dài năm 1962

Giải Hoàng-Đạo về Khảo-Luận hay Thơ năm 1963

Mỗi giải: 20.000\$

Tặng những văn phẩm chưa xuất bản hoặc đăng báo.

Một tháng sau khi gửi, tác-giả có quyền xuất-bản, đăng báo văn phẩm của mình đã gửi dự thi. Văn phẩm trúng giải hoàn toàn thuộc quyền tác-giả.

Muốn có đầy đủ chi tiết xin gửi thư tới:

Ông Nhất-Linh NGUYỄN-TƯỜNG-TAM

Số 39 Chợ An Đông Saigon.

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIỆU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIỂNG ĂN
GẦY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc
NGUYỄN-CAO-THẮNG, Dược-Sư
34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BAO-CHẾ VANCO

TRƯ'ONG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đồ — Saigon

Thành-tích

năm mươi năm khoa-học

(1900-1950)

(Xin xem B.K. từ số 81)

TỔ-CHỨC VÀ TẾ-BÀO

(*Tissus et cellules*)

NĂM 1898 nhà thực-vật học (*botaniste*) Haberland là người đầu tiên đã có sáng kiến nuôi những tổ-chức sống, ngoài các cơ-thể. Năm 1907, R.G. Harrisson đã đi đến kết quả là có thể nuôi nhiều tế bào trích ở một động-vật, như nuôi vi-trùng hay giông nham vậy. Năm 1910, Burrows và Alexis Carrel đã làm nhiều thí-nghiệm nổi tiếng về vấn đề này năm 1912, Carrel nuôi sống được một tổ chức trích ở quả tim gà con. Tổ chức ấy cứ sống mãi đến tận năm 1942 mới chết, mà cũng chỉ vì một chuyện bất ngờ xảy ra. Trái lại, những tổ-chức thực-vật (*tissus végétaux*) lại khó nuôi hơn là tổ-chức động-vật, và sau nhiều năm thí-nghiệm, vài nhà sinh vật học như R. Gautheret, White và Nobécourt cũng đã thu được nhiều kết quả.

Từ chỗ nuôi sống các tế bào, dần dần người ta đã tìm cách nuôi sống hẳn những bộ phận (*organes*) ngoài cơ-thể động-vật. Năm 1903, Kouliabko đã tìm được cách làm cho nhiều tim thú vật sống lại, sau khi đã ngừng đập trong 6 hôm giờ. Nhờ những công cuộc nghiên cứu ấy mà tổ chức học (*Histologie*) và tế bào học (*Cytologie*) đã bành trướng rất nhiều. Năm 1915, Bogomoletz đã phát minh ra chất « huyết-thanh tế bào A.C.S. » (*sérum cytologique A.C.S.*) có nhiều đặc-tính trị bệnh...

Về sự cầu tạo của tế-bào, người ta đã tìm ra được đại đa số các thành phần tế bào như chất « Công-đờ-ri-ôm » (*chondriome*, hay *chondrissome*, hay *mitochondrie* : tuyến-lạp thể. Ngành « tế-bào hình-thái học » (*cytomorpho-*

logie) khám phá thêm những (vi-lạp) (*microsomes*) rất cần cho sự sinh-tồn của tế bào. Ta có thể kể tên những nhà bác học có tên tuổi như Altmann, Fauré-Frémiet, Dangeard, A. Claude... Ngành tế-bào thực-vật học (*cytobotanique*) nhờ có công cuộc của Guillermond năm 1930 đã trình bày cho chúng ta biết khá nhiều về cách kiến-trúc của những tế bào thực-vật. Năm 1927, Leconte Du Noüy và Cowdry nghiên cứu thêm về hình thể và tính chất của những tuyến-lạp thể (đã nói ở trên). Một mặt khác, H. Devaux, Overton và Girard sáng lập ra ngành Tế-bào-vật-lý học (*cytophysique*) và quan sát về phương diện hô hấp (*respiration*), hấp thụ (*absorption*) của các tế bào. Ngoài ra, ngành Tế-bào - hoá học (*cytochimie*) học về thành phần hoá học của tế-bào.

Năm 1919, A. Mayer và Schaeffer tìm thấy liên lạc giữa các phần tử hoá học của tế bào. Năm 1924, Fegen khám phá trong nhiễm-sắc thể, chất (*chromatine*) (nhiễm-sắc chất), hay (hạt-nhiễm chất). Chất này có nhiều tương quan với một chất *acide*

thymonucléique, và năm 1944, S. Brachet lại tìm ra chất *acide ribonucléique*, rất có quan hệ với sự sống còn của tế bào. R. Wurmser và L. Rapkine biết được chỉ-số pH của bào chất (*indice pH du cytoplasme animal*) động vật. Sau chiến tranh thứ nhất và thứ hai, các kỹ thuật mới đã giúp nhiều cho công cuộc khảo-cứu, tỉ dụ như phương pháp « Sai-thị-ly-tâm » của Warburg, (*contrifugation différentielle de Warburg*) hay các dung môi (*solvant*) của Gersch, của Barclay đã làm cho sự phân tách các phần tử hoá học của tế bào được dễ dàng hơn nhiều.

* *

BỆNH-LÝ HỌC

(*Pathologie*)

Bệnh-lý học cũng là một ngành của sinh-vật học vì nó khảo về 1) nguyên nhân các bệnh tật đã phá hoại sự sống, 2) cách để-phòng bệnh tật và bảo vệ sự sống. Vì thế nó có liên-lạc mật-thiết với ngành trị-liệu học (*thérapeutique*).

Bệnh-tật không phải là những cái gì bất di bất dịch. Thực ra có nhiều

Máu biếc

Trương-Hoảng đời Chu bị chết ở nước Thục, ba năm sau đào mả lên, người ta thấy máu không tiêu mà lại biến ra màu biếc. Do đấy, có điển : « Bích huyết », Máu biếc, chỉ máu của những vị liệt sĩ, đổ ra vì chính nghĩa.

bệnh tật đã mất hẳn. Trái lại, có nhiều bệnh đã có từ cổ xưa, và phát ra tùy từng thời và tùy từng địa điểm. Nhiều khi lại có những bệnh biến đi trong một dạo để lại xuất hiện sau một thời kỳ im lìm. Cũng có lắm bệnh mới hiện ra theo với trình độ văn minh của nhân loại. Tỉ dụ như bệnh ho lao (lao phổi *tuberculose*). Ai ai cũng phải công nhận là dù sao thì bệnh ấy cũng càng ngày càng ít đi, càng bớt nguy hiểm hơn xưa nhiều. Trái lại, ngày xưa không ai biết đến bệnh « *encéphalite léthargique* » (Lưu hành tính não viêm). Bệnh này còn có tên nữa là « *encéphalite épidémique* » và mới do ông Von Economo tìm ra năm 1917 mà thôi. Một bệnh rất thông thường như bệnh cúm (*grippe* : cảm mạo) có từ hàng mấy ngàn năm, thế mà vẫn chưa ai biết nguyên nhân và tìm ra cách chữa...

Năm 1903, Welchselbaum cho bệnh « đau màng óc » là *méningite cérébro spinale* : Não tủy mạc viêm do một loại « song cầu khuẩn » (*diplocaque*) sinh ra. Năm 1905, Shaudinn tìm ra vi trùng của bệnh giang mai (*syphilis*) thuộc loại *spirochete* (sì-pia-rô-két, Ba thể), tên khoa học là *treponema pallidum*, hay là *spirochaeta pallida* : (Thương bạch mật truyền thể, hay Mai độc loa tuyến thể)

Năm 1909, Landsteiner và Popper học về bệnh pô-li-ô (*poliomyélite* : Tích-tủy-hôi-chất viêm) tin chắc bệnh ấy do vi trùng phát sinh ra và có tính cách truyền nhiễm. (*infectieux*). Cũng năm ấy, Charles Nicolle, Comte và

Conseil nghiên cứu về bệnh ti-phuýt (*typhus exanthématique* Ban chân thương hàn) và khám phá ra loại chấy (pou) là động nhân môi giới của bệnh ấy (*agent vecteur*) Năm 1918, Noguchi bên Nhật tìm ra sì-pia-rô-két của bệnh «sốt vàng» (*fièvre jaune* : Hoàng-nhiệt).

Ngoài sự tìm vi trùng, nguyên nhân của các bệnh, các thầy thuốc và các nhà sinh-vật học còn nghiên cứu tại sao và bằng cách nào vi trùng lại có thể phát sinh ra các bệnh ? Phần nhiều chưa ai giải quyết được vấn đề này.

Năm 1903, Koch cho rằng những người mới khỏi bệnh có năng lực truyền bệnh. Những quan niệm mới như : miễn dịch (*immunité*) quá mẫn tính (*anaphylaxie*) đã được đề cập đến để giảng giải một phần nào cách truyền độc của các vi sinh vật. Với công trình nghiên cứu của J. Bordet, Charles Richet, và của Von Pirquet năm 1906 về biến ứng tính (*allergie*), của Duran Reynolds, bệnh lý học đã thu được nhiều kết quả trong sự tìm xét những « yếu tố của sự lưu tán » chất độc (*facteurs de diffusion*).

Nhưng vì chuyên hướng về sự tìm tòi vi trùng trong nguyên nhân các bệnh,— ảnh hưởng của lý thuyết L. Pasteur — nhiều quan niệm khác, nhiều tư tưởng khác đã bị lãng bỏ trong một thời gian. Trước nhiều bất lực của học thuyết Pasteur để giải quyết vấn đề bệnh lý, một học phái mới được sáng lập, học phái « Tân nhân bản » (*néo-humanisme*) chủ trương sự quan trọng của tạng thể (*terrain*).

Học thuyết của nhóm này càng ngày càng được đề ý đến, cùng một lúc với sự bành trướng của « nội tuyến bệnh lý học » (*pathologie endocrinienne*) Không những thế, nhiều nhà bác học như Bundessen và Falk (1916-1926), Mouriquand, Russell (1926) và Gordon còn học về sự phát bệnh do ảnh hưởng của khí hậu, của thời tiết, của gió, mưa, sương, tuyết, v.v... Ngành khoa học này được mệnh danh là khoa khí hậu bệnh lý học (*météoropathologie*) Vấn đề bệnh lý những bệnh do sự dinh dưỡng bị sai lạc, như đã nói ở một mục trên, người ta đã tìm được nhiều kết quả trong sự khảo cứu về sinh tố (*vitamines*). Ta chỉ nên nhớ là năm 1907, Host và Frohlich đã gây được bệnh Hoại huyết (Scorbut) bằng thí nghiệm. Năm 1919, Mellanby suy luận rằng bệnh gầy còm (*rachitisme* Khô lâu bệnh) là do ở sự thiếu sinh tố D mà ra.

Năm 1903, Widai và Javal đã

ngiên cứu về bệnh lý các bệnh ở thận (*reins*) và tìm hiểu vấn đề a-zôt trong máu (*azotémie*) và cò-lo-ruya (*chlorurémie* trong máu.

Vấn đề « căng-xe » (*cancer*) của thực vật đã được giảng giải rõ ràng với công cuộc khảo cứu của Ewin Smith Theo Smith thì căng-xe của cây cối là do vi trùng (*bactérie*) làm ra. Trái lại nguyên nhân các bệnh căng-xe của loài người và động vật thì cho đến nay vẫn chưa có ai tìm được ra manh mối Có hai phái đối lập hiện thời. Một phái cho là căng-xe do một loại « vi rút » (*virus*) tức là một giống vi-sinh vật rất nhỏ gây nên. Một phái tin căng xe là một loại bệnh mà nguyên nhân phải tìm ở trong « điện tử » (*électrons*) Trong phạm vi bài này chúng tôi không thể nói dài hơn được. Khi nào tiện, sẽ xin tường trình trong một bài khác.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIA
BÌNH DÂN**

10%

DUY THU 60

LÁ THƯ HẢI NGOẠI

Ng. xa cách,

TỪ hôm gửi tặng bạn đĩa hát về nhạc Việt mà anh Mai-Thứ, chị Mộng-Trung và tôi đã thu thanh cho hãng đĩa « La Boîte à Musique » (Hộp Âm nhạc) đến nay, mấy lần bạn hỏi thăm tôi về giải thưởng mà Hàn-lâm-viện của đĩa hát trong nước Pháp đã cho chúng tôi trong năm. Vì bận nhiều việc, tôi chưa trả lời cho bạn về điểm ấy. Hôm nay, thiên hạ đã bắt đầu nghỉ hè bên này. Tôi tuy còn phải làm lại việc như thường lệ, nhưng cũng rảnh rang đôi chút. Bao nhiêu « nợ thơ » chưa trả, nhân dịp này, tôi định thanh toán lần lần.

Bạn đã ngờ ý muốn biết coi giải thưởng chúng tôi đã được là giải gì và Hàn-lâm-viện đĩa hát Pháp-Quốc là tổ chức gì, tôi xin nói bạn nghe.

Vào tháng 5 dương lịch năm 1931, tuần báo « Candide » tổ-chức một giải thưởng cho các đĩa hát nào được coi là trội nhất về mặt biểu diễn âm nhạc hay là về kỹ-thuật thu thanh, ép đĩa trong năm ấy. Những người trong ban hội đồng đầu tiên có bà Colette (Cô-Lết) tiểu-thuyết gia, các ông Francis Carco (Fờ-Răng-Xi-Xơ-Cac-Cô), Pierre Gaxotte (Pier Gắc-Xô-Tơ) Nhạc sĩ Maurice Yvain (Mô-Ri-Xơ-I-Vanh). Từ 1931 đến 1938, hằng năm đều có một cuộc phát giải mà thế-giới chiến tranh đã làm gián đoạn đi. Đến năm 1951, trong Công-báo bên Pháp có đăng điều lệ của một Hàn-lâm-Viện các đĩa hát Pháp-Quốc do những nhân vật kể trên tổ - chức với sự tham gia của ông Jean Fayard (Jăng-Fai-A), thi sĩ Guy Charles-Cros (Ghi-Sắc-Lờ-Cơ-Rô-Xô)

con của người phát minh ra máy hát, cùng một nhóm văn-nhân, nhạc-sĩ nhà phê bình và kỹ-thuật gia. Chủ - tịch là bà Colette và nhạc-sĩ Arthur Honegger (A-c-Tuya-Hô-Nê-Ghe-A). Hàn-lâm-viện ấy gồm có 32 nhân viên : 8 nhạc sĩ, 8 văn sĩ, 8 nhà phê - bình và 8 người chơi đĩa hát. Mục-đích của Hàn-lâm-viện là khuyến khích, trợ cấp những nhà làm đĩa trong việc thu thanh những nhạc phẩm có giá - trị và dùng tất cả các phương tiện để làm cho công chúng thích những đĩa hát hay. Hằng năm, Hàn-lâm-viện hội lại để phát giải thưởng cho những đĩa nào được coi là trội nhất trong năm để giới thiệu các đĩa ấy cho công chúng, cũng như trong văn-giới có các giải thưởng hằng năm, giải Hàn-lâm-viện Goncourt, giải Fémina v. v...

Hàn-lâm-viện lại được các nhân-vật có tên tuổi trên hoàn - cầu tán thành và nhận làm nhân viên như nhà thông-thái Einstein (Ai-Nơ-X'-Tai-Nơ) bác-sĩ Schweitzer (S-Vai-T-Xơ), Vua Frederik (Fơ-Rê-Đê-Rích) của xứ Đan-Mạch, Lord Harewood (Lo-He-Rơ-U-Đơ) của nước Anh.

Năm nay Chủ-Tịch Hàn-lâm-viện là nhạc-sĩ Darius, Milhaud (Đa-Ri-Uy-Xơ-Mi-Ô). Hàn-lâm-viện đã phát, ngoài một giải thưởng siêu-đẳng 20 giải mang tên là « giải - thưởng lớn toàn quốc cho đĩa hát » (Grand Prix national du disque) : Có nhiều loại khác nhau. Loại giải-thưởng của Tổng-Thống, loại giải thưởng của Charles-Cros. (Sạc-Lơ-Cờ-Rô-Xơ) Loại giải-thưởng Colette (Cô-Lết), giải-thưởng Văn-ngệ (Prix des Arts et des Lettres) giải thưởng của Đại-học-đường Pháp-Quốc (Prix des Universités de France) giải - thưởng của Âm - nhạc viện (Prix du Conservatoire). Giải thưởng của Thanh niên (Prix de la Jeunesse) Giải thưởng Francis Carco (Fơ-răng-xi-xơ-Cac-Cô) cho những đoản ca, v.v... Năm nay, Hàn-lâm-viện cho đĩa hát của chúng tôi giải thưởng Đại học đường Pháp-quốc, loại « nhân chủng học » (Prix des Universités de France, Catégorie : Ethnologie). Chúng tôi không chờ đợi được phần thưởng ấy vì trong năm vừa qua, có nhiều đĩa hát về các lối nhạc ngoài Châu-Âu như đĩa nhạc Nhật-Bản, nhạc Phi-Châu, trong ấy, người đàn hay, nhạc khí lạ tai, lại thêm được thu thanh khéo, trình bày đẹp, dễ gí đĩa hát nhỏ của Việt nhạc được có tên trong bản danh dự năm 1960.

Đĩa hát ấy chúng tôi chuẩn bị cũng khá lâu. Từ tháng 11 năm 1958 ông Giám đốc hãng đĩa BAM (La Boîte A Musique : Hộp âm nhạc) đã ngỏ ý muốn gặp tôi để bàn việc cho ra một đĩa hát về nhạc Việt. Ông đã phát hành một đĩa hát nhỏ về các nhạc khí của dân tộc miền núi Trung-Việt. Đĩa ấy bán khá chạy nên ông hỏi tôi có trình bày một đĩa hát về Việt-nhạc hay không. Tôi nhận lời ngay, vì không nói đến vấn đề tài chánh, đây là

một dịp cho tôi đem Việt-nhạc vào trong những gia-dình người Pháp và ngoại quốc để họ có dịp làm quen với một lối nhạc từ phương xa. Làm một đĩa hát về Việt-nhạc là công việc thực-hành, có thể đi sâu và dân chúng Pháp hay Âu châu hơn các buổi diễn thuyết. Giữa ông giám đốc hãng đĩa BAM và tôi có nhiều buổi thảo luận sôi nổi, ông đứng về phương diện nhà thương mại, chỉ tìm những nhạc khúc nào có thể hấp dẫn được công chúng Pháp, tôi đứng về phương diện nhạc học, chỉ nghĩ đến cách trình bày Việt-nhạc cho đúng điệu, chia Việt nhạc ra từng loại dân nhạc và quan nhạc điệu Bắc và điệu Nam. Nhưng sau rồi, tôi thấy ông có lý phần nào. Dân chúng Pháp chưa quen nghe nhạc Việt, cần nhất phải có những khúc nhạc hấp dẫn để rồi mai sau họ để ý đến những lối nhạc khó nghe khó hiểu hơn. Tôi đồng ý về chỗ phải « tuần tự nhi tiến » nhưng trong sự chọn lựa bài hoặc một lớp nào của một bài, tôi liệu cách cho các giọng các hơi được đầy đủ. Có giọng bắc, có hơi nhạc, hơi xuân, hơi ai, hơi đảo, tiếng tơ chen với tiếng sắt, độc ca chen với đối ca — Sau khi ông Giám đốc hãng BAM và tôi đồng ý lựa một số bài, anh Mai-Thứ, chị Mộng-Trung và tôi tập dượt mỗi chúa nhật để chờ ngày thu thanh,

Mọi việc phải hoàn thành trước kỳ nghỉ hè năm 1959. Ngày mồng 6 tháng 5 dương lịch, từ 2 giờ đến 6 giờ chiều, chúng tôi được hẹn đến một phòng thu thanh vùng Auteuil (Ô Tôi). Anh Mai-Thứ đến ăn trưa với tôi để cả ba người nhờ xe ô-tô của anh chở đàn đến nơi thu thanh.

Tôi không ngờ phòng thu thanh lại nhỏ như thế. Tôi đã có dịp vào nhiều nơi thu thanh khác ở Ba-Lê mà chưa có nơi nào nhỏ như thế này. Máy móc thì tối tân thật, người kỹ sư rất chịu khó nhưng, phòng thu thanh quá gần đường, xe cộ qua lại bên trong đều nghe và tiếng nỉ non của đàn độc huyền, hơi thánh thót của đàn tranh, giọng ngân nga uyển chuyển của chị Mộng-Trung không làm sao lấp được tiếng máy xe rồ. Mỗi bài phải đàn đi hát lại đến hàng chục lần, có khi nhạc sĩ vừa lòng mà kỹ sư ngại rằng cạnh bên chữ nhấn (nấn) hơi xuân có văng vẳng tiếng xe chạy ngoài phố. Tôi rất bức mình. Chị Mộng-Trung phải hát lại hơn mười lần bài « Qua cầu gió bay, » vừa mệt, vừa giận, nên trong tiếng hát « yêu nhau cởi áo cho nhau » có cái gì như hậm hực mà mất đi cái tình tứ lúc đầu. Phải thu thanh cho kịp ngày nay, vì từ giờ đến hè, không thuê được phòng thu thanh. Đĩa hát này, cũng như đĩa về nhạc Nhật Bản, được phát hành dưới sự bảo trợ của Trung tâm nghiên cứu nhạc Đông-Phương. Bà C. tổng thư ký của Trung tâm, đến dự buổi thu thanh cũng lắc đầu không biết tính sao. Tuy mới tháng năm, nhưng trời đã bắt đầu nóng bức. Phòng thu thanh lại cửa đóng then gài, làm chúng tôi bí hơi khó thở.

Chị Mộng-Trung và tôi đều chưa bằng lòng những bài đã thâu thanh rồi, nhưng hát lại một chục lần nữa, liệu có hơn không? Có khi người hát người đàn gặp lúc hứng thì chỉ một tiếng xe mở máy là làm cho người kỹ-sư xuất xoa, xóa đoạn « băng » ấy để thâu lại. Nhưng ca công nhạc sĩ đã cụt hứng đi rồi. Bộ thần-kinh của chị Mộng-Trung bị căng lên cực độ. Má chị ửng hồng, mồ hôi ướt cả tay, chị lắc đầu bảo rằng không thể nào hát lại mà hơn trước được. Thôi thì đành vậy! Nếu nhứt định tìm cái hay hơn có khi lại đi đến cái kém hơn. Anh Mai-Thứ lại bị cây đàn độc huyền trác anh. Ngày thường cần đàn không xúc xích, Tiếng đàn trong như tiếng nói của một thiếu nữ. Hôm nay mắc chứng gì mà cần tre lắc-lư như răng ông cụ già mỗi lần nắn chữ là nghe tiếng tre cọt két pha với tiếng lộp cộp của thùng đàn. Anh Mai-Thứ cố lấy chân kèm thùng đàn cho chặt, cố nường tay lúc uốn cần tre, nhưng chữ đàn lại kém uyển chuyển. Mặt anh đơm vẻ lo âu. Anh nhắc lại ngày xưa, một hôm anh phải trình bày đàn độc huyền (đàn bầu) tại đài vô tuyến truyền hình, mà trong phòng nóng quá, đến lúc anh sửa soạn bắt đầu thì đàn... rã ra từng mảnh. Hôm nay đàn chưa rã nhưng nếu mỗi lần uốn cần mà có tiếng kêu như tiếng vông đưa kéo kẹt thì làm sao thâu thanh cho được. Thử đi thử lại mấy lần lớp anh kèm thùng đàn lớp chị Mộng-Trung hai tay giữ chặt đầu đàn, lấy khăn bịt cần tre mà cũng không tài nào thâu được khúc Nam-Ai. Mấy lúc đàn chung Cò là thì đỡ hơn vì gần máy vì âm có tôi vừa hát vừa đàn cò (nhị), chị Mộng-Trung hát đôi anh Mai-Thứ ở xa hơn một chút nên ít nghe tiếng cần tre khua động. Chớ bài Nam-Ai độc tấu đã thâu rồi mà không thể in ra.

Hôm đó tôi rất mệt vì lớp vừa đàn cò vừa hát cò là vừa đàn kìm (nguyệt) vừa ngâm Sa mạc, lại độc tấu đàn kìm bài Cổ bản, độc tấu đàn tranh một đoạn Nam Xuân một đoạn đảo Ngũ Cung, độc tấu đàn cò (nhị) đoạn đầu bài Ngũ đối hạ rồi phải tự đánh trống phụ họa để thâu chồng lên bản đàn cò (bên này họ gọi là re-recording), mỗi lần thâu thanh là tôi phải cố nín thở, đặt hết tâm trí vào cách biểu diễn, xong mỗi bài là xuất hạn mồ hôi. Nhưng tương đối, tôi rất bằng lòng, vì trong điều-kiện không thuận tiện mấy, chúng tôi đã hết sức cố gắng. Tôi vui nhất là được có dịp giới thiệu bài *Phong-Xuy trích-liều* của cậu tôi là ông Nguyễn-Tri-Khương sáng tác cho gánh hát Đồng-Nữ của cô tôi là bà Trần-Ngọc-Viện. Bài đó phỏng theo hơi Nam chạy và Xuân-Nữ, tức là có hơi Ai-oán. Ngày thường, trong lúc tập dượt, chị Mộng-Trung ca hay hơn bữa thâu thanh thập phần. Nhưng khổ một điều

ông giám-đốc hãng BAM cho là thanh như thế đã là được lắm rồi. Một mặt, từ tháng 5 đến hè, không thuê được phòng thanh khác, một mặt là anh Mai-Thứ đang mệt, nếu gặp lúc anh đi tỉnh dưỡng thì ai đàn độc huyền?

Thôi thì họ thuê sao chúng tôi đành chịu vậy!

Một tuần sau, khi nghe lại các cuốn băng trong một phòng kín, tiếng xe rồ máy nghe rõ không kém tiếng nhấn « đồ hột » trên dây đồng. Nhiều đoạn tôi rất thích nhưng phải chịu cho cái kéo của người kỹ sư cắt đi để chấp nối vào những đoạn khác, mà tôi không vừa ý lắm nhưng không có tiếng ồn bên ngoài.

Nghỉ hè xong, ông giám đốc hãng B A M mời tôi lại nghe đĩa mẫu trong phòng nghe nhạc của ông. Phòng này gồm có những dụng cụ tối tân, những máy phóng thanh rất tinh vi, nên một tiếng động nhỏ cũng nghe rất rõ. Ông giám đốc hãng B A M thấy tôi lắc đầu khi nghe tiếng xe rồ mới hỏi tôi :

« Ông nghĩ sao ? Tôi có thể kiện họ để bắt họ phải thuê lại. Nhưng thuê lại trong phòng thu thanh đó lại bị tiếng xe cộ như trước.

— Mà khổ hơn nữa là anh Mai-Thứ đã đi dưỡng bệnh khỏi Ba-Lê đến mấy chục cây số. Và nếu thuê lại trong phòng ấy thì chẳng ích gì.

Và ông giám đốc hãng B A M lại sợ nếu diễn trí không kịp gởi đĩa hát của chúng tôi đi dự thi vào dịp cuối năm 1959. Ông đưa tôi mấy đĩa mẫu. Tôi nhờ nhiều người quen nghe và phê bình, mà không ai nghe tiếng xe rồ. Vì chỉ có mấy máy thật tinh vi trong phòng nghe nhạc của ông giám đốc hãng B A M mới làm bật nổi tiếng xe rồ nhỏ nhỏ chớ với máy thường thì không ai nhận thấy cả.

Thôi thì đành cho ra đĩa ấy vậy. Tôi viết bài giới thiệu Việt nhạc và nhạc khí dùng để thanh giao lại cho ông Giám-đốc hãng B A M, để in vào bao đĩa, rồi tôi sang Thụy-Sĩ diễn thuyết về Việt nhạc.

Lúc trở về, đĩa hát của chúng tôi tên là « Việt nhạc » (musique du Việt - Nam) đã thấy bán ở khắp nơi tại Ba-Lê. Nhiều người Việt mua xong đĩa hát rồi viết thư khen tôi đã có ý trình bày Việt nhạc cho người ngoại-quốc. Mấy người quen gởi bao đĩa lại xin chữ ký của chúng tôi. Có ông giáo-sĩ nghe xong, viết thư cho tôi để hỏi thêm về Việt nhạc và tìm sách viết về Việt-nhạc để đọc. Tôi sung sướng vì đã làm cho người Việt và người ngoại quốc lòng thêm mến thích nhạc Việt. Một hôm, sau giờ học, ông thầy tôi là giáo - sư J. Chailley (Sai - ê) hỏi tôi : « Anh có hay rằng anh đã được Giải thưởng lớn về đĩa hát năm 1960 chưa ? »

— Thừa chưa.

— Dĩa hát của anh được Hàn-lâm-viện cho giải thưởng rồi. Vài ngày nữa Anh sẽ biết tin.

Hôm sau, thư của nhà làm đĩa BAM báo tin tôi biết rằng tôi đã được giải thưởng và họ gửi cho tôi một ít giấy mời dự buổi phát giải. Tôi mời anh Phạm-Gia, bác-sĩ được khoa, người bạn đã cho tôi mượn một văn phòng ở trọ gần 3 năm, đến dự buổi lễ. Chị Mộng-Trung mời chị bác-sĩ Phan. Anh Mai-Thứ còn dưỡng bệnh không về được. Trưa ngày 18 tháng chạp năm 1959 tại đài Vô-tuyến truyền-hình 15 đường Cognacq - Say, có cuộc lễ phát giải thưởng. Buổi lễ được truyền hình và sau đó có một tiệc rượu để khao những người được giải. Trong giấy mời có biên rõ ràng người dự lễ không nên đến muộn hơn 12 giờ 10. Chị Mộng-Trung và tôi đến đài vô-tuyến truyền-hình vào lúc 12 giờ đúng tức là sớm đến 10 phút. Người gác cửa cho biết rằng từ 11 giờ 45, phòng truyền hình đã chật ních cả. Họ mời chị Mộng-Trung và tôi vào phòng bên cạnh, gần một cái bàn to trên đó la liệt những miếng « sandwich » (xăn uýt), bánh ngọt và có đủ thứ rượu, rượu mùi, rượu vang, rượu sâm-banh. Gặp hai vợ chồng ông Giám đốc hãng đĩa, ông bà bắt tay và khen mừng tôi. Chị Mộng Trung và tôi cứ lo anh Phạm Gia và chị Phan đến muộn không được vào. Không ngờ họ đã đến từ trước và họ đang ở bên phòng truyền hình. Lúc sau gặp lại thì anh Phạm, chị Phan nói rằng họ đến trước, ban tổ chức ngỡ anh Phạm Gia là tôi, chị Phan là chị Mộng Trung nên mời vào phía trong lại hỏi thăm những ông gì, ông gì, anh Phạm Gia cứ chào mà không trả lời. Trong đó, họ đọc tên những đĩa hát được giải thưởng, tên người được giải và đem các đĩa hát ấy giới thiệu trước ống kính của máy truyền hình. Nhạc sĩ Darius Milhaud (Đa-Ri-Uýt-Xơ Mi-Ô) không đi được, ngồi trên xe nLô, đến bắt tay những người được giải. Rồi họ đem bằng cấp ra phát. Vì đến quá đúng giờ, tôi phải ở phía có rượu thịt, nhưng không được chứng kiến lúc xướng danh. Vì thế mà chị Phan và anh Phạm Gia được truyền hình thay cho chị Mộng Trung và tôi. Người phát bằng tìm gặp tôi bắt tay mừng rồi trao cho tôi một cái bằng to, đẹp trong đó có tên tôi và tên đĩa hát « Nhạc Việt-Nam » — Ông thầy tôi giáo sư J. Chailley đến bắt tay tôi khen mừng, anh Phạm Gia, chị bác sĩ Phan đều hài lòng nhất là sau khi phát bằng lại được tha hồ ăn bánh uống rượu. Chị Mộng Trung ngày thường ít ăn, hôm nay có lẽ cao hứng hay là để bù lại việc không được truyền hình ăn một tràng bánh ngọt và « xăn uýt ».

Phần thưởng không phải chỉ ở mảnh văn bằng. Được giới thiệu với công chúng, đĩa hát sẽ bán chạy hơn và tiền huê hồng nhờ thế được nhiều hơn. Nhưng phần thưởng quý nhất là về phương diện tinh thần. Việt nhạc sẽ được người ta nhắc nhở đến. Đĩa hát ấy sẽ được vào tay nhiều người tư nhân và trong các bảo tàng viện. Thế là trong công việc sưu tầm, bảo tồn và phổ biến vốn cổ trong Việt nhạc, tôi đã được thêm chút thành công và lòng tôi thấy muôn phần phấn khởi.

Cách đây vài tháng —, bạn có thể tưởng tượng được không ? —, Một hãng đĩa khác tìm tôi, muốn ký hợp-dồng với tôi để đem những khúc điệu cổ ra cho giàn nhạc Âu-châu đánh thành những bài nhạc khiêu vũ loại « măm-bô » hay « cha cha cha ». Khi nghe tôi từ chối ông Giám-đốc hãng đĩa ấy nói rằng : « Ông có biết rằng ông từ chối giao kèo này, ông sẽ mất một số tiền rất to. Theo giao kèo, ông sẽ được lãnh một phần tiền nhạc công vì trong ban nhạc chúng tôi muốn có tiếng đàn tranh, đàn cò — cho có màu sắc lạ — và lẽ tất nhiên ông sẽ được lãnh phần tiền của người soạn nhạc ». Tôi trả lời :

« Quan niệm của ông và của tôi về nhạc dân tộc khác nhau một trời một vực. Tôi không thể làm việc ông muốn, vì có đi ngược lại với mục đích của đời tôi » Ông ấy nói tiếp : « Ông làm đĩa hát đặc biệt nhạc dân tộc, ông chỉ bán được nhiều lắm là một vài ngàn đĩa. Làm theo điệu « cha cha cha » hay một lối nhạc khiêu vũ khác, ông sẽ bán có thể hàng mấy chục ngàn đĩa. Tiền huê hồng sẽ gấp 4, 5 chục lần hơn. Mà số người ngoại quốc để ý đến dân nhạc Việt cũng đông hơn. Nếu ông còn ngần ngại, tôi xin đưa ông số điện thoại của tôi. Tôi sẽ đợi ông trả lời trong 48 tiếng đồng hồ. Nếu ông không nhận, chúng tôi cũng có cách tìm đĩa hát cổ nhạc Việt và làm những đĩa hát khiêu vũ với ý nhạc lấy trong dân ca Việt. Nhưng ông sẽ mất phần huê hồng. »

Tôi không gọi điện thoại và không cần trả lời cho ông ta. Phổ biến Việt nhạc theo cách của ông tức là đem Việt nhạc trình bày một cách lố lăng, đầu Ngô mình Sở, tức là làm một loại nhạc ngoại lai, tạo những cái quái thai mà người thật lòng yêu nhạc không ai thưởng thức được. Thà chịu nghèo mà chỉ trình bày Việt nhạc với tất cả tính chất thuần túy của nó hơn là làm giàu bằng cách « bán đứng » kho tàng cổ nhạc và phản bội với âm nhạc và dân-tộc nước Việt.

Chắc Bạn cũng đồng ý với tôi, bạn nhỉ ?

Xa - Xôi...

TRẦN-VĂN-KHÊ

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87. Đại-lộ Hàm-Nghị (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRƯỞNG-SINH CỦA NGƯỜI XƯA

CÓ-LIÊU

Giáo sư Léon Binet, nguyên Chủ tịch viện Hàn Lâm Y Học Pháp, là một người chuyên khảo cứu về tuổi già. Mới đây, trong một bài báo đăng trên tờ Figaro Littéraire (ngày 16-4-60), ông nhắc lại kết quả những công cuộc khảo sát về mấy loại thảo mộc có tính chất giữ cho cơ thể người ta trẻ lâu, người xưa thường gọi một cách quá đáng là thuốc trường sinh.

NGÀY nay tuổi thọ trung bình của người ta tăng thêm từ 10 đến 15 tuổi nhờ y học tiên bộ, nhờ người ta biết áp dụng những phương pháp giữ vệ sinh chung, giữ vệ sinh thể chất và tinh thần, những phương thức nuôi dưỡng và trị liệu thích ứng.

Để dùng làm dược liệu người ta đã huy động nhiều loại phẩm vật rất khác biệt nhau từ những kích thích tố đến tinh chất bào thai, từ các thứ sinh tố đến các đơn chất mà cơ thể ta thiếu thốn như i-ốt, lân tinh, lưu hoàng, vôi, ma-nê-si-ôm v.v...

Ngày nay y học chú trọng đặc biệt đến những dược phẩm thiên nhiên phần nhiều là thảo mộc mà đức tính

trị bệnh hay bổ dưỡng đã được nhiều bác học nghiên cứu rất tỉ mỉ, như các cây artichaut, bồ công anh (pissenlit) nghệ, mê-diệt (romarin) ô-liu, đậu nành v. v. Có nhà khảo cứu không tiếc lời khen ngợi những đức tính của hành, tỏi, gừng và chanh, cũng như có người hùng biện tranh luận cho món cá. Viện Giám-độc nha y tế Hoa-Kỳ đã từng tuyên bố : « mỗi tuần ăn cá bốn lần có nhiều hy vọng tránh được các bệnh về tim », cá làm giảm số cholestérol ở máu, chất này nhiều quá làm cho máu dơ, tim phải làm việc quá sức.

Ông Léon Binet, nguyên chủ tịch viện Hàn Lâm Y Học Pháp cũng theo hướng tiền của y học, trở về với những dược phẩm thiên nhiên, ông

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRƯỜNG-SINH...

trình bày kết quả cuộc khảo cứu của ông về các phương thuốc cổ truyền gọi là thuốc trường sinh như dương sâm, mê-diệt tửu (Alcoolat de romarin), rượu thuốc Lô Hội (teinture d'Aloès), trái cassis.

Dương Sâm

Người Á-Đông ta không ai lạ gì dương sâm. Đó là một thứ rễ cây coi in hết một cái rễ cây rau dền già, cây sâm còn có cái tên nữa là nhân sâm. Cây sâm thường mọc ở trong rừng, nhất là rừng xứ Cao-ly, nơi sản xuất sâm danh tiếng nhất hoàn cầu. Người Mỹ thầy dân Á-Đông ham chuộng sâm nên họ tìm cách trồng lấy củ đưa sang bán tại thị trường Viễn - Đông. Tuy nhiên thứ sâm này không thể nào so sánh với sâm thiên nhiên được, người ta gọi nó là sâm Hoa-Kỳ.

Chung quanh củ sâm có nhiều chuyện hoang đường như : nhân sâm hình người nom y như đứa bé mới sinh. Sự thực thì củ sâm to nhất chỉ lớn bằng cánh tay đưa trẻ lên 3, trên cùng thắt ngang thành hình hơi tròn, hai bên thân củ sâm cũng có 2 nhánh tượng trưng cho hai cánh tay, còn hai nhánh dưới tượng trưng cho hai chân, tóm lại nó hình dung một cách lơ-mờ xa-xôi hình dáng một người.

Những chuyện hoang đường khác liên hệ đến công dụng của nhân sâm như : ăn vào bách bệnh tiêu tán, sinh thần khí, người được « trường sinh bất lão, đồng canh nhật nguyệt hưởng thọ ».

Tuy đông-y gán cho củ sâm có công dụng phi thường nhưng Tây Phương họ dè dặt nghi ngờ. Sau này một nhà hóa học Nhật, ông Insu Sun chứng minh được rằng công hiệu phi thường của nhân sâm không phải là vô căn cứ. Ông đã tìm ra sâm có nhiều sinh tố và kích thích tố. Lấy một miếng sâm sản xuất ở Cao-Ly, ông dùng cách phân tích riêng, đã tìm thấy 2 loại sinh tố B₁ và B₂, những chất như chất folliculine tác động đến tỷ (rate), ngoài ra còn những chất có tác dụng như kích thích tố yohimbine và cantharidine.

Những chất ấy có thể làm cho một vài loài cá trở mã đẹp.

Uống sâm người ta giữ được sự trẻ trung lâu hơn, tuổi thọ cũng tăng lên. Ngoài ra sâm còn đem lại sức lực cho người yếu và còn làm lợi cho đường sinh dục. Ông già hấp hối, đổ nước sâm cho uống có thể hồi tỉnh được thêm vài ngày, người đi xa, ngậm củ sâm trong miệng không thấy mệt.

Vì những lý do ấy, người ta đặt sâm đứng hàng đầu trong 4 vị thuốc thượng đẳng của Đông-y : Sâm, nhung, quế, phụ.

Mê-diệt tửu.

Cũng như dương sâm lưng danh ở Đông-Phương, Tây - Phương có thứ Mê-Điệt tửu, hay ngự tửu của hoàng hậu Hung - gia - Lợi. Rượu này làm bằng cây mê-diệt (romarin). Ông tổ y học Tây Phương là Hippocrate, nhiều y sĩ La Mã, thời Trung - cổ và Phục-Hưng ở Âu-châu đều dùng đến

mê-diệt tửu làm thuốc trường sinh cho các vị Vua chúa. Thuở ấy hoàng hậu Hung-Gia-Lợi là Isabelle nói rằng bà đã được một bà tiên dạy cho phương pháp chế thứ rượu trường sinh ấy. Theo lời truyền tụng thì bà đã 72 tuổi, bị tê liệt không đi lại được, khi dùng mê-diệt tửu thì hết mọi tật bệnh và trẻ lại như người 20 tuổi, thậm chí vua nước Ba - Lan sai sứ sang cầu hôn.

Tuy rằng câu chuyện khó tin, nhưng người ta có thể công nhận cây mê-diệt rất công hiệu để trị các chứng bệnh thuộc gan, mật, vì có tính chất nhuận tràng (xổ nhẹ) và kích thích lá mật. Nếu đem sắc cây mê-diệt lấy một thứ nước thang có 5% tinh chất rồi cho một người bệnh uống, người ta dùng ống đo trong ruột thì thấy gan tiết ra nhiều mật hơn, và thứ mật B thêm phần lỏng và tốt. Ngoài ra nó còn làm cho lợi tiểu tiện. Trong nhiều trường hợp xung gan, bệnh hoàng đản (vàng da vì mật tràn vào máu), cây mê-diệt là phương thuốc hiệu nghiệm.

Rượu thuốc Lô Hội (teinture d'aloès)

Trong cuốn liệt kê được phương của Y học Pháp, đã có ghi cách chế thứ trường-sinh-tửu này từ năm 1837 đến 1937, tất cả năm lần. Đến năm 1949 thì y học bỏ hẳn không nói đến nữa.

Những nhiên liệu dùng để pha trường-sinh-tửu là : lô-hội, rễ gentiane (một thứ cây thuốc ở Tây-Phương cũng có người gọi là sâm) củ đại hoàng (rhubarbe), củ cây zedoaire (một

loại cây nghệ), nghệ safran nằm trắng (agaric) chất thériaque (một loại cây có nhựa thuốc phiện).

Muốn có một ý niệm về hiệu lực của thứ trường sinh tửu đó, ta hãy tìm hiểu tính chất của các vị thuốc.

Lô-hội khai vị, tiêu thực, dùng ít thì nhuận trường, dùng nhiều thì sô.

Rễ gentiane khai vị, tiêu thực và hạ hỏa.

Củ zedoaire là củ cây *Xoempferia rotunda curcuma aromatica*, mọc ở xứ Ấn-Độ, nó có tính chất kích thích.

Với củ đại hoàng (rhubarbe) người ta có thể pha những thuốc bổ, khai vị hay tẩy.

Nhị hoa cây nghệ (safran) có tính chất chỉ thông.

Nằm trắng (agaric blanc) tên khoa học là *Polyporus officinalis*, dùng nhiều làm thuốc tẩy.

Chất thériaque lấy ở một vài loại cây thuốc phiện có những tính chất kích thích, bổ trung, chỉ thông.

Trong cuốn sách thuốc cổ của Pháp, La France médicale, có một đoạn nói về trường sinh tửu này và chưa rõ là tìm được của một y sĩ Thụy-Điển vẫn giữ bí mật từ lâu. Viên y sĩ này sống được 144 tuổi vì thường dùng trường sinh tửu.

Trái Cassis

Trái cassis là trái cây Phúc bồn tử (groseillier) mọc ở các xứ ôn đới. Trái cassis xưa kia được truyền tụng

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC TRƯỞNG SINH...

là một vị thuốc trừ bách bệnh và tăng thêm tuổi thọ.

Thực ra nó là một loại trái cây có nhiều sinh tố hơn cả, nhất là sinh tố C. Trong 100 gờ-ram cassis có tới 150 milligam sinh tố. Tuy nhiên, tùy theo thời tiết, theo mỗi chủng loại, theo tuổi của cây, thành phần sinh tố hơn hay kém. Đặc điểm là chất sinh tố C của trái cây này (acide ascorbique) không biến chất khi ở kề cận nhiệt độ hay dưỡng khí. Loại trái khác như trái bom chẳng hạn rất dễ hư sinh tố khi bị nóng. Nhờ đặc tính ấy, Si-rô cassis để được rất lâu mà không mất sinh tố như các thứ si-rô khác. Như vậy người ta nghĩ rằng trái cây

này có những chất chặn đứng được phản ứng của a-xít ascorbique khi để ra ngoài trời. Ngoài ra trái cây này còn có sinh tố P cũng khó phân hóa như sinh tố C.

Nữ bác sĩ L. Randoïn phân chất hóa học 100 gờ-ram cassis thấy nó có rất nhiều khoáng chất (pô-tát-si-um, ma-nhê-dom, vôi). Những chất đó thường thiếu thốn trong đồ ăn hàng ngày của ta. Do sự có mặt của những khoáng chất đó mà có thể dự đoán rằng sẽ còn có nhiều loại a-xít hữu cơ mà người ta chưa biết hết, nhưng chắc là có công dụng lớn.

CÔ LIÊU

**SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE
DU VIETNAM**

55 Đường NGUYỄN-HUY, SAIGON

Agent Exclusif

POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY

95, ĐƯỜNG THÔNG-CHÉ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON

DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



TIẾNG HÁT ĐỒI SIM...

Tiếng ai hát
Trong nắng chiều phai nhạt
Giữa đồi sim
Lữ khách băng-khuâng
Mỗi mắt trông tìm
Chim bay về tổ ấm
Ngập-ngừng đôi cánh ngân-ngơ
Tiếng ai hát giữa đồi sim
Sao thiết-tha như tiếng kẻ đợi chờ...
Mây âm-thầm hồ hện
Tiếng hát buồn vút bóng bơ-vơ
Sim tím đời cô quạnh
Chiều rơi rơi mịt-mờ...
Giữa đồi sim tiếng hát
Rung trong nắng chiều phai nhạt
Buồn xa-vắng mênh-mông
Cô em nhớ người yêu,
Hay mòn mỏi trông chồng... ?
Tháng năm dài tàn lụn
Rồi Xuân, Hạ, Thu, Đông
Trên đồi sim vẫn tím
Có tím tình em không.. ?
Đồi sim vang tiếng hát
Trong nắng chiều phai nhạt
Cô em có khóc không ?...

Sao mà tiếng hát rung lên
Đầy nước mắt mặn nồng
Bao giờ vui tâm sự
Để cho đời tiếng hát thanh trong
Trên đời sim vẫn tím
Tím sim là tím cả lòng...
Tiếng cô em hát
Trong nắng chiều phai nhạt
Một ngày nữa qua rồi...
Không còn nắng hồng
Để tô thắm làn môi...
Không còn tiếng chim nhắc-nhở
Lời thề xưa giờ quá xa-xôi...
Hoa sim tàn tím úa
Tiếng hát em lạc-lỡng trên đời...
Người xưa đã xa rồi
Sao em còn lên tiếng hát ?
Một mình một bóng đơn côi...
Gió chiều mang tâm sự
Cho lòng ai bồi-hồi...
Trên đời em vẫn hát
Áp-ủ người trong mơ
Để cho tình trọn vẹn
Dầu biết đến bao giờ...
Sim tím đời trinh nữ
Sim chết cả ý thơ
Mình em, em vẫn hát... ?
Giữa chiều rơi, mặt mờ...

HUY-LỨC

(Trong « Thuở ban đầu »)

SÀI-GÒN NĂM XƯA

(Thuật theo câu chuyện ông Vương-Hồng-Sên nói tại Câu-lạc-bộ « VĂN-HÓA » chiều thứ sáu 29 tháng 7 năm 1960).—

T. MAI

CHIỀU ngày 29 vừa qua, Câu-lạc-bộ Văn-Hóa đường Tự-Do có tổ chức một buổi nói chuyện lần thứ nhứt giữa các văn-nghệ-sĩ đô-thành. Cử tọa gồm rất đông người có đủ các giới.

Sau khi chủ-nhơn Câu lạc-bộ, ông Phạm-Xuân-Thái giới thiệu diễn-giả, thì ông Vương-Hồng-Sên bắt đầu câu chuyện « Sài-gòn năm xưa ».

Ngót một tiếng đồng hồ, từ 18 giờ 25 đến 19 giờ 30, diễn giả lần lượt đưa cử-tọa dạo một vòng Sài-gòn cũ.

Tiếc vì giờ buổi không thuận tiện, nên diễn giả không thể đi sâu vào vấn đề, chỉ phớt bàn qua những nét đại-cương nhẹ-nhàng, và hứa hẹn sẽ trở lại đầy đủ hơn trong một quyển luận-khảo sắp ra mắt độc giả một ngày gần đây.

Bắt đầu, ông Vương-hồng-Sên nói có cả thầy bổn thuyết giúp ta tìm hiểu về gốc tích « Sài-gòn ».

1) Thuyết Phù-Nam.— Dân-tộc Phù-Nam xuất hiện đầu tiên trên cõi Nam nước Việt ngày nay, từ đầu Kỷ - nguyên đến cuối thế-kỷ thứ VIII hoặc giữa thế-kỷ thứ VIII thì bị một chủng-tộc khác tiêu diệt.

Danh-từ Phù-Nam do đâu mà có ?

Một thuyết của người Tàu thì nói : *Phù-Nam là xứ Nam « nổi »* (phù). (Ngày nay, còn thấy vùng đất thấp nhiều chỗ quanh năm ngập lụt, chỉ lộ mặt cho thấy vào mùa khô ráo) Trái lại, nhà học-giả Pháp, ông G. Coedès, quả quyết *Phù-nam* do chữ « *Phnom* » mà có. Hai thuyết chưa ngã ngũ.

Một điều biết chắc là thuở ấy, chưa có « Sai-gòn ».

2) **Thuyết Cờ-me.**— Đền thay thế người Phù-Nam trên cõi đất này là người Cờ-me. Họ ở trên Bắc xuống, xứ của họ gọi *Chân-lạp* (Cambodge). Để dễ phân-biệt, từ đây, chia ra có :

a) Thủy-Chân-lạp (Basse Cochinchine), tức Chân-lạp miền thượng ;

b) Thủy-Chân-lạp (Basse Cochinchine), tức Miền Nam nước Việt ngày nay.

Thuở đó, nước Cam-bốt có đền hai vua :

— Vua Nhứt, Chánh-vương, ngự tại thành Lo-vek (Trương-Vĩnh-Ký và các sử-gia Miền Nam âm là « *La-Bích* » hoặc « *Gò-Bích* » ; (Việt-Nam sử-lược Trần-Trọng-Kim, tr. 329, ghi « *thành Long-Úc* » phải *Lo-Vek* này chăng ?)

— Vua-Nhì, tức Phó-Vương, đóng đô tại *Prei-Nokor*, sau này là *Sai-gòn*.

(Một nước hai vua, một xứ hai mặt trời, là một tình-thế lưỡng lập vạn bất-đắc-dĩ, không bao giờ tồn tại được lâu. Về sau, nếu có xảy ra sự di-dân cờ-me tự mình bỏ *Thủy-Chân-lạp* rút lui về *Lục-Chân-lạp*, âu cũng vì một lẽ Chánh-Vương ngấm muốn để còn một vua đặng dứt hậu hoạn về sau, một lẽ nữa cũng tại lòng dân Miền mà cũng có tay Trời già ở trong !)

Prei-Nokor vào thời bây giờ, là một thôn nhỏ giữa rừng già, dân-cư thưa-thớt, tập trung trên các gò nong cao ráo, gần mọi đồn lèo-hèo giữa rừng-

rú thiên-nhiên, ao sinh nước đọng, nhiều muối, nhiều đá vát và thú dữ : tây, tượng, hùm, khỉ, sấu... đông hơn người ta. *Prei-Nokor* dùng làm nơi đồn trú cho Phó Vương Cờ-Me. Muốn hiểu rõ về Sài-gòn, phải trở lại theo dõi cuộc Nam-tiên của dân-tộc Việt-Nam, những đoạn này diễn-giả xin hẹn qua quyển luận khảo...

3) **Thuyết Trung-Hoa.**— Người di-thần nhà Đại-Minh không phục người Đại-Thanh, đã đến xin tá túc với Nguyễn - Vương từ năm 1680 do Dương-Ngạn-Địch cầm đầu.

Năm 1773, lính và dân nhà Minh đóng ở Cù-lao Phô (Biên-hòa) bị giặc Tây-sơn đến đuổi đi. Năm 1778, bọn lính và dân Tàu này đến định cư nơi chỗ gọi « *Đế-Ngạn* » (Chợ-Lớn ngày nay). Họ đọc « *Đế-Ngạn* » theo giọng Tàu ra « *Tai-ngon* » hoặc « *Tin-Gan* » (theo sách Pháp), ta nghe lơ-lơ như « *Thấy-Ngôồnn* », vì vậy mà có danh từ « *Sai-gòn* », phải vậy chăng ?

4) **Thuyết Việt-Nam.**— Đại - Nam Quốc-âm tự-vị Huỳnh-Tĩnh-Của viết : « *Sai* » là củi thối ; « *Gòn* » là loại cây có bông nhẹ, trong Nam hay dùng đồn gối đồn nệm ; ngoài Bắc gọi « *cây bông gạo* » (*kapok, kapokier*).

Thuở cựu-trào, sờ tàu ra Kinh, viết hai chữ *Sai-gòn* (một chữ Hán « *Sai* » ráp với một chữ Nôm « *Gòn* », nhưng vì không có chữ ấy, nên mượn chữ Hán « *Côn* » viết làm vậy, nhưng đến khi đọc, luôn luôn đọc là « *Sai-Gòn* »).

Cũng trong Tự-vị ông Huỳnh-Tĩnh-Của, thấy ghi hai chỗ khác nhau về danh từ «Sài» «Gòn».

Sài-gòn : tên riêng đất Chợ-lớn, bây giờ lại hiểu là đất Bến-Nghé (trương 280);

Sài-gòn : tên xứ ở về Gia-định (trương 390).

Xin đề ý, bộ tự-vị ông Huỳnh-tĩnh-Của, in năm 1895-1896 đã có sự lẫn lộn về danh-từ «Sài-gòn» rồi.

Đi sâu vào gốc tích «Sài-gòn».— Một thuyết đã cho «Sài-gòn» do «Prei-Nokor» mà ra. Cắt nghĩa rằng : «Prei» là «rừng», do đó ta đặt chữ «Sài»

«Nokor» là «gòn», cây gòn. Nhưng «Nokor» đồng âm với «Nokor» tức «thành, lũy», hiểu lầm vậy thì «Prei-Nokor» cũng có nghĩa là «một thành, lũy giữa rừng». (Có ý nghe người Cơ-me Miền Nam không nói chữ «r» được, thường gọi «Sài-gòn» bằng danh-từ «Pei» Ảng-ko» hoặc «Pei-Ủ-ko», và khi ta muốn rõ hỏi thêm thì họ trở lại, bỏ danh từ «Pei-Ủ-ko» đó đi và thay vào bằng danh-từ «Srock Young» (xứ của An-nam quốc-vương) tức xứ Việt.

Kor cũng có nghĩa là con bò u (boeuf à bosse) và *Prei-Kor* tức là «rừng bò». (Rắc-rôi ôi là rắc-rôi!)

Một điều an-ủi chung cho hạng gần như tôi (diễn giả nói) là chính nhà học-giả uyên-thâm trong Nam, cụ Trương Vĩnh-Ký, khi viết bài khảo về lịch-sử Sài-gòn đăng trong tạp-san

Pháp «Excursions et reconnaissances» (du-lãm và thám-hiểm) cũng đã nhìn nhận không rõ ắt diễn-tích về danh-từ *Sài-gòn*.

Dấu sao đi nữa, xin đừng như một ký-giả trẻ tuổi đã viết «Sài-gòn» do hai chữ «Tây-Cổng» tức thành-trị của vua Tự-Đức ngày xưa công-hiền cho Tây. Viết làm vậy tội chết !!

Nói tóm lại, xưa người Việt gọi vùng Sài-gòn bằng một danh-từ thuần-túy Việt-nam là «Bến Nghé».

Giữa lúc ấy người Tàu có hai danh-từ :

a) để chỉ vùng của người Tàu ở, (Chợ-lớn ngày nay), họ gọi «Đế-Ngạn», âm giọng Tàu, khi nghe «Thấy Ngổổnn» khi nghe «Xi-cụnh».

b) để chỉ vùng của người Việt ở, họ mượn giọng hai tiếng Việt «Sài-gòn» mà họ viết «Tây-Cổng» và đọc «Xây-Cóon».

Kịp đèn Tây qua, đứng trước hai danh-từ «Bến-Nghé» và «Sài-gòn» thì hai chữ «Bến-Nghé» đối với Tây, lưu luyến khó nói quá, nên chỉ Tây ép các sắc dân : Nam Chà-Chặc, đều phải bỏ danh-từ «Bến-Nghé» và để thay vào đó, Tây ép dùng hai tiếng «Sài-gòn» vừa kêu giòn, vừa dễ nói dễ đọc. Các môi-giới của Pháp thời ấy, phần đông gốc Phước-Kiến và Quảng-Đông, cũng thuận dùng hai tiếng «Sài-gòn» hơn là «Bến-Nghé» khổ đọc cho họ không thua gì cho người Pháp. Theo diễn-giả Vương Hồng Sển, có lẽ danh-từ «Sài-gòn» được thông-dụng và trở nên «bắt từ», vì người Việt người

Tàu, buổi đầu, trong lúc đàm-thoại với lang-sa hoặc viết thư hay ký giao-kèo với họ, một nửa chiều ý người mới, một nửa « nịnh Tây » bèn dùng luôn danh-từ « Sài-gòn » thay thế danh từ « Bền-Nghé », lâu ngày quen tai quen mắt càng phổ-biến rộng thêm mãi, khiến nên « Sài-gòn » đã soán ngôi « Bền-Nghé »... và chính ngày nay, còn nghe có người đọc và nói « *Cholen* » thay vì « Chợ-lớn », đọc và nói « *Dakao* » thay vì « Đất Hộ », v.v. mà không ngợm miệng !

Để chọn tên đặt cho kinh-đô Nam-Việt, Tây đã nghĩ đến danh-từ « Gia-định » nhưng họ lại chê đó là di-tích cựu thời Hộ cũng có nghĩ đến danh-từ nôm na « Bà Chiểu » nhưng có kẻ bần « Bà-Chiểu » viết mau viết thẩu, hoặc gấp rút trong khi gởi điện tín, e có khi đọc lầm với « Bạc-Liêu » thì khổ !

(Hồi đời đức linh-mục Bá-đa-Lộc đã năng dùng danh-từ « Sàigòn » trong thư tín, nhưng đến năm 1860 danh từ này mới phổ-biến rộng và thông-nhất lại).

Tiếp theo đoạn này, diễn-giả bắt qua kể vài chuyện về nét ăn thói ở thuộc đời quan Thượng Lê-văn-Duyệt, dưới triều hai vua Gia-Long và Minh-Mạng và nhắc lại hai thành xưa.

— thành do đức Gia-Long dạy quan Olivier de Puymanuel xây năm 1790, bị binh Minh-Mạng phá bỏ năm 1833, chỉ dùng được có 43 năm;

— và thành do đức Minh-Mạng dạy xây năm 1836, bị Tây bắn bằng còt mìn năm 1859, chỉ dùng vốn vẹn có 23 năm. Cũng năm 1859, tướng Rigault

de Genouilly sai đột bỏ một số lúa kho mà bọn Huê-kiểu Chợ-lớn trả giá xin mua đến tám triệu quan tiền Tây (8 000.060 fr.) mà de Genouilly không khứng bán vì e lọt vào tay binh Việt lấy đó ăn chổng lại Pháp, thà đột bỏ, và theo Charles Lemire thuật trong tạp-san Cổ Học Ấn-Hoa (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, năm 1935, trang 8), thì ngày 27 tháng giêng năm 1862 (ba năm sau trận giặc 1859), đồng tro còn ngùn bèn trong, thậm chí một cây gậy cầm tay ông thử thọc vào tro giầy lát rút ra đã nám cháy thành than...

Sau khi triệt hạ thành « citadelle de Saigon », binh lính Pháp dùng sắt và vôi gạch xây thành lính « sơn đá » của họ, mà vị-trí nằm gần đúng vị-trí thành Minh-Mạng năm xưa.

Lời năm một ngàn chín trăm bốn mươi ngoài, nhưn đào móng xây nhà lầu góc đường Tự-Do và Gia-Long, thợ đào được một mớ đá ong chiều dài cỡ bốn-mười phân, chiều ngang lời ba-mươi và bề dày lõi mười-lăm phân, đá ấy ông bà ta xưa gọi là « đá lục-lăng » hiện có để dành tại Viện bảo-tàng thủ-đô.

Đến đây diễn-giả để cập đến ba địa-diểm chánh mang danh những chốn phong-lưu « Sài-gòn » tự thuở đến giờ :

1) Thuở cựu trào cho đến những năm đầu Tây mới qua, khách phong-lưu đi giầy « mạ my » (lông đuôi ngựa) thả xích-phê đường Quảng-Tông-Cái (nay là đường Triệu Quang-Phục) và

có lẽ « Đền Ngạn » là mé sông chỗ trở ra đường Quảng-Đông này, chạy đến xóm ba chùa-miếu nay còn y chỗ cũ là « Quang-Vũ-miếu », « Tam-hội-miếu » thờ bà Chúa Thai-Sanh kể đó và « Thiên - Hậu - Miếu » trên đường Nguyễn-Trãi cũng ở gần góc đó.

2) Thời Pháp-thuộc thì người ăn chơi đi giày ăn-phón (made in France) chiều chiều dạo Cách-ti-na (đường Tự-Do ngày nay).

3) Trung-tâm Sài-gòn bây giờ lại dời về Chợ-Bến-Thành, và các bạn thanh-niên đầu chải tóc ra đi bách bộ trên phố Lê-Lợi.

Tiếp theo ông Vương-Hồng-Sên nhắc lại cuộc dự-kiến đào mà xưa để lấy đất làm nhà và theo ông nếu không khéo phòng ngừa, lần hồi lãng-mộ xưa và di-tích cổ sẽ bị cuộc xuống phu đào đất phá hết, tuy Sài-gòn như vậy thêm phần phong-quang nhưng mất phần cổ-tích.

Kể đó diễn-giả nhắc lại những nhân-vật cựu-thời, vừa Việt-Nam, Trung-Hoa, và Pháp. Ông điểm thêm vài giai-thoại hứng-thú nhưng không

kém phần khảo-cứu như sự biến-chuyển của danh-từ cơ-me « Kom-pong-luông » (Bến ngự, bến vua Miêu tám khi xưa) đổi lại « Tầm-phong-long » và « Tám-lên » trong các sách nôm và Hán-tự cựu trào cho đến rớt lại trở nên « Tân-long » ngày nay. Cũng như danh-từ « Kompong-kra-bei » (kompong là *vũng*, krabei là *con trâu*) biến thành « Ngưu-Tân », « Ngưu-Chữ » rồi « Vàm Bến-Nghé » « sông Bến-Nghé », v. v.

••

Đến đây, diễn-giả nói mấy lời tạ lỗi vì thời giờ bất tiện khó bề kéo dài câu chuyện mà khỏi nản lòng thính-giả và không quên mời xem tập khảo luận về « Sài-gòn năm xưa » ông đang trình kiểm-duyet và sẽ in xong lỗi đầu tháng tám tháng chín này.

(Bài này viết theo sự ghi nhớ lời nói của diễn-giả và không dám chắc đúng như ý-lý và nguyên-văn của ông Vương Hồng Sên, vì hôm ấy ông ứng khẩu và có một lối trình-bày đặc-biệt nghe dễ vui tai, nhắc lại đây không tránh được sự rườm rà).

T. MAI

Cứu quốc là luật-pháp siêu đẳng

Đồng-biểu Pháp-diễn (loi des XII Tables) thời Cồ La-Mã có câu : « *Salus populi suprema lex esto* », Que le salut du peuple soit la loi suprême, Cứu quốc phải là luật-pháp siêu đẳng, ý nói khi tổ quốc lâm nguy, việc cứu quốc là việc quan trọng hơn cả và phải đặt lên trên các luật khác.

Đề Đường thi trích dịch

Đây chút tơ tằm trả nghĩa dâu
Đem lòng người trước gửi người sau
Mong làm gió nhẹ qua hiên gác
Luống thẹn trăng non xẻ mái lầu
Ai xót Thanh-Liên bờ Thái-Thạch
Ta buồn Đỗ-Mục đất Dương-Châu
Đêm đêm đọc lại dòng thơ cũ
Có thấy tâm tình gặp gỡ nhau.

BÙI-KHÁNH-ĐÀN

Kính đề

Nếu có nhau...

** Mai sau dù có... **

*Còn nhắc làm chi chuyện bề dâu
Cho buồn kẻ khuất tui người sau
Đá không đông tổ xô trời dất
Thì nói chi trăng giốn cửa lầu
Ai xót ai rầu : bao khóe mắt ?
Ta sầu ta hận : một dòng châu.
Năm năm năm đợi người đêm ấy
Mà nát lòng ai : nếu có nhau...*

TRẦN-HỒNG-HÙNG

Kính họa

(đêm 6-7-1960).

THẰNG KHỜ'

của BỬU-KẾ



ÔNG từ chùa Thanh-Đạm một hôm bảo tôi : Thầy ạ, tôi để ý như vậy là đã hơn một tháng rồi đấy. Không một chiều nào tôi thỉnh chuông mà thằng Khờ lại vắng mặt.

— Y lên chơi trên gác chuông với bác?

— Dạ không, y đứng vợ vẫn trước cổng chùa.

— Bác biết y định làm gì không ?

— Tôi cũng chẳng biết nữa. Từ trên gác trông xuống cổng tam-quan xa lắm. Vả lại những lúc đó tôi cũng bận.

Nghe Ông từ nói thế, tôi nghĩ thầm : Không lẽ thằng Phan lại muốn ăn cắp vật gì

của chùa ? Thỉnh-thoảng tôi vẫn nghe ông từ hay Diệu-Minh than phiền mất trái mít, buồng chuối trong vườn hay một vài cái chén đĩa đựng các thức cúng đặt trên bệ trong gian nhà thờ mười tám vị La Hán. Nhưng từ trước đến nay, không một ai nghi Phan có cái bệnh xấu ấy.

..

Nhà tôi cách chùa chỉ một cánh đồng ruộng dùng làm bãi đá bóng cho trẻ con trong làng. Cũng có khi một vài con trâu, con bò đến đó để gặm những đám cỏ lơ-thơ

và hiếm hoi, thường bị những bàn chân giày xéo không sao vươn mình lên được.

Tôi có thói quen, mỗi khi ăn cơm chiều xong, thường đi bách bộ một mình, qua khỏi cánh đồng, khỏi ngôi chùa, khỏi trường học, đến một cái miếu con con, mái ngói đã đổ nát thì dừng lại rồi quay gót trở về. Hôm nào cao hứng, hai chân còn muốn rảo bước, thì cũng chỉ đến cái rạp cửa của ông Bá, cách miếu chừng vài trăm thước là cùng.

Trong cuộc đi dạo thường xuyên ấy, cũng có lúc tôi gặp Phan nhưng vô tình không lưu ý. Trong làng, trừ ông chú ruột là cụ Đồ Nhu, còn đối với Phan, tôi là người có nhiều cảm tình hơn cả.

Phan, con một người vợ lẽ của ông Hương Tâm đã quá cố. Chồng mất đâu được một tháng chị liền bỏ nhà ra đi, rồi biệt luôn tin tức.

Tôi đã đoán trước, người thiếu phụ tươi trẻ, có cặp mắt đa tình ấy không sao ở vậy để nuôi con, nhưng việc chị ra đi quá sớm, khiến tôi không thể nào lường trước được. Có kẻ bảo : Cái ý nghĩ tách rời khỏi gia đình Ông Hương Tâm đã đến với chị từ hơn một năm về trước, khi có mấy gánh cải lương cứ liên tiếp thay nhau đến diễn tại rạp Thanh Bình cách nhà Ông Hương chỉ có vài trăm thước. Nhưng không hiểu sao, mấy gánh cải lương đều lần lượt lên đường đã lâu mà người ta vẫn còn trông thấy chị, đôi mắt tư lự, nét mặt rầu rầu, ngồi ở ngưỡng cửa vách áo cho con bú.

Thế rồi chị nấn ná giữ phần lẽ mọn cho đến ngày ông chồng chung qua đời.

Trách nhiệm nuôi nấng đứa bé bỏ liêu ở lại, đáng lẽ về phần người vợ cả, được thừa hưởng một cái gia tài hơn vài chục mẫu ruộng với hai tòa nhà ngói toàn sắn gỗ tốt. Nhưng không biết vì nghĩ đến mấy đứa cháu bên gia đình mình, hay vì nỗi ghen tuông quá khứ vẫn còn nung nấu cõi lòng, mà bà Hương ghét lây đến cả Phan đứa con độc nhất của chồng năm ấy mới lên bốn. Bà giao nó cho ông Đồ Nhu, chú ruột của thằng bé, tuy nghèo nàn nhưng giàu tình thương yêu ruột thịt. Lắm người xui ông đồ hãy đâm đơn kiện bà Hương để lấy một ít tiền nuôi cháu. Nhưng ông chỉ đáp một câu vắn tắt : « Vô phúc mới đáo tụng đình » các ông, các bà ạ. Thế rồi ông vẫn để yên cho bà chị dâu tọa hưởng cuộc đời sung túc.

Bà Hương mừng thầm mình thoát được món nợ của ông chồng và người vợ lẽ để lại. Vì Phan lớn lên trong một cuộc đời hoàn toàn vô dụng.

Ông đồ được cái may mắn khỏi phải tốn tiền thuốc thang cho cháu. Phan lớn một cách nhanh chóng, mập mạp, khỏe mạnh. Mỗi năm có nhiều lắm, cũng chỉ ằm đầu nghet mũi một vài lần. Gương mặt nó có duyên, nhưng phải cái miệng, nếu nhìn kỹ thì thấy hơi xệch về bên phải một chút.

Nỗi khổ tâm của ông Đồ bắt đầu khi ông nhận thấy cô lẽ cháu mình sẽ suốt đời chịu tật.

Phan nói ngọng một cách đáng thương, ngọng đến nỗi không ai hiểu được nó muốn nói gì nữa. Lắm lúc nó phải dùng đến hai tay để ra dấu như những người câm thực-thọ.

Năm lên tám, chú nó gởi cho một ông khóa dạy võ lòng. Cấp sách đến rồi cấp sách về, như thế gần được ba tháng, nhưng một hôm, ông khóa buồn rầu bảo với ông đồ : « Thôi xin bác cho cháu ở nhà, tôi cũng đã cố gắng hết sức nhưng chẳng đi đến đâu cả .»

Thấy ông khóa thất bại, tôi nói với ông Đồ-Nhu thử giao nó cho tôi.

Tôi đem hết kiên nhẫn ra để chịu đựng với cái trí óc mịt mờ như đêm tối của thằng bé. Tôi chỉ dạy mỗi ngày ba chữ, rồi tự mình lặp đi lặp lại hàng trăm lần cho nó nghe. Nhưng qua hôm sau, vừa mớm thêm cho nó mấy chữ mới thì những chữ cũ đã lại rơi mất tự bao giờ. Lắm lúc tôi điên tiết lên, nhưng vẫn cố dần cơn nóng xuống, vì biết đối với Phan, dùng đến hình phạt cũng chẳng ích lợi gì.

Kể ra thì nó cũng ngoan ngoãn, chịu khó ngồi lý hàng giờ một chỗ, cố gắng uốn lưỡi để nói theo tôi, như những con sáo trong lồng khi bắt đầu học chào khách.

Có một điều khiến tôi ngạc-nhiên là đang học như thế, nhưng hễ nghe tiếng chuông từ bên chùa vọng sang thì nó ngồi thừ ra, xếp sách lại, đôi mắt mờ màng như nhìn vào cõi hư vô. Tôi đập vào vai hay giạt mạnh ở cổ áo, nó vẫn điềm nhiên như không hay biết gì, khác nào một vị chân-tu đang trong thời kỳ nhập định. Tiếng chuông vừa dứt, nó thở dài một cái, rồi linh-hồn như trở về với thể xác, nó lật vở ra, ngóng nghịu học lại. Đã nhiều lần tôi nhận thấy như vậy.

Sáu tháng thí-nghiệm không mang lại một chút kết quả cón con nào. Những đứa bé

cùng vào học một lần với nó, kể cả những đứa đàn độn nhất, cũng đã vào được trường làng.

Tôi sắp sửa đầu hàng thì cũng may nó bỏ tôi trước, nhất định không đến học nữa. Hai tháng sau, trí óc Phan trở nên tệ hơn, hình như bị hỏng thêm một bộ phận nào nữa. Suốt ngày nó đi lang thang, có khi không nhớ đến bữa cơm để trở về nhà nữa. Trên đầu nó hay đội một cái mũ, tự tay nó kết bằng lá mít.

Có khi đứng giữa đám đông, nó rống lên « o . . . ong . . . o . . . oong . . . » như tiếng chuông chùa. Nhiều lần người ta bắt gặp nó ôm cây đại ở bờ sông mà khóc, rồi ngắt những cành hoa, xâu thành một chuỗi, đem trồng vào cổ con nghê đồng đứng oai vệ giữa sân chùa.

Từ đó, Phan mất hẳn cái tên do cha mẹ đặt. Trong làng, từ bọn trẻ nhỏ cho đến người lớn, đều gọi nó là thằng Khờ. Chỉ riêng ông chú, còn xót tình máu mủ nên không nỡ. Cứ mỗi trưa, mỗi tối, ông lại đứng dưới giàn bầu, lớn tiếng gọi : Phan ơi, về ăn cơm con !

Cuộc đời của tôi, cũng như cuộc đời của thằng Phan êm đềm trôi qua. Nó mỗi năm một lớn thì tôi mỗi năm một già. Tôi không giàu thêm đồng nào thì nó cũng không thêm chút nào nữa. Vẫn đi lang thang, vẫn đội trên đầu cái mũ lá mít, vẫn ôm khóc gốc đại bên bờ sông. Khác trước ít nhiều, là tiếng gọi cháu của ông đồ. Tiếng ngán hơn và yếu hơn, tuy thế vẫn còn chứa chan tình thương mến : Phan ơi, về ăn cơm con.

*
* *

Quả đúng như lời ông từ nói với tôi. Nhưng hôm tôi đi dạo vào lúc chuông chiều thì thế nào cũng trông thấy thằng Phan ngồi trước cửa tam quan, đầu đội một cái mũ lá mít.

Một lần tôi bước đến gần nó. Trên gác, ông từ đang động chuông. Khác hẳn ngày thường, mỗi khi gặp tôi nó hay mỉm cười hoặc cúi đầu chào, nhưng nay nó nhìn người xa lạ, hay không trông thấy tôi đứng trước mặt cũng nên. Tất cả tâm hồn nó như bị lời cuốn theo làn sóng ngân dài của tiếng chuông, đột nẩy nổi tiếp theo đột khác. Tay nó cầm một cộng chuỗi ngắn, quay nửa vòng theo dáng điệu của người đánh chuông và mồm thì nhại theo một cách buồn cười... O... Ong... O... O..., Ong..., O... Ong...

Đâu có phải một mình tôi, nhiều đứa trẻ trong làng cũng đã chứng kiến cảnh thằng Khờ đánh chuông trong tưởng tượng. Ban đầu chúng đua nhau chế giễu, nhưng mãi về sau, thấy thằng này không mấy may chú ý nên chúng lại kéo nhau đi.

Một đứa trong bọn thuật lại với tôi đã một lần, Khờ vào chùa, bò lên gác, tay cầm lấy dùi chuông định đánh thì ông từ hay được, cầm thanh củi rượt theo, túm lấy áo Khờ, quật mấy cái vào mông rồi xềnh-xệch lỏi xuống. Một lần khác, nó chỉ mới mon men đến gần gác chuông thì đã bị ông từ củng mạnh vào đầu, và cũng từ đó nó sợ ông từ không dám bén mảng đến gần gác chuông nữa.

*
* *

Tôi đang ăn cơm trưa thì nghe có tiếng la lửa, tiếng la rất gần. Tiếp đến tiếng chân

chạy thình thịch, tiếng thùng sắt tây va chạm vào thềm giếng, tiếng ồn ào gọi nhau. Ngôi chùa Thanh-Đạm đang phát hỏa.

Tôi vội vàng bỏ đĩa bát, chạy chân sang, hy vọng giúp ích được ít nhiều trong công cuộc cứu hỏa. Vì sức yếu, tôi giữ việc nhúng chân chiếu vào cái bể chứa nước, đoạn có kẻ khác mang đi, đem phủ lên những nơi chưa bị ngọn lửa tàn phá.

Ông từ và một số trai tráng trong làng, đứng lên nóc nhà tầng, như các tướng lĩnh chỉ huy ngoài mặt trận, tay cầm những thùng nước do những bàn tay ở dưới đưa lên, hăng hái chống với thần hỏa.

Trong lúc hỗn loạn, náo nhiệt ấy, bỗng nổi lên tiếng chuông chùa, đàng hoàng, đồng dục như lần át cả tiếng ồn ào của đám người cứu hỏa. Giọng ngân dài của chuông vừa bị chìm đắm trong cảnh hỗn loạn, thì một tiếng khác đã lại nổi lên, ngân-ngã, thánh thót.

Khờ đang đứng trên gác chuông, đem hết sức hăng hái của tuổi trẻ, đem hết lòng thèm khát nung nấu bấy lâu để đánh những dùi chuông yên vui, mạnh mẽ.

Cái thang để leo lên gác chuông đã đem sang bên nhà tầng, không rõ Khờ đã làm thế nào để leo lên cái gác cao ấy được.

Thật là một cảnh lạ lùng đang diễn ra. Không phải những tiếng mõ cấp cứu đánh từng ba tiếng một để thúc dục lòng hăng hái của mọi người đang chung sức nhau để dập tắt ngọn lửa, mà những tiếng chuông dài, khoan thai, đem lại niềm yên tĩnh cho tâm hồn.

Mọi người đều bận vào công cuộc cứu hỏa, không ai có thể kiếm cách để ngăn cản, nên tha hồ cho Khờ một mình tự do vùng vẫy trên gác chuông.

Lửa sắp yếu dần bỗng bùng cháy dữ dội. Một ngọn gió nam nổi lên lúc giữa trưa đã trợ oai cho thần hỏa. Lửa ăn lan qua kho chứa thóc một cách nhanh chóng khiến đám người đang chiến đấu hăng hái, hóa ra bất lực. Thế rồi lửa nhảy từ ngọn cây thông này sang cây thông khác rồi bao vây lấy gác chuông.

Có những kẻ thương hại định kiếm cách đem thang đến để cứu Khờ, nhưng bị từng khối lửa ngăn lại không sao đến gần được. Tiếng yếu ớt hàng ngày của ông Đồ Nhu nay ướm đầm cả lệ, hoảng hốt gọi cháu : Phan ơi, nhảy mau xuống con, Phan ơi nhảy mau xuống con ».

Tiếng chuông vẫn nổi tiếp nhau vang lên. Nhưng bây giờ không còn có vẻ dang hoàng chậm rãi nữa mà dồn dập với nhau

hầu như kẻ đánh chuông muốn tranh thủ với thời gian. Bỗng nhiên có một phút yên lặng như tiếng chuông muốn nhường lại cho tiếng nổ vang dội của mấy đòn tay tre, tiếng ào ào của một mái nhà bị đổ sập.

Thế rồi khác nào ngọn đèn bốc sáng lên trước khi ngấm ngấm rồi tắt hẳn, một tiếng chuông gầm lên như tiếng hét của một con voi cuồng loạn, đưa ra xa đến những làng mạc chung quanh.

Đã sáu năm, từ ngày chiếc chuông đúc xong cho đến nay, chưa bao giờ người ta được nghe một tiếng oang oang, thanh thoát và kỳ diệu đến thế.

Khờ như đã gởi hết sức bình sinh của mình vào tiếng chuông cuối cùng ấy.

Gác chuông bị lửa thiêu mất tầng dưới đổ ụp xuống đầy văng Khờ ra ngoài, mặt úp lên đám cỏ, tay mặt còn khư khư nắm chặt lấy đuôi chuông.

BỮU-KẾ

ĐÃ PHÁT HÀNH :

4 TẬP THƠ CỦA THẦN-LIÊN LÊ-VĂN-TẮT

- 1) THẦN-LIÊN THI TẬP. — 2) MƠ BÓNG MẸ HIỀN.
3) BỨC TÂM THƯ. — 4) THẰNG CÂM ĂN ÓT.

— Phải là người tàn-phế, mới nói lên được nỗi lòng của một phế-nhơn.

— Chỉ có người ăn phải ớt cay, mới nói lên được nỗi lòng của THẰNG CÂM ĂN ÓT.

— Giá mỗi quyển : 10\$

TRỜI MƯA MÃI

(Tặng anh X.H.)

NHÂN NGÂU

Tầm tã mưa ngâu sớm lại chiều,
Lệ tràn e cạn hết tình yêu.
Sông Ngân tạm chứa nguồn thương nhớ,
Còn cả muôn năm để khóc nhiều.

TIẾC HOA

Tiếc đóa hồng non, nước trữu cảnh,
Sầu mây che khuất ánh ngày xanh.
Chờ tia nắng hồng, e tàn tạ,
Gửi sắc trao hương chiếc lọ sành.

ĐỢI NẮNG

Vắng mặt trời cao, bướm chẳng bay,
Hương chìm, hoa đợi chút heo may.
Ráng chiều rớt cỏ, cành gieo giọt,
Vũng nước đìu hiu loạn bóng mây.

CHỒN CHÂN

Đội nón toan đi, nước ngập đường,
Ngán trời, ngán đất, ngán văn-chương.
Trời mưa, đất lội, thơ ngầu vẩn,
Con muỗi bay quanh bốn bức tường.

Đ. T.



BA ME

Truyện ngắn :

DOÃN-DÃN

BUỔI sáng hôm ấy, sau khi đi chợ về, mẹ tôi ngồi khâu lặng lẽ ở một góc nhà. Lúc ấy, trong nhà hoàn toàn vắng vẻ : ba tôi đi làm và các em tôi đi học. Tôi mãi cúi húi dưới bếp nên không để ý đến sự yên lặng của mẹ tôi. Vì bình thường, tính mẹ tôi ít nói. Một lúc sau — tôi không biết là bao lâu — mẹ tôi bỗng gọi tôi lên và vẫn ngồi khâu, hỏi tôi bằng một giọng đều đều, bình thản :

— Dung này ! Con còn nhớ chú Phan không ?

Tôi trả lời mẹ tôi là « có » vì chú Phan là em họ mẹ tôi và trước kia đã ở cạnh gia đình tôi một thời gian.

Mẹ tôi lại nói, vẫn không nhìn lên :

— Cách đây ít lâu, chú Phan cho mẹ vay năm trăm, mẹ chỉ lo không có tiền trả...

Tôi tưởng mẹ tôi quên, vội nhắc :

— Ba con trả rồi ! Hôm ba trả, hình như mẹ cũng có đấy thì phải.

Mẹ tôi vẫn điềm nhiên, nói :

— Ba nói dối mẹ đấy. Ba chưa trả đâu...

Tôi hơi ngạc nhiên, vì ít khi ba tôi nói dối mẹ tôi và chúng tôi. Tôi ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi :

— Tại sao mẹ biết là ba nói dối ? Mẹ gặp chú Phan à ?

Mẹ tôi se se lắc đầu :

— Mẹ không gặp. Nhưng... mẹ biết. Mẹ biết tất cả... Chú Phan đang tìm cách bắt mẹ...

Nghe mẹ tôi nói đến đây, nỗi ngạc nhiên trong lòng tôi vụt tăng lên. Tôi ngồi nhanh xuống cạnh mẹ tôi, nghiêng đầu nhìn mẹ tôi, hỏi lại :

— Mẹ bảo sao ? Chú Phan định bắt mẹ ?..

Sắc mặt mẹ tôi vẫn thản nhiên. Bà ngừng khâu, nhìn tôi rất nhanh rồi lại cúi xuống :

— Ừ ! Mẹ lo lắm... Bây giờ chú ấy ở đâu ?

Tôi càng ngạc nhiên hơn. Vì mới tuần trước mẹ tôi và tôi đến nhà chú Phan chơi. Tôi hơi nhúu đôi lông mày nhìn thẳng vào mặt mẹ tôi :

— Hôm nọ mẹ mới đưa con đến chú Phan mà mẹ đã quên rồi à ?

Mẹ tôi ngồi thẳng người lên, nhìn tôi định nói điều gì. Nhưng khi gặp ánh mắt tôi, tự nhiên mẹ tôi ngừng lại. Rồi bất giác mẹ tôi thở dài, mỉm cười và lại cúi xuống khâu :

— À... ừ... Mẹ quên... Sao dạo này mẹ hay quên quá ! Mẹ nhớ ra rồi... Hôm ấy chính thím Phan khen mẹ béo ra phải không ?...

Tôi chưa hết ngạc nhiên và vẫn nhìn mẹ tôi, không biết nói sao thì mẹ tôi nhìn xuống bếp, bảo :

— Con đi làm cơm mau lên. Ba sắp về rồi. Mẹ thấy có mùi gì khen-khét..

Tôi chạy vội xuống bếp vì tôi chợt nhớ ra là nồi đậu kho tôi để trên bếp đã hơi lâu.

Bắt đầu từ phút ấy, tâm trí tôi luôn-luôn thắc mắc về câu chuyện mẹ tôi vừa nói với tôi. Những ý nghĩ không nhất định, rời rạc đi qua đầu óc tôi làm tôi bứt rứt, khó chịu. Nhưng nghĩ mãi, tôi vẫn không sao đoán được mẹ tôi định nói gì. Có lúc tôi cho là : vì ngồi một mình buồn nên mẹ tôi nói cho có chuyện. Nhưng tại sao mẹ tôi lại nói những câu không ăn nhập gì với nhau như thế ? Tại sao mẹ tôi lại đem « chú Phan » ra nói ? Nhất là tại sao mẹ tôi lại bảo chú ấy định bắt mẹ tôi ? Bao nhiêu câu hỏi mơ-hồ, mung-lung đồn-dập đi qua đầu tôi. Tôi nghĩ đến chú Phan và hơi lo ngại vì biết đâu lời mẹ tôi vừa nói lại chẳng là một sự thật ? ! « Hay chú Phan định bắt mẹ ? »

Tôi thầm tự hỏi như vậy và tôi nhận ra ngay là mình vô lý. Vì mẹ tôi làm gì mà chú ấy bắt mẹ tôi ? Quanh năm, suốt tháng, mẹ tôi không bước chân ra khỏi nhà thì còn làm sao xảy ra được chuyện gì lỗi thời giữa mẹ tôi và những người khác ? Và lại, chú thím Phan đối với gia-đình tôi rất tốt, từ trước đến nay. Khi còn ở cạnh nhà chú, thỉnh-thoảng Ba mẹ tôi lại sang vay tiền chú trong những lúc gia-đình tôi túng-thiếu. Điều này, tuy ba mẹ tôi không nói ra, nhưng tôi biết. Tôi còn biết rằng, nhiều khi, tự ý chú cho mẹ tôi vay, không đợi mẹ tôi phải hỏi. Ba mẹ tôi vẫn nhắc đến lòng tốt của chú. Vậy mà có sao, tự nhiên hôm nay, mẹ tôi lại nói những lời như vậy ?

Tôi nhớ lại nét mặt và ánh mắt mẹ tôi khi nói chuyện với tôi, tôi thấy không có một bằng chứng nào tỏ ra là mẹ tôi nói đùa. Vả lại, ai lại nói đùa những chuyện như thế? Nhưng tôi cũng không dựa được vào điều gì để có thể tin là mẹ tôi nói thật.

Tôi vừa vui xong nồi cơm thì có tiếng mẹ tôi gọi. Tôi chạy vội lên. Cổ giữ giọng thản nhiên, tôi hỏi:

— Mẹ bảo con điều gì?

Mẹ tôi vẫn ngồi khâu ở chỗ cũ, không nhìn tôi, hỏi:

— Lâu nay con có nhận được tin tức gì của chị Hiền không?

Chị Hiền là người lấy anh Huy tôi, hiện ở miền Trung. Anh Huy tôi đã bỏ mình trong một tai nạn xe hơi, cách đây ba năm.

Tôi nhìn mẹ tôi, trả lời:

— Hôm đã lâu, chị Hiền có gửi thư về. Cả mẹ cũng biết. Mẹ quên rồi sao?

Mẹ tôi lại yên lặng, cái yên lặng hơi khác thường. Về mặt mẹ tôi vẫn bình thản, nhưng cả vẻ bình thản của mẹ tôi hôm nay cũng khác thường.

Tôi ngắm mẹ tôi và linh tính cho tôi biết đang có một sự gì xảy đến với mẹ tôi và tất cả chúng tôi. Tôi định hỏi mẹ tôi điều gì, nhưng nghĩ thế nào, tôi lại thôi. Tôi thấy miệng mẹ tôi lẩm nhẩm những gì tôi không nghe rõ.

Bất giác, mẹ tôi ngừng lên bảo tôi:

— Con đi sắp cơm đi, kéo ba về lại gát, mẹ không chịu được... Mẹ sợ ba lắm...

Nghe mẹ tôi nói, tuy lòng thắc mắc về những lời nói của mẹ tôi, nhưng tôi vẫn đứng lên nghe theo lời bà. Trong lúc lau bát đĩa sắp cơm, những lời nói của mẹ tôi cứ vang lên trong tiềm thức tôi...

« Mẹ sợ ba lắm... » Lời nói này làm tôi vụt hình dung đến bộ mặt nghiêm khắc của ba tôi. Đôi mắt lúc nào cũng như cau lại, thụt sâu sau đôi kính trắng của ba tôi xoáy vào tâm trí tôi. Không hiểu sao, từ ngày ra đời, tôi chưa bao giờ được thấy ba tôi nói một lời dịu-dàng, âu-yếm với mẹ tôi, và ngay cả với chúng tôi. Càng nhớ lên, tôi càng cảm thấy giữa ông và mẹ con tôi có một sự ngăn cách bao la mà chúng tôi không sao vượt nổi. Tôi không hiểu tôi bắt đầu sợ và oán ba tôi từ ngày nào. Nhưng mỗi lần ba tôi mắng mẹ tôi thì hình ảnh ba tôi đánh mẹ tôi, hồi tôi còn nhỏ, lại hiện lên rõ rệt trong đầu óc tôi khiến tôi sợ ba tôi đến ghê rợn.

Hồi ấy, tôi mới lên năm tuổi. Tôi còn nhớ, hôm đó, mẹ tôi và tôi nằm trên chiếc võng mắc ở giữa nhà. Ba tôi đi đi, lại lại gần mẹ tôi, nét mặt giận dữ. Tôi nhắm mắt lại và ôm chặt lấy mẹ tôi. Tôi không hiểu gì cả, tôi chỉ biết rằng ba mẹ tôi đang cãi nhau to lắm. Bỗng Ba tôi quát lên:

— Đồ khốn nạn!

Tôi giật mình, mở choàng mắt ra và tôi chợt gặp đôi mắt ba tôi đang trừng trừng nhìn mẹ tôi. Lúc đó, tôi vừa sợ vừa ghét ba tôi đến cùng độ. Chưa bao giờ tôi thấy ba tôi hung ác đến thế. Người tôi run lên. Tôi ôm chặt mẹ tôi hơn và òa lên khóc. Mẹ tôi vùng dậy định nói, đầu tóc mẹ tôi rũ ra mất đồ ngầu. Ba

tôi sẵn đến, giơ thẳng tay tát vào mặt mẹ tôi. Tôi hét lên. Ba tôi giằng tôi ra khỏi tay mẹ tôi, đẩy tôi vào một góc nhà. Đầu tôi va phải tường làm tôi quay cuồng và ngã xệp xuống đất...

Rồi sau đó, câu chuyện xảy ra thế nào, tôi không nhớ hết. Nhưng từ đấy, tôi sợ ba tôi, đồng thời cũng ghét ba tôi. Sau này, lớn lên, tôi vẫn không quên được hình ảnh ba tôi đánh mẹ tôi hôm đó. Tôi không hiểu mẹ tôi đã có lỗi gì, nhưng tôi thương xót mẹ tôi. Tôi nhận thấy rằng, từ ngày khôn lớn, chưa bao giờ tôi thấy mẹ tôi dám cãi lại một lời nào của ba tôi, ngay cả những khi ba tôi vô lý. Điều này khiến chị em chúng tôi bức tức mẹ tôi. Sau mỗi lần ba tôi trừng mắt quát mẹ tôi, tôi lại thấy ghét ba tôi hơn. Ba tôi hình như không để ý đến thái độ của chúng tôi đối với ông. Có lẽ ba tôi cho chúng tôi chỉ là những đồ « nhai ranh » — tuy tôi đã 20 tuổi — không cần đếm xỉa đến.

Mẹ tôi thì hình như lúc nào cũng sẵn sàng chịu đựng những lời gắt gỏng, những cái lườm mắt của ba tôi. Trong khi ba tôi mắng mẹ tôi, mắt ông long lên trong đôi kính trắng, nét mặt ông nhăn lại một cách đáng sợ. Thường những lúc ấy, các em tôi, mỗi đứa chạy một nơi. Vì theo kinh nghiệm, đứa nào ở gần mẹ tôi lúc đó, chắc chắn sẽ bị ba tôi cho năm bảy cái bạt tay hay một loạt roi mây vào mông. Chỉ một mình tôi là ở nhà chứng kiến những lời ba tôi « nói » mẹ tôi. Lúc đó, tôi không sợ ba tôi một chút nào.

Tôi nhìn mẹ tôi và thương bà đến cùng độ. Nhưng có điều tôi không hiểu được ở mẹ tôi là, chính những lúc ấy lại là lúc

tôi nhận thấy nét mặt bà bình tĩnh nhất. Trong khi ba tôi nói, mẹ tôi vẫn làm việc như thường như không nghe thấy những lời nói của ba tôi. Bà vẫn sai bảo tôi bằng một giọng rất điềm tĩnh và âu yếm; âu yếm hơn cả những lúc bình thường. Ba tôi thấy mẹ tôi im lặng, ông càng tức thêm. Và càng nói, ông như càng uất lên, càng dùng những lời tàn tệ. Tuy vậy, nếu mẹ tôi có nói xen vào, ba tôi lại hét lên :

— Cô im ngay ! Tôi lại đập cái bát này vào mặt cô bây giờ ! » Thế là mẹ tôi lại im bặt !

Những lần như vậy, đầu óc tôi như muốn vỡ tung ra, hai tai và mặt tôi nóng bừng. Tôi muốn hét lên : « Ba tàn nhẫn lắm ! » Nhưng đôi mắt ba tôi làm tôi không mở miệng ra được.

Tôi không hiểu trước kia, ba mẹ tôi có hay cãi nhau như thế không và tôi cũng không biết tại sao ba tôi lại đối xử với mẹ tôi như vậy. Ngày còn sống mà bà tôi, tôi hay gọi chuyện để bà tôi nói về ba mẹ tôi cho tôi nghe : Tôi được biết rằng, trước kia mẹ tôi đẹp lắm và được rất nhiều người hỏi. Trong số đó có ba tôi. Ba tôi là con một người bạn của ông ngoại tôi. Hình như hồi đó, mẹ tôi chê ba tôi, không bằng lòng lấy ba tôi. Nhưng ông bà ngoại tôi bắt phải lấy.

Có lẽ vì vậy nên sau này mẹ tôi ngấm ngấm đau khổ. Ba tôi biết thế nên thù ghét mẹ tôi. Và ông trút cả sự thù ghét ấy lên đầu mẹ con chúng tôi. Nhiều khi, tôi có cảm tưởng như giới sinh mẹ tôi ra để cho ba tôi hành hạ.

Ba tôi làm tôi kinh sợ, hoang mang và lo cho đời tôi khi tôi nghĩ rằng sau này

tôi sẽ lấy phải một người chồng có tâm tính giống tâm tính ba tôi.



MỌI người đã ngồi vào bàn ăn, mẹ tôi vẫn ngồi khâu, không nói một lời nào.

Tôi vào mời mẹ tôi ra xơi cơm, mẹ tôi ngẩng đầu lên, dịu dàng bảo :

— Mẹ không ăn đâu. Ba với các con cứ ăn đi.

Lúc này thì tôi bắt đầu lo lắng, hỏi gặng mẹ tôi :

— Tại sao mẹ lại không ăn ? Có chuyện gì thế, mẹ ?

Mẹ tôi vẫn yên - lặng. Tôi thấy lạ, ra bảo cho ba tôi hay. Ba tôi quay đầu về phía mẹ tôi, nói :

— Mẹ nó còn làm gì mà không ra ăn cơm cho chúng nó ăn.

Mẹ tôi không trả lời, vẫn cầm cúi đưa mũi kim trên chiếc màn đã cũ. Tôi và các em tôi vào kéo mẹ tôi ra.

Khi thấy ba tôi, mẹ tôi nhìn ông, nói giọng lo sợ :

— Cậu cứ cho các con ăn cơm đi... Tôi không dám ăn đâu... Tôi no lắm...

Ba tôi chưa kịp nói gì thì mẹ tôi đã quay sang tôi, nói :

— Con Dung nó mắng mẹ nó đấy...

Ba tôi đưa mắt nhìn nhanh sang tôi, rồi lại nhìn mẹ tôi. Chúng tôi ngơ ngác nhìn mẹ tôi không hiểu gì. Ba tôi hỏi :

— Ở nhà, con Dung lại cãi mẹ mày phải không ?

Tôi chưa biết nói sao thì mẹ tôi đã giơ tay khua-khua trong không khí, nói :

— Nó không cãi mẹ nó. Nhưng thằng Huy nó mắng tôi... Nó xui chú Phan bắt tôi...

Lúc nói câu đó, trông mặt mẹ tôi đỏ lên một cách đáng sợ ; vẻ mặt mẹ tôi đại đi. Chúng tôi lo ngại nhìn nhau. Bỗng, em Thu tôi khóc oà lên, ôm lấy mẹ tôi, gọi :

— Mẹ ! mẹ làm sao thế này ?... Nét mặt ba tôi hơi đổi sắc. Ông đến gần mẹ tôi, hỏi :

— Mợ vừa nói gì ? Thằng Huy nào ? Mẹ tôi ngồi xuống divan, nhìn ba tôi như van lơn :

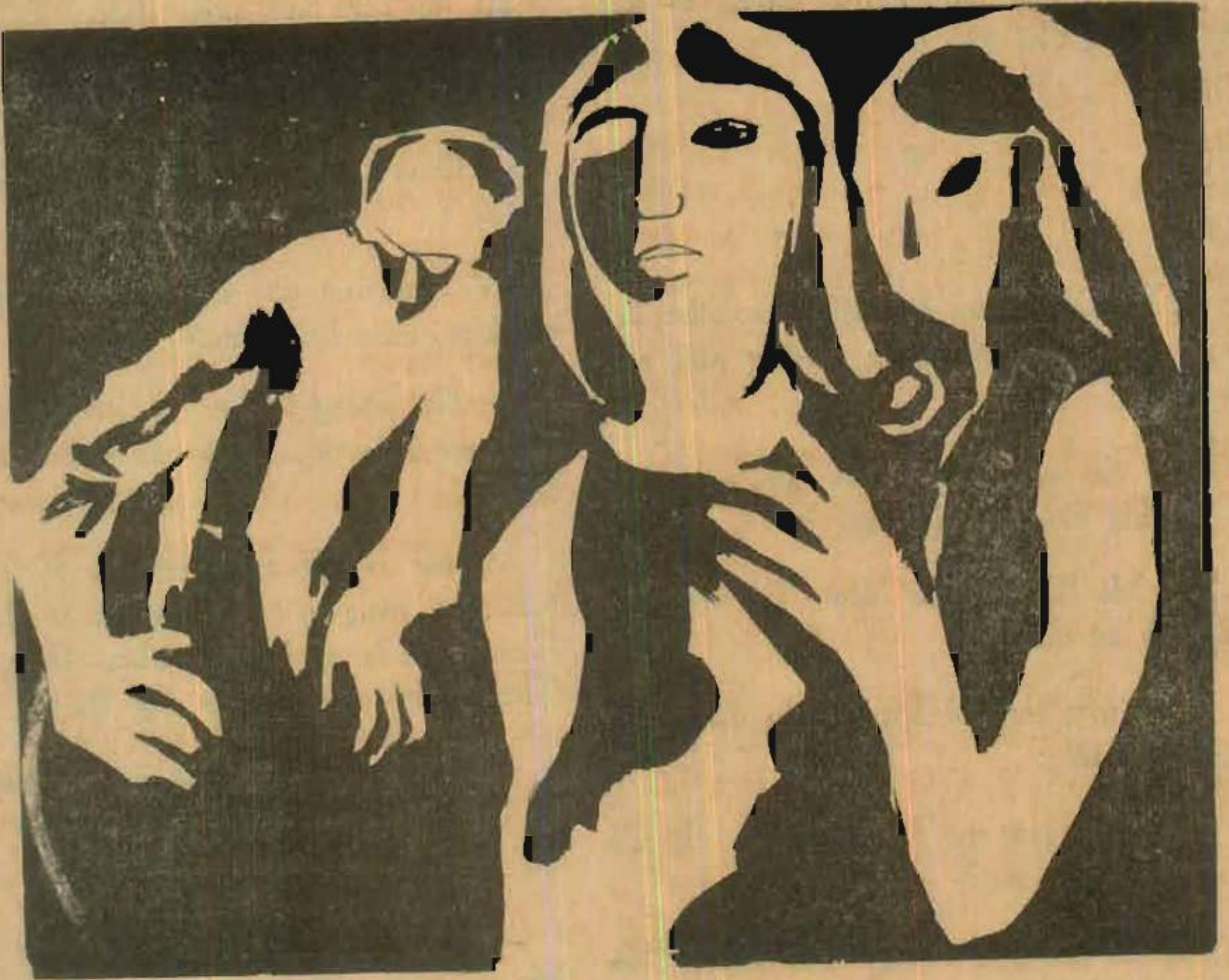
— Thôi ! tôi xin cậu ! Cậu đừng vờ nữa... Năm ngoái tôi vay bác Lương hai trăm, cậu mắng tôi, cậu định đánh tôi...

Nghe đến đây, tất cả chúng tôi, không ai bảo ai, cùng hòa lên khóc, ôm lấy mẹ tôi. Ba tôi vừa ngơ ngác, vừa lo sợ. Ông nhìn mẹ tôi không chớp mắt. Mối ông mím lại. Miệng mẹ tôi thì - thắm những gì, không ai nghe rõ.

Một lát sau, ba tôi thở dài, nói :

— Mẹ chúng mày lại ngẩn-ngơ rồi...

Tôi thấy nét mặt ba tôi đánh lại ông lẳng lẳng ra bàn ngồi. Tôi chạy đến quỳ xuống ôm chân ba tôi, khóc nức nở :



— Ba !... Me sao thế... ? Bây giờ phải làm gì, Ba... ?

Ba tôi bảo chúng tôi bình tĩnh. Vì me tôi tuy thế, nhưng không sao cả. Rồi ông cho chúng tôi biết là ngày xưa, khi bà ngoại tôi mất, vì quá xúc-dộng, me tôi đã bị ngất ngơ như thế này một lần. Hồi đó, tôi mới được ba tuổi. Rồi độ ba tháng sau, tự nhiên me tôi khỏi.

Nghe ba tôi nói vậy, chúng tôi vẫn không khỏi lo và chúng tôi quây chung-quanh me tôi mà khóc ..

Từ hôm ấy, me tôi mỗi ngày một ngất ngơ thêm lên. Mấy hôm đầu chúng tôi xôn xao đi tìm thầy thuốc. Nhưng ông lang

nào cũng bó tay trước bệnh tình của me tôi. Theo ý ba tôi thì cứ để me tôi như vậy, ít lâu me tôi sẽ khỏi. Nhưng ruột gan tôi như đứt ra từng khúc. Không lúc nào tôi khỏi nghĩ đến sự chết của mẹ tôi. Chẳng hiểu sao, tự nhiên tôi lại cho là mẹ tôi sẽ chết. Các em tôi nghĩ học cả. Chỉ riêng ba tôi là vẫn đi làm. Ông có vẻ không lo lắng lắm. Nhưng ông làm-lì trước sự lo lắng của chúng tôi. Trong cái làm-lì ấy, tôi mơ hồ nhận thấy một sự gì đang ngấm ngấm bốc lên trong lòng ba tôi và chắc làm ba tôi đau-khổ. Nhiều khi, tôi bắt gặp ba tôi đứng lặng-lẽ nhìn me tôi, nét mặt đăm chiêu, nghĩ-ngơ. Khi thấy tôi, ông lại quay đi, ra bàn viết, hoặc bắt mẹ tôi uống

thuốc (vì mẹ tôi rất sợ thuốc) để che dấu điều gì.

Trong nhà tôi suốt một tuần lễ đầu, buồn rầu và vắng lặng như những ngày có tang. Có điều tôi lấy làm lạ là, tuy mẹ tôi ngăn-ngor, nhưng mẹ tôi vẫn nhớ được tất cả những điều đã xảy ra cách đây hàng vài chục năm, và cả hồi chưa có chúng tôi. Tuy tôi không tin hoàn toàn những lời mẹ tôi kể lại. Nhưng tôi hiểu rằng trong những điều mẹ tôi nói ra, đều có ít nhiều sự thật. Thường thường, mẹ tôi chỉ ngồi lăm-lúi, khâu vá suốt ngày. Mẹ tôi lôi cả những bộ quần áo đã bỏ đi từ lâu của ba tôi và chúng tôi, ra khâu lại.

Tôi luôn luôn ngồi bên mẹ tôi. thỉnh thoảng mẹ tôi lại ngẩng lên nói chuyện với tôi hoặc hỏi tôi những điều tôi không biết. Tôi nghiệm ra rằng, tất cả những câu chuyện do mẹ tôi nói ra đều có dính đến tiền bạc. Mẹ tôi kể cho tôi nghe hết những người ba mẹ tôi đã vay tiền của họ. Rồi mẹ tôi kể lại cả những trận đòn ba tôi đánh

me tôi ; những lời ba tôi mắng me tôi từ ngày chưa có chúng tôi. Sau khi nói xong, mẹ tôi lại phá lên cười. Giọng cười của mẹ tôi lúc ấy nghe thật ghê-rợn. Nhưng lần như vậy, tôi lại gục đầu vào lòng mẹ tôi mà khóc và mẹ tôi lại xoa đầu tôi, dịu-dàng lau nước mắt cho tôi như ngày tôi còn bé.

Theo trí suy đoán của tôi, tôi cho rằng có lẽ mẹ tôi đã phải khổ sở lắm từ ngày làm bạn với ba tôi, cả vật chất lẫn tinh thần. Vì, theo tôi được biết thì gia-đình tôi chưa thời gian nào được sống trong cảnh phong lưu dư-dật.

Ba tôi kiếm tiền một cách chặt vật để nuôi năm chị em tôi đi ăn học. Hình như ông luôn luôn tỏ ra không cần tiền. Nhưng lúc nào ông cũng bị bạn tâm về tiền bạc. Nhiều khi ba tôi gắt mắng me tôi cũng chỉ vì tiền.

Ba tôi cho rằng sở dĩ gia-đình tôi nghèo khổ là vì me tôi và chúng tôi. Bởi vậy, những năm gần đây, ông hay gắt với

BÁN NGUYỆT SAN

SỔNG

XUẤT BẢN 1 VÀ 15 MỖI THÁNG

Tiếng nói chung của những người chống Cộng với sự đóng góp của trên 40 nhà văn tranh đấu.

Chủ-nhơn : NGÔ-TRONG-HIỆU
Thư-ký tòa-soạn : DUY-SINH

Chủ-bút : LƯU-HÙNG
Họa-dàn : VỊ-Ỡ

60 trang giá : 7\$

me tôi và chúng tôi cả từ những điều rất nhỏ. Khi ba tôi đã gặt thì câu chuyện dù nhỏ đến đâu, ba tôi cũng có thể làm to ra được. Ba tôi thường săn những món tiền nhỏ để tiêu hoang một món tiền to. Và chính những món tiền nhỏ này hay làm ba tôi gay-gắt nhất.

Như hồi tháng trước. Trong lúc ba tôi đi làm, mẹ tôi ở nhà mua một quả mít về chia cho chị em tôi — vì có lần Thu nhắc đến mít — Mẹ tôi để ra một nửa, phần ba tôi. Thu biết tính ba tôi, bảo :

— Mẹ cứ ăn hết đi là xong. Để phần ba, ba lại mắng cho, chả bõ !

Tôi cũng nói với mẹ tôi như vậy, nhưng mẹ tôi không nghe. Trường cũng đứng đấy, nhắc mẹ tôi :

— Mẹ không nhớ « chiếc bánh rán » hôm nọ à ?

Mẹ tôi chỉ mỉm cười. Tính mẹ tôi vẫn vậy. Cách đấy ít lâu, mẹ tôi cũng mua vụng bánh rán về cho chúng tôi ăn và để phần ba tôi hai chiếc. Khi đi làm về, ông vừa ăn vừa kỳ-kèo mẹ tôi là « : hoang »; là : « không biết tiêu tiền. » Ba tôi cứ nói cho đến khi hai chiếc bánh rán trôi hết xuống dạ dày. Mẹ tôi tức lắm. Bà phàn nàn với chúng tôi :

— Lần sau mẹ chỉ ăn hết đi là xong. Vừa được ăn lại vừa được nói !

Mẹ tôi nói vậy, nhưng lần sau, rồi những lần sau nữa, mẹ tôi vẫn để phần ba tôi những món quà mua vụng và tấn kịch mọi khi lại diễn ra đúng như chúng tôi đoán trước. Có lần tôi đã bênh mẹ tôi và bị ba tôi đánh vì điều đó.

Vậy mà hôm ấy, mẹ tôi cũng cứ nhất định để phần mít cho ba tôi. Tôi không muốn phải chứng kiến bộ mặt cau-có của ba tôi ; tôi không muốn phải trông thấy mẹ tôi yên lặng một cách nhu nhược trước những lời day nghiền của cha tôi nên sau khi mẹ tôi cắt nửa quả mít vào hòm gạo, tôi dành lúc mẹ tôi làm cơm, lấy ra chia cho các em tôi ăn hết.

Khi ba tôi đi làm về, tôi chưa kịp cho mẹ tôi biết điều đó thì bà đã gọi Thu, bảo :

— Thu lấy mít ra đây cho mẹ, mẹ gỡ sẵn bẻ ba ăn tráng miệng.

Tôi định bằm mẹ tôi vào trong nhà nhưng mẹ tôi lại không nhìn tôi. Thu đứng ngẩn mặt ra hết nhìn mẹ lại nhìn tôi. Tôi chưa biết nói sao thì ba tôi đã nhìn mẹ tôi, nói, giọng hơi sảng :

Nóng chết đi thế này thì lại mua mít !

Rồi ba tôi chép miệng, ngồi vào bàn ăn.

Mẹ tôi chỉ cười, bảo :

— Cũng tại cây mít nữa. Ra quả mùa đông thì không ra lại nhầm đúng mùa hè mà chín !

Ba tôi quay lại :

— Thôi ! Cô đừng chống như chống bão nữa. Tôi bảo cô mua à ?

Tôi vội xen vào :

— Nhưng... mẹ con có mua đâu. Mẹ con nói đùa...

Mẹ tôi và Thu tròn mắt lên nhìn tôi một thoáng, rồi mẹ tôi bảo Thu :

— Thu vào đem ra đây cho mẹ.

Lúc ấy tôi mới quả quyết, nói :

— Chúng con ăn hết rồi.

Me tôi tưởng tôi nói đùa. Nhưng khi nhìn nét mặt tôi, me tôi biết là tôi nói thật. Bà chưa kịp nói gì thì ba tôi đã ngoảnh sang nhìn tôi. Ông hơi nhíu đôi lông mày lại, giọng đồng-dạc :

— Con Dung đem ra cho me mày. Khi nghe ba tôi nói và nhìn đôi mắt ba tôi, tôi hiểu rằng ông đã biết chắc chắn là chúng tôi ăn hết thật rồi, nhưng ông vẫn bảo tôi như thế để có cớ mắng tôi.

Tôi vẫn thản nhiên :

— Con ăn hết rồi.

Ba tôi đứng dậy :

— Ai cho mày ăn ! Đồ vô phúc !

Tôi nhìn ba tôi, không nói gì. Chẳng hiểu cái nhìn của tôi thế nào mà ba tôi bỗng quắc mắt lên mắng :

— Mày còn đứng đấy mà dương mắt lên với tao à ?

Tôi đã định cúi đầu, đi xuống bếp cho êm chuyện. Nhưng ba tôi lại nói :

— Quân này bây giờ mắt dậy thật !

Tôi vừa đi được vài bước, bỗng ba tôi gọi giật lại :

— Dung !

Tôi ngừng lại. Ba tôi quát :

— Có phải mày định coi tao không ra cái gì nữa phải không ?

Lúc ấy, trong ba tôi tức giận, thật ra, tôi cũng hối hận là mình đã trót chia mít cho các em. Tôi muốn nói ý định của tôi cho ba tôi hay, bằng

một giọng ôn hòa, lễ phép. Nhưng chẳng hiểu nghĩ sao, tôi lại nói :

— Con không định thế... Nhưng .. không phải lỗi tại con ..

Ba tôi đến gần tôi hơn :

— Mày còn cãi à ?

— Sao Ba lại nghĩ ... con cãi ba... Một cái tát như sét đánh vào mang tai tôi, cắt đứt câu nói của tôi. Đầu óc tôi quay cuồng. Tôi cảm thấy như có hàng trăm chiếc máy bay đang bay trong tai tôi. Sự bức tức làm tôi nói không nghĩ ngợi :

— Con không muốn ba mắng me nên con ăn hết... Con không muốn trông thấy ba vừa ăn vừa riết-móc me con...

Ba tôi không kìm được nữa. Ông sẵn đến, đánh tôi túi-bụi.

Tôi không khóc mà cũng không đỡ. Tôi chỉ hét lên :

— Ba ác lắm ! Con mong ba đánh chết con đi.

Tự nhiên tôi muốn đầy dọa thân tôi trước mắt me tôi. Thu thấy tôi bị đòn, lui xuống bếp khóc thút thít. Tôi nhìn me tôi. Mắt me tôi đỏ hoe. Tôi thấy me tôi đứng dậy tiến đến can ba tôi. Nhưng bà bỗng ngừng ngay lại, nét mặt bà trở nên bình tĩnh lạ thường, bình tĩnh đến độ lạnh lùng như những khi bà bị ba tôi mắng tàn tệ nhất. Me tôi nhìn ba tôi, nói như rít lên :

— Cậu cứ đánh chết nó đi ! Tôi chỉ sợ nó sẽ oán cậu suốt đời.

Khi nghe me tôi nói vậy, ba tôi ngừng tay đánh tôi, quay sang nhìn me tôi với vẻ hằn-học như muốn đánh cả me tôi.

Rồi bắt giắc ba tôi bỏ mặc me con tôi, vào phòng riêng đóng sập cửa lại.

Tôi chạy đến ôm chầm lấy me tôi và gục đầu vào lòng bà mà khóc lên nức nở...



SANG đến tuần lễ thứ ba thì bệnh tình của mẹ tôi không tăng thêm nữa. Và chúng tôi cũng không còn hoang mang, hoảng hốt như những ngày đầu. Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng như mẹ tôi không sao qua khỏi... Hình ảnh một sự chết chóc luôn luôn xoắn lấy tâm trí tôi. Lắm khi tâm thần tôi rối loạn khiến tôi chán nản tất cả.

Những phút ấy là những phút tôi cảm thấy tôi được gần mẹ tôi nhiều nhất. Tôi vẽ ra trong óc tôi cuộc sống của chị em tôi nếu chẳng may mẹ tôi mất đi. Lòng tôi tê buốt và đau đớn như mẹ tôi đã chết thật rồi. Chúng tôi cần mẹ tôi như những chiếc lá non cần bám vào một cành cây để sống. Nếu cành cây gãy đi, những cánh lá sẽ không sao tránh khỏi nắng mưa làm cho tàn héo... Có lúc tôi ôm chặt lấy mẹ tôi, nức nở bên mẹ tôi như một đứa trẻ.

Nhiều đêm, nằm cạnh mẹ tôi, tôi chỉ ngắm mẹ tôi mờ to hai mắt nhìn trần-trần lên đỉnh màn, mà khóc ngấm-ngấm. Tôi không dám để cho mẹ tôi biết là chúng tôi buồn-rầu, lo-lắng về mẹ tôi. Tôi nghiệm ra rằng, hôm nào chúng tôi nhắc nhiều đến ba tôi, hoặc có nhiều người đến thăm mẹ tôi, thì hôm đó, mẹ tôi ngán-ngor nhiều hơn mọi ngày. Mẹ tôi đâm ra sợ-sệt tất cả mọi người thân thuộc. Ai đến thăm, mẹ tôi cũng chỉ van lạy. Người làm cho mẹ tôi sợ nhất là ba tôi. Lắm khi, ba tôi vào phòng, bị mẹ tôi vừa

xua đuổi vừa chấp hai tay lạy. Những lúc ấy, dù ba tôi cố dè nén, tôi cũng vẫn nhận thấy nét đau khổ hiện trên mặt ba tôi.

Một hôm, vào phòng với mẹ tôi, tôi thấy mẹ tôi đang vừa khóc, vừa nói với ba tôi :

— Tôi xin cậu...Cậu đừng bắt các con xa tôi...Cậu đừng hành-hạ tôi nữa...

Tôi ngo-ngác nhìn ba tôi, không hiểu. Tôi ngờ là ba tôi đã nói gì để mẹ tôi phải nói vậy.

Mẹ tôi lại nín khóc, nói với ba tôi bằng giọng kể lể :

— Năm ngoái, tôi vay đi Khương hai ngàn kéo cho con Dung đôi hoa để nó đi ăn cưới con Tâm, cậu còn nhớ không?...À... mà tôi dấu cậu... Cậu mà biết thì cậu giết tôi phải không...

Ba tôi vẫn đứng khoanh tay, nhìn mẹ tôi và nghe mẹ tôi nói. Nét mặt ông có vẻ lạnh-lùng và đăm chiêu như người đang theo đuổi một ý nghĩ gì. Tôi ngồi xuống cạnh mẹ tôi. Tôi biết rằng những lời mẹ tôi vừa nói là một sự thật. Vì mẹ tôi quả đã vay, vụng ba tôi, đi Khương một số tiền để kéo hoa cho em Thu tôi. Tôi vẫn dấu điều này cho mẹ tôi. Nhưng bây giờ lại chính mẹ tôi nói ra. Nếu là lúc bình thường, chắc hẳn ba tôi đã mắng mẹ tôi và đã đánh Thu. Nhưng lúc này ông yên lặng. Tôi mang máng hiểu rằng trong sự yên lặng của ba tôi, ngấm chứa một cái gì tấm tức oán giận.

Tôi ngắt lời mẹ tôi ;

— Mẹ chỉ nói vắn vơ mãi... Mẹ không im đi, con mời ông lang về bốc thuốc cho mẹ bây giờ...

Thấy nói đến « mời ông lang », mẹ tôi im ngay. Tôi thấy ba tôi thoáng trừng mắt nhìn tôi, nói như ra lệnh :

— Cứ để cho mẹ mày nói.

Tôi lo sợ nhìn mẹ tôi :

— Mẹ con cần nghĩ...

Ba tôi chặc lưỡi :

Mày thì biết gì !

Rồi ông vừa đi ra vừa lẩm nhẩm một mình những gì tôi không nghe rõ. Tôi chỉ nghe thoáng thấy ba tiếng : « không trách được » chỉ ba tiếng ấy cũng đủ để tôi đoán được ý nghĩ của ba tôi. Tôi oán bà tôi hơn lúc nào hết. Tại sao đến thế này mà bà tôi vẫn còn tỏ vẻ hằn học đối với mẹ tôi. Tuy mẹ tôi không biết, nhưng tôi biết, chúng tôi biết. Tôi nghĩ rằng sở dĩ mẹ tôi bị ngán-ngờ một phần cũng vì ba tôi. Vậy, Sao ba tôi không hiểu như thế ? Hay tôi không hiểu được những ý nghĩ ẩn sâu trong lòng ba tôi ? Nhiều lúc thấy ba tôi có vẻ điềm nhiên trước bệnh tình của mẹ tôi, tôi muốn nói điều tôi thắc-mắc đó với ba tôi. Nhưng tôi vẫn không có can đảm để nói gì với ba tôi và cũng vì tôi nhớ, một đêm, tôi bừng tỉnh dậy, định ra nhà ngoài tìm nước uống, tôi chợt gặp ba tôi đang ngồi âm thầm bên ngọn đèn ngủ, đầu ba tôi gục vào hai tay khoanh trên bàn. Tôi đứng ngay lại. Ba tôi nghe tiếng động, ngừng đầu lên. Tôi thoáng thấy đôi mắt ba tôi long lanh bên ánh đèn kém sáng. Tuy lúc đó tôi không hiểu ba tôi đang ngồi đấy làm gì, nhưng tình thương ba tôi bỗng bừng lên trong lòng tôi, bao-la và tha thiết. Lần đầu tiên tôi được cảm thấy tôi gần cha tôi.

Nỗi xúc động làm tôi rung rung muốn khóc.

Sáng hôm sau, tôi thấy đỡ sợ ba tôi hơn ; tôi không thấy oán ghét bà tôi như trước nữa. Một cảm giác êm đềm man-mác thấm vào lòng tôi. Tuy nhiên đôi khi, nhìn nét mặt bình hản của ba tôi, tôi lại mơ hồ thấy như cảm giác ấy vụt tan đi, và tôi buồn tủi. Tôi chịu không sao hiểu nổi tâm tính ba tôi và ngay cả tâm tính tôi.

Sau đêm hôm đó ít lâu, bệnh mẹ tôi vẫn không thuyên giảm. Ba tôi bảo tôi đưa mẹ tôi đi bác-sĩ.

Tôi biết, dù sao, đây cũng là một sự cố gắng của gia đình tôi. Vì đến lúc này, trong tay ba tôi không còn lấy một đồng ! Nhưng cũng chính vì điều này mà tôi đã hiểu được phần nào lòng của ba tôi đối với mẹ tôi.

Tôi nghĩ đến sự chật vật của ba tôi khi phải đi vay một số tiền chắc là to lớn để chạy chữa cho mẹ tôi.

Lần đầu tiên tôi không thấy buồn-rầu về cảnh túng thiếu của gia đình. Mà trái lại, tôi còn được hưởng một niềm vui tuy bé nhỏ, nhưng nhẹ-nhàng, êm mát.

TÔI không thể nào quên được những cảm giác đã đến với tôi khi lần đầu tiên tôi phải chứng kiến cảnh chữa cho mẹ tôi.

Hôm ấy, tôi đưa mẹ tôi đến một nhà thương chữa về thần kinh. Vừa trông thấy vị bác-sĩ già, mẹ tôi đã chấp tay lạy, miệng nói huyền-thuyền :

— Tôi van ông... ông đừng giết tôi...
Dung ơi ! Con đưa mẹ đến cho người
ta tra tấn mẹ... con ơi...

Tôi cố nén xúc động kể bệnh tình
của mẹ tôi cho bác-sĩ nghe. Ông an ủi
tôi ông cho tôi biết là mẹ tôi rất dễ-dàng
qua khỏi nếu mẹ tôi chịu để cho ông
chạy điện.

Mẹ tôi nhất định không nghe. Bà níu
lấy áo tôi kéo tôi ra cửa đòi về. Mặt
mẹ tôi ngờ nghệch vào hai mắt đại hấn đi.
Tâm thần tôi như mê loạn, khi trông thấy
mẹ tôi thế. Tôi vừa khóc vừa nói với
ông bác sĩ như điên cuồng :

— Thưa bác sĩ... bác sĩ muốn thế
nào cũng được miễn sao mẹ tôi sống...
Xin bác sĩ cứu lấy mẹ tôi... Tôi không
dám quên ơn bác sĩ...

Bác sĩ, mỉm cười rất hiền từ, an ủi tôi :

— Cô cứ yên tâm. Mẹ cô sẽ khỏi.
Chỉ trong ít ngày nữa thôi :

Rồi quay sang mẹ tôi, ông hỏi một vài
câu để thử tâm trí mẹ tôi. Mẹ tôi không
nói gì ngoài những lời van lạy.

Sau khi khám bệnh xong, vị bác sĩ nhờ
mấy cô y-tá đặt mẹ tôi lên một chiếc giường
nhỏ. Mọi người phải xúm vào giữ mẹ tôi.
Mẹ tôi giẫy giụa, cào, cẩu, cắn tất cả những
người giữ mẹ tôi. Miệng mẹ tôi luôn gọi
tên tôi. Trông mẹ tôi ngờ ngác nhìn tôi
như van xin, như muốn bảo : « hãy
buông tha mẹ ra », nước mắt tôi trào ra
không sao ngăn lại được. Tôi có cảm tưởng
như chính tôi mới là kẻ đau đớn và sợ sệt
tất cả mọi người chứ không phải mẹ tôi.

Khi hai chiếc nút điện tròn như miệng
chén, đặt vào hai bên thái dương mẹ tôi,

mẹ tôi bỗng rú lên một tiếng và toàn thân
mẹ tôi co rúm lại, chân tay giật mạnh, mắt
trợn ngược lên, đổ ngầu như một người
nghet thở. Miệng mẹ tôi đầy bọt rãi xủi
lên, trào ra hai bên mép. Hình ảnh ấy chột
đập mạnh vào tâm trí tôi. Tôi chỉ kịp thấy
mắt mình hoa lên, mọi vật vụt quay cuồng
hồn loạn, thì tôi đã ôm chặt lấy mặt, gục
xuống mép giường cạnh mẹ tôi. Và tôi mê
đi trong một thời gian ngắn.

Khi tâm trí tôi tỉnh lại, tôi ngẩng đầu
lên thì mẹ tôi đã nằm im lìm như một
người mất hết linh hồn. Tôi vụt òa lên
khóc. Ông bác sĩ — vẫn ở bên tôi từ lúc
nào tôi không hay — đặt nhẹ một bàn tay
lên đầu tôi, nói rất dịu-dàng :

— Mẹ cô không sao đâu. Cứ để bà nằm
một lát cho thực tỉnh cô hãy đưa bà về.

Tôi vẫn không nhìn lên :

— Nhưng... tôi sợ lắm... Tôi không có
can đảm nhìn mẹ tôi như vậy...

Vị bác sĩ yên lặng một lát như suy
nghĩ, rồi thông thả nói :

— Tôi rất ân-bận đã để cô phải sợ.
Nhưng... nếu muốn bà mau khỏi thì ba hôm
nữa cô lại đưa bà đến đây .. Tôi hứa sẽ
không để cô phải nhìn thấy mẹ cô như vậy
nữa...

Nói xong, ông bác-sĩ bước ra khỏi
phòng, để một mình tôi đứng hoang mang,
lo sợ bên cạnh mẹ tôi đang nằm thiêm thiếp
ngủ.



NHỮNG ý nghĩ về cái chết mỗi
ngày một hiện lên rõ rệt, bám víu lấy tâm

trí tôi khiến nhiều khi tôi thấy tê-rợn khắp người.

Sau hai lần chạy điện, mẹ tôi đâm ra nói lảm nhảm nhiều lần lên. Ông bác-sỹ không còn tin tưởng như trước nữa. Hình như đã một lần ông cho ba tôi biết là mẹ tôi gầy yếu quá, e khó chịu nổi cách chữa này. Ông cũng cho biết là nếu chịu nổi thì chỉ qua 8 lần, mẹ tôi sẽ khỏi hẳn. Ông cam đoan như vậy. Vì đã nhiều người mắc chứng bệnh như mẹ tôi đều đã qua khỏi chẳng hiểu sao, tôi không tin như vậy. Mỗi lần đi chạy điện về, mẹ tôi ngủ li bì gần như suốt ngày. Và mỗi lần ngủ dậy đôi mắt mẹ tôi lại nhìn chúng tôi ngơ ngác, bàng hoàng như một người vừa đi xa về, đứng trước cảnh vật đã thay đổi. Tia mắt mẹ tôi ngây dại như không nhận ra tôi nữa. Tôi luôn luôn có mặt bên mẹ tôi. Lắm khi, mẹ tôi ghét chị em chúng tôi như ghét kẻ thù. Bà xua đuổi tất cả mọi người sát đến gần bà.

Bệnh tình của mẹ tôi ảnh hưởng lớn lao đến tâm-tính tôi trong một thời gian. Nhiều lúc, ngồi bên mẹ tôi, ngắm mẹ tôi từng chi tiết nhỏ, tôi ngắm đôi mắt to tròn có hàng mi cong, ngắm chiếc mũi cao xinh xắn trên khuôn mặt xanh xao, hốc hác của mẹ, tôi như để thu nhận vào tâm trí hình ảnh cuối cùng của mẹ tôi và tôi có cảm tưởng như mẹ tôi đã hoàn toàn thay đổi. Người mẹ tôi gầy dộc hẳn đi. Có khi tôi tưởng sự ngơ ngẩn của mẹ tôi chỉ xảy ra Trong một giấc mơ, chứ không phải là có thật.

Bây giờ, ba tôi đã để lộ sự lo lắng của ông ra trước mắt chúng tôi. Ông luôn luôn săn sóc đến thuốc men cho mẹ tôi. Nhưng có điều tôi lấy làm lạ là, khi biết được ba tôi

lo lắng, và khi bệnh tình của mẹ tôi càng tăng lên thì hình như nỗi lo sợ của tôi lại giảm đi. Có lúc tôi thấy lòng tôi vui rộn hẳn lên khi trông mẹ tôi cười ròn như nắc nẻ. Tôi cũng cười theo mẹ tôi.

Nhưng dù vui hay buồn, lúc nào cũng như có một tiếng nói âm thầm vang lên trong tiềm thức tôi, nhắc cho tôi biết rằng «mẹ tôi sẽ chết». Lâu dần, ý tưởng đó trở thành quen thuộc với tôi. Tôi nghĩ đến sự chết của mẹ tôi ở trạng thái tâm hồn bình thản, đôi lúc lại vui-vui như thế, nếu mẹ tôi chết, tôi cũng sẽ được đi theo mẹ tôi. Thu bảo trông tôi nhiều khi như người mất hồn. Ngược lại, chính tôi cũng nhận thấy điều này ở các em tôi. Mọi người trong nhà, đi lại ăn nằm lảm-lỉ như những chiếc bóng.

Càng ngày, bầu không khí ảm-cúng trong gia đình tôi càng loãng ra, và một làn không khí u-buồn, lạnh lẽo một cách ghê rợn lan đến vây quanh chúng tôi và thất lại dần dần... dần dần...

Cho đến một hôm, sau lần chạy điện thứ sáu, tôi vừa đưa mẹ tôi về đến nhà, mẹ tôi đòi đi ngủ ngay. Chúng tôi hơi mừng vì hôm ấy trông nét mặt mẹ tôi có vẻ tỉnh táo hơn mọi ngày. Nhưng chúng tôi hỏi gì, mẹ tôi vẫn không nói, chỉ lắc đầu một cách mệt mỏi và chán nản rồi nhìn chúng tôi không chớp mắt. Tôi dìu mẹ tôi nằm xuống giường, rồi bảo các em tôi đi chỗ khác chơi để mẹ tôi ngủ.

Buổi tối hôm ấy, ba tôi đi làm về, bảo tôi vào đánh thức mẹ tôi dậy xới cơm.

Khi vừa mở phòng mẹ tôi đột nhiên một cảm giác kỳ lạ ập nhanh vào đầu óc tôi

rồi tỏa rất mau ra khắp cơ thể tôi khiến trong một thoáng, tôi như mê đi. Nhìn mẹ tôi nằm im lìm trên chiếc giường tre trong căn phòng sáng nhờ-nhờ, linh-tĩnh cho tôi biết có chuyện gì đã biến đổi mẹ tôi.

Như một cái máy, tôi chạy nhanh đến bên mẹ tôi, đặt vội tay lên ngực bà: Người mẹ tôi đã lạnh toát-tự lúc nào...

Đến bây giờ tôi vẫn không sao nhớ được lúc ấy tôi đã nghĩ gì, tôi đã làm gì? Tôi chỉ nhớ mang-máng rằng tôi chẳng nghĩ gì mà cũng chẳng làm gì cả. Tôi vẫn thản nhiên ngồi cạnh mẹ tôi và có cảm tưởng như mẹ tôi vẫn còn đang ngủ...

Rồi hình như lâu lắm, ba tôi và các em tôi mới vào với chúng tôi. Và hình như có tiếng các em tôi khóc chu chèo bên tai tôi.

Giữa lúc ấy, tôi mơ hồ thấy mình đang bay chơi vơi ở một nơi nào xa lắm.



MỘT buổi sáng — cách ngày mẹ tôi chết vài hôm — sau khi đi thăm mộ mẹ tôi về, ba tôi và chúng tôi ngồi chung quanh

bàn ăn trong một bầu không khí yên-lặng nặng nề. Những nén nhang đang cháy dở trên bàn thờ mẹ tôi, tỏa ra từng làn khói mỏng, quyen quanh chúng tôi càng làm tăng thêm cái u-sầu lạnh-lẽo trong nhà.

Mọi người đã bắt đầu cầm đũa. Chợt em Bích tôi — mới được 5 tuổi — vừa bê bát cơm vừa ngây ngô nhìn mọi người, nói bi-bô:

— Ba xơi cơm... Mẹ xơi cơm...

Em tôi vừa nói đến đây, chúng tôi, không ai bảo ai, đều buông đũa xuống mâm, nhìn nhanh sang nét mặt hồn-nhiên của Bích. Ba tiếng: « Mẹ xơi cơm » ở miệng em tôi vừa nói ra chợt vang lên trong tâm trí tôi, quen thuộc như giọng nói của mẹ tôi. Thu, Trường, Thúy bất giác và lên khóc cùng một lúc. Tôi bàng hoàng ngây dại nhìn các em tôi không biết nói gì. Hình như đang có một vật nặng đè lên ngực tôi và nén lấy cổ tôi.

Qua những giọt nước mắt đọng ở đầu mi, tôi thoáng thấy Ba tôi thở dài lặng-lẽ quay nhìn ra cửa ..

30 - 4 - 1960

DOÃN - DÂN

ĐÃ PHÁT HÀNH

Văn - Hóa Nguyệt - San số 52

NỘI-DUNG PHONG-PHÚ

Dày 180 trang, giá 12\$

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được :

Đêm sâu đất lạ ; Vợ chồng ;
(Mạc-Lang-Thương) — Giảng-kiều
(Lãng-Tử) — La-sinh-môn (Trung-Đu) — Hội-họa Trung-Quốc (Ngoa-Hồ) — Tình người (Phan - Du) — Truy điệu (Trịnh - Khắc - Hồng) — Gió (Vĩnh-An) — Giờ tam biệt ; Vịnh hồng thi ; Hồng thi (Hải-Hùng) — Buồn ; Tâm tư (Thanh-Hoài) — Ươm áo ; Vững nước ; Chuyển xe dầu (Mai-Thương) — Đường chiều (Hư-Linh) — Đường về chiều (H.A.) — Tiếng chiều (Hàn-San) — Lang thang ; Dở dang (Trịnh-Quang-Phú) — Tương tư ; Trường xưa (Mạc - Quang-Huyền) — Mất mát ; Rung rung (Xuân-Thị) — Quê hương ; Đêm ngĩa địa ; Về đâu (Uyển-Uyển) — Hai bài không đề (H.C.L.N.H.) — Kể dạ hành (Hợp-Hương) — Cô độc ; Thương hờ (T.C. Hàn-song-Tâm) — Hoài niệm (Hải - Đăng) — Hãy vút đi em (L.P. Lê-Lương-Nguyên) — Bến lạ (Mai-Thương).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn.
Tất cả những bài trên đây, nếu bài

nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc biệt có in riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Mạc-lang-Thương : Bách - khoa rất hoan - nghênh bài của các bạn gửi về, Bài nào tòa - soạn thấy là hay, có giá-trị đều sẽ đăng không phân biệt cây bút quen hay lạ. Bài nào đã đăng (trừ những bài cây đăng) đều có nhuận bút ; bởi vậy xin ông cho biết tên thực và địa-chỉ hiện-tại để tiện liên-lạc bằng thư riêng nếu cần.

Ô. Kim-Giáp và Ô. Thiện - Sinh : Trân-trọng xin cho biết tên thực và địa-chỉ hiện-tại để tòa soạn tiện liên-lạc.

Em Bùi-Thanh-Danh : *trường T.V. Kế, Sài-Gòn*. Anh Trần-van-Khê đã được thư em, lấy làm phần - khởi lắm. Anh Khê muốn biết địa chỉ em.

NGUYỄN-NGU-Í

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- Giảng luận về Nguyễn-Khuyến của Ô. ô Lam-Giang và Vũ-Kỳ, giáo-sư các Trường Trung - Học : Nghệ - Tĩnh, Bình-Phủ và Trường-Vĩnh-Kỷ soạn, theo phương-pháp giảng-luận mới. Sách dày 192 trang. Giá : 40\$00
- Địa-lý đệ thất, của Ông Bùi-Đình-Tân soạn theo chương trình hiện hành của Bộ Q.G.G.D. in lần thứ tư, nhà sách Yên-Sơn xuất-bản và gửi tặng Sách, dày 172 trang. Giá : 35\$00.
- Mưa gió Sông Tương, Thi-tập của Trương - Phổ (từ 1915 — 1949). Nhà sách Bốn-Phương xuất-bản và do Thi-sĩ Đông-Hồ gửi tặng. Sách dày 119 trang trình bày đẹp và trang-nhã Giá : 80\$00.

— Bức Tâm Thư và Thằng Cảnh ăn ớt, Thần-Liên thi-tập của Ô. Lê-văn-Tất gửi tặng Quyền 3 và 4. Giá mỗi quyển 10\$00.

Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ các tác-giả, nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng độc-giả B.K.



BÁO MỚI

- Thề-Hiện, tạp chí văn - nghệ, ra hàng tháng, do Ông Trần-Như-Uyển chủ-trương, biên-tập. Báo dày 64 trang. Giá mỗi số : 10\$00. Báo ra vào ngày 1 mỗi tháng.

Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả Bách Khoa và chúc bạn đồng nghiệp được nhiều may mắn

ĐÍNH CHÁNH

★ B. K. SỐ 83 : « Bài Hát ả-đào »

- trang 52, cột 2, giọng 15, 18, 21, Vũ trung tùy bút chớ không phải Vũ trường.
- trang 52, cột 2, giọng 27. Hoàng chung và 12 luật lữ chớ không phải .
- trang 53, cột 1, giọng 10. Đại thực chớ không phải Đại thức.
giọng 25... lời nhạc A-rập chớ không phải lời nhạc.
giọng 34... lúc yển thực .. chớ không phải yếu thực.
giọng 39, sử âm nhạc cổ điển — bỏ số 2.
- trang 54, cột 1, giọng 18, ngân nga.
cột 2, giọng 2. Sau chữ « Xà Nam » chấm. Bỏ chữ thi... Theo. Thoa
giọng 3. Sau Nguyễn-Đôn-Phục, phết bỏ chữ thi.
- trang 55, cột 1, giọng 2. Lá đầu không phải là 2 đầu.
- trang 56, cột 1, giọng, 34... chớ ngày xưa — không phải chớ ngày xưa.
- trang 57, cột 2, giọng 18. Trung cung chi nhạc chớ không phải trong
cung chi nhạc.
giọng 23, múa thi điệu Tiên đào quả — không phải thi múa điệu
Tiên đào quả.
- trang 58, cột 1, giọng 6, thêm chữ sự. Nhất là sự tổ chức.
Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc, và mong các bạn sửa giùm
cho những lỗi trên đây.

SÙNG CHÍNH VIỆN

GIỚI THIỆU

SAI BIỆT

THƠ THỂ PHONG

21 BÀI THƠ CỦA 1960

Thư từ xin gởi cho ông Trịnh-đình-Thắng

345 Nguyễn-huỳnh-Đức — Phú-Nhuận—Saigon

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo - Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

Đại - Lý

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.221 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chieu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam-Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

Một Phim COLUMBIA :

CÔ GÁI KHỔNG LỒ

30 FOOT BRIDE OF CANDY ROCK

LA FEMME GÉANTE

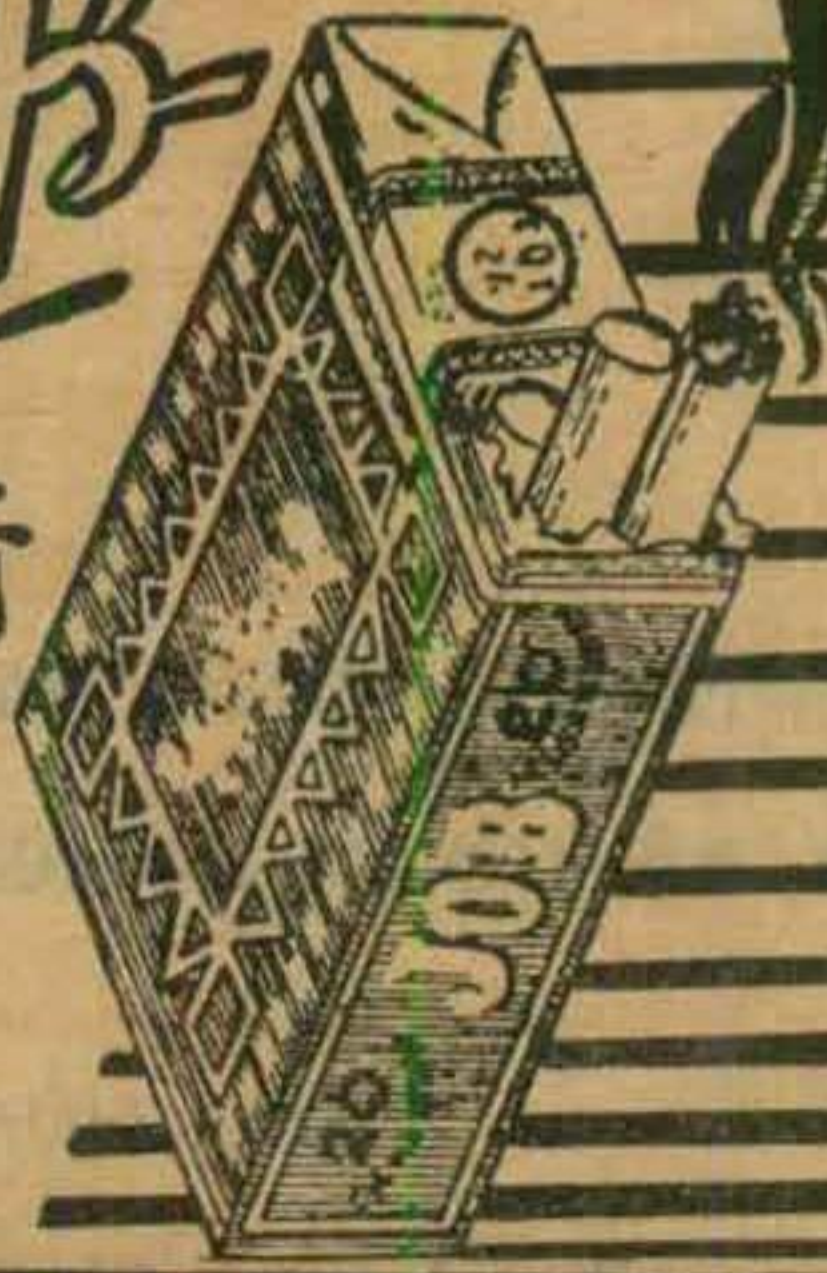
KHỞI CHIẾU TẠI: **KHAI-HOÀN**

NGÀY 18-8-1960

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
金字烟



Cigarettes **JOB** *Surfines*

COFAT

CHOLON

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẠI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

Huít Chuốc Thơm

Mã nhật bản

Sáng Tinh Chấn

Văn -

- Nghe -

- Li



GIÁ HẠ

15\$



